

*Vũ Hoàng Chương*

# Ta đã làm chi đời ta



[WWW.VNTHUQUAN.NET](http://WWW.VNTHUQUAN.NET), 2008.

**Vũ Hoàng Chương**

## **Ta đã làm chi đời ta**

**Tiểu Sử tác giả**



Vũ Hoàng Chương (5 tháng 5 1916 – 6 tháng 9 1976) là một nhà thơ nổi tiếng trong trào lưu thơ mới ở Việt Nam. Ông sinh tại Nam Định, nguyên quán tại làng Phù Ứng, huyện Đường Hào, phủ Thượng Hồng, nay là huyện Mỹ Hào tỉnh Hưng Yên. Thơ ông sang trọng, có dư vị hoài cổ, giàu chất nhạc, với nhiều sắc thái Đông phương.

Thuở nhỏ, ông theo học chữ Hán tại gia đình, học tiểu học tại Nam Định. Năm 1931 vào học trường Albert Sarraut ở Hà Nội, đỗ Tú tài năm 1937.

Năm 1938 ông vào Trường Luật nhưng chỉ được một năm thì bỏ đi

làm Phó Kiểm soát Sở Hỏa xa Đông Dương, phụ trách đoạn đường  
Vinh - Na Sầm.

Năm 1941, ông bỏ Sở hỏa xa đi học Cử nhân toán tại Hà Nội, rồi  
lại bỏ dở để đi dạy ở Hải Phòng. Trong suốt thời gian này, ông  
không ngừng sáng tác thơ và kịch. Sau đó trở về Hà Nội lập Ban  
kịch Hà Nội cùng Chu Ngọc và Nguyễn Bính. Năm 1942 công  
diễn vở kịch thơ Vân muội tại Nhà Hát Lớn và gặp gỡ Đinh Thục  
Oanh, chị ruột nhà thơ Đinh Hùng, thành hôn năm 1944.

Sau Cách mạng tháng Tám 1945, về Nam Định, diễn vở kịch thơ  
Lên đường của Hoàng Cầm. Kháng chiến toàn quốc nổ ra, đi tản  
cư cùng gia đình về Thái Bình, làm nghề dạy học. Đến 1950, gặp  
lúc quân Pháp càn đến, ruộng bắt cả nhà, hồi cư về Hà Nội, dạy  
toán rồi chuyển sang dạy văn và làm nghề này cho đến 1975.

Năm 1954, Vũ Hoàng Chương vào Sài Gòn, tiếp tục dạy học và  
sáng tác.

Năm 1959 được giải thưởng toàn quốc của chính quyền Việt Nam  
cộng hòa về tập thơ Hoa đăng. Trong năm này tham dự Hội nghị  
thi ca quốc tế tại Bỉ.

Năm 1964 tham dự Hội nghị Văn bút Á châu họp tại Bangkok.  
Năm sau, 1965 lại tham dự Hội nghị Văn bút quốc tế họp tại Bled,  
Nam Tư. Năm 1967, lại tham dự Hội nghị Văn bút quốc tế họp tại  
Abidjan, thủ đô Côte d'Ivoire.

1969-1973 là Chủ tịch Trung tâm Văn bút Việt Nam thuộc Việt

Nam Cộng hòa. Năm 1972 đoạt giải thưởng văn chương toàn quốc của Việt Nam Cộng hòa.

Ngày 13 tháng 4 năm 1976, bị chính quyền giải phóng bắt tạm giam tại khám Chí Hòa. Bệnh nặng đưa về nhà một thời gian ngắn thì mất ngày 6 tháng 9 năm 1976 tại Sài Gòn.

[sửa] Các tác phẩm tiêu biểu

Các tập thơ:

Thơ say (1940)

Mây (1943)

Thơ lửa (cùng Đoàn Văn Cừ, 1948)

Rừng phong (1954)

Hoa đăng (1959)

Tâm sự kẻ sang Tần (1961)

Lửa từ bi (1963)

Ta đợi em từ 30 năm (1970)

Đời vắng em rồi say với ai (1971)

Chúng ta mất hết chỉ còn nhau (1973)...

Kịch thơ:

Trương Chi (1944)

Vân muội (1944)

Hồng diệp (1944)

## Ta đã làm chi đời ta

### Một bước đi ngang

Cuộc Bắc du tiết tháng Bảy năm Nhâm Ngọ (1942) xuất phát từ Hà đô; phương tiện di chuyển là xe lửa.

Vai chính không ai khác hơn Đỗ Quân, tác giả nhiều truyện ngắn truyện dài được anh em làng văn tán thưởng. Vì, không xảy ra chuyện Đỗ sắp dời bỏ anh em để sang Quảng Châu, thì đâu có chuyện tiễn đưa ấy, mà cuộc Bắc du chỉ là một trong nhiều chặng đoàn đình trường đình.

Ôi, “đi là chết ở trong lòng một ít”! Có thật thế chẳng, hay nhà thơ Pháp quốc nào kia đã khéo bịa đặt? Điều đó “bất túc luận”. Chỉ cần biết rằng “có đi, phải có tiễn”. Mặc dầu người ra đi chẳng nhất khứ như Kinh Kha sang Tần; cũng chẳng vì nghệ thuật thứ bảy như Ân Ngũ Tuyên sang Hương Cảng. Và mặc dầu kẻ ở lại vẫn có thể đọc được văn của bạn mình trên một vài tuần báo hữu danh ở Hà đô; thí dụ truyện Bốc đồng và nhất là chuyện Đứa con đang dang tải trên tuần báo Thanh nghị.

Vai phụ quan trọng hơn cả là Hoàng. Bởi lẽ chính Hoàng đã cổ động cuộc tiễn đưa, dốc hết túi vào việc thực hiện, và phát tay áo cho gió lên. Nhưng vai phụ thứ hai cũng quan trọng không kém; người ấy là Lê Quân, tác giả thi tập Thực và Mộng, người được tiếng là ngâm thơ hay hơn làm thơ, và bản thân cũng cổ kính ngang với những bình cổ, chóc cổ, ẩm chén cổ, thư tịch cổ, v.v. bày ngổn ngang trong căn nhà vừa hẹp vừa sâu tọa lạc ở giữa phố Hàng Điếu. Quan trọng vì chính Lê đã định hướng cho cuộc “tổng biệt trường kỳ” này.

“Chúng ta hãy ngược lên Kinh Bắc vài ba ngày cái đã; rồi sẽ đồ xuôi... vào Vinh... vào Huế... đâu thì đâu! Cam đoan không ai phải thất vọng; Kinh Bắc là nơi thiết lập “Đệ nhị phòng” của đệ mà! Tiểu Kiều vốn sinh trưởng tại làng Ó, bạn hát Quan họ rất

đông, lại rất chân truyền, không nhiễm mảy may cát bụi đô thị!... À, mà suýt nữa quên, chính Hoàng cũng đã sang Dương Ổ rồi đấy thôi; và chẳng đã nuôi mộng “kim ốc tàng kiều” ngay tại trận rồi là gì!”

Đỗ ngồi nghe từ nãy, mặt lạnh như “người Hồng Mao” bỗng nhiên khởi sắc... rồi đưa mắt nhìn Hoàng, như vừa bắt được trên đài Khí tượng một tin gió mây kỳ dị nào. Và, trong tia mắt ranh mãnh thâm trầm kia, lại kèm theo cả một lời tra vấn mỗi giây phút cường độ càng gia tăng...

Hoàng đang bối rối thì may quá, đã có người đến cứu nguy. Chưa cần trông thấy người; chỉ nghe cái giọng nói theo thốt từ nhà ngoài bay vào là bộ ba Đỗ – Hoàng – Lê đã đoán biết ai rồi.

Ôi, cái giọng nửa Thổ nửa Kim, lên bổng xuống trầm như đưa võng, khoan thai làm điệu, vừa khách khí như giọng trên sân khấu, lại vừa bí hiểm như giọng nhà thám tử trong tiểu thuyết! Không phải tác giả “Vàng và Máu” thì còn ai vào đây!

Thế là Nguyễn Quân Thứ Lễ tự mắc luôn vào đoàn xe sắp khởi hành! Cái toa xe thứ tư này kể ra cũng khá nặng; nhưng cứ như lời phát nguyện: “Gió đã lên, ông Trời làm Đầu tàu, thì mắc vào mấy mươi toa cũng được, quý hồ phải có toa thứ nhất (toa của xa trưởng, tiếng Pháp gọi là fourgon) và toa thứ hai (toa cung cấp thực phẩm, tiếng Pháp gọi: Wagon-Restaurant). Lẽ dĩ nhiên, từ toa thứ ba trở xuống, mắc vào hay tháo ra tùy ý, bất cứ ở đâu, và lúc nào!”.

Đúng Ngọ, giờ Hoàng đạo rồi; Đỗ, Hoàng, Lê, Nguyễn cùng trực chỉ ga Hàng Cỏ.

Chuyến xe lửa Hà Nội – Phủ Lạng Thương khởi hành lúc 12g hơn. Ngồi trên xe, Hoàng trông ra ngoài khuôn cửa, mà bất giác như không còn nhớ gì hiện tại, quên luôn cả ba ông bạn quý ngồi bên. Điệu nhạc khô gầy của bánh xe nghiêng trên đường sắt đã chậm chậm đưa tâm trí Hoàng trôi ngược thời gian, trở về làng Dương Ổ ba tháng trước, khi lửa lựu mới lập lòe trên đầu mảnh tường hoa. Một buổi chiều tháng tư, Hoàng tới làng này lần thứ nhất, và được Lê Quân giới thiệu như một quý khách từ Hà Nội sang, có thừa phong nhã, lại thừa cả gấm vóc ngựa xe... Hoàng cũng không cải

chính; vì lẽ chỉ sang đây nghe hát Quan họ thôi mà; đâu có định lập “Đệ nhị phòng” như kiểu ông bạn đứng tuổi! Bất quá, sau một đêm vui, có trăng sáng, có bạn tốt, có giọng ca êm... thì cũng đến cái giây phút:

Cô nhận Nam phi, hồng Bắc khứ;  
Nhàn vân Tây vãng, thủy Đông lưu [1]

Một đêm hội ngộ, rồi cá nước chim trời; mà muốn hiểu mình theo cách nào thì hiểu; mất công cải chính làm chi!  
Nhưng, trái với cái ý nghĩ khinh bạc trên đây của Hoàng, Lê tỏ ra thành khẩn và cao hứng đến cực độ. Nhà này là nhà của “dì nó”, tức là của... Dương Quý Phi! Ấy là ông bạn bảo thế! Mà tấn phong đã từ lâu rồi kia! Dương Quý Phi của Lê rất hiếu khách; bất cứ người bạn nào do Lê đưa từ Hà Nội sang giới thiệu cũng được nàng tiếp đãi cung kính, nồng hậu và thân tình. Cho nên, chiếu y cựu lệ, nàng sửa soạn một mâm rượu bung lên, mời Lê và Hoàng nâng chén nâng đũa... Rồi... chính nàng thì chỉnh đốn lại mái tóc, vạt áo... để thoăn thoắt bước ra cổng, đi về phía cuối làng. Mặc dầu lúc ấy đã chập choạng tối và hai cô em nàng đã thấp lửa vào cây đèn lớn treo giữa nhà, ánh sáng lung lay, tỏa rộng. Hoàng không cần hỏi, cũng đoán biết “dì nó” của Lê đang đi mời các “bạn hát”; nhà đã có sẵn ba chị em, nhưng hát Quan họ phải đông mới hào hứng. Vả lại, trong ba người, không ai có giọng hát đáng kể vào bậc nhất, đủ làm “đàn chị” cho những giọng khác hòa theo. Ấy là ông bạn họ Lê giải thích như vậy.  
Rồi Hoàng xem! Lát nữa đây, dưới bóng trăng Dương Ô, Hoàng sẽ được sống những giờ thần tiên, đẹp hơn cả thời gian trên Nguyệt điện, khi cô Hằng tự điều khiển lấy khúc Nghê thường vũ y...  
Câu nói vừa buông lửng, theo một nhịp cười dài, Lê đã cất giọng ngâm sang sảng:

Gió hây hây... Cô nàng nhanh nhẹ biến  
Rồi phút giây lại hiện sau hàng hiên...  
Sống lựa thâm phần phạt đồ bên thềm;

Những câu thơ ngộ nghĩnh này, chẳng hiểu Lê đã sáng tác từ bao giờ. Nhưng thơ là “Thơ mới” kiểu “Tình già” của Phan Khôi hay “Cây đàn muôn điệu” của Thế Lữ, mà Lê ngâm được theo lối “ngâm nhà Nho”, lại ngâm rất hay, rất gợi cảm nữa mới tuyệt chứ! Hoàng phục quá, yêu cầu ngâm tiếp, liền bị Lê chặn lại ngay: “Hăng biết thế! Đi đâu mà vội!”.

Trăng vừa lên khỏi chân trời, hãy còn khuất sau lũy tre đàng xa; chỉ thấy ánh sáng chập chờn hư ảo... Hết chén này đến chén khác, Hoàng say mềm, phục xuống chồng giấy Dó đã được chủ nhân xếp thành một chiếc gối thật cao. Rồi ngủ lúc nào không biết!

Cho đến, khi Lê Quân lay gọi, Hoàng cũng chưa tỉnh hẳn. Xuyên qua bức rèm sương kỳ ảo của cơn say đang nhạt và của giấc mộng đang phai dần, Hoàng nghe thấy nhiều tiếng hát, trong veo như suối, tròn xinh như ngọc... khiến Hoàng liên tưởng ngay đến tiếng đàn trong bài "Tỳ bà hành":

Tiếng cao thấp lựa chen lần gảy  
Mâm ngọc đâu bỗng nảy hạt châu...

Kịp đến lúc ngồi dậy được và mở mắt ra được, Hoàng mới chợt hiểu rằng mình đã lầm. Tiếng đàn nào mà so sánh nổi với tiếng hát ở đây! Làng Dương Ổ còn vượt xa bên Tầm Dương cả ngàn năm tốc độ ánh sáng, trên chiều cao của nghệ thuật và nhất là chiều cao của rung động tâm linh.

Thật vậy, trong số chín mươi người đang ngồi quay vòng tròn trên chiếc “bục” rộng trải chiếu hoa kia, đã hiện hữu cả một “giấc mơ người đẹp” mà bấy lâu nay Hoàng ôm ấp.

Trời! Bao nhiêu trăm ngàn câu thơ diễn tả thanh sắc mỹ nhân, từ cổ chí kim, từ Đông sang Tây, đối với Hoàng lúc này đều vô nghĩa... Vàng trắng đã lên cao ở ngoài hiên đó, và chứng giám điều nghĩ này của Hoàng!...

... Tay tiên rót chén rượu đào,  
Đỏ đi thì tiếc uống vào thì say...

Chưa bao giờ tiếng Việt lại thấm vào con người toàn diện của Hoàng đến thế! Cũng chưa bao giờ một câu hát Quan họ, câu tứ theo thể điệu ca dao, mà lại có ma lực đoạt hồn phách đến thế! Lúc này Hoàng Say Rượu; bây giờ Hoàng tỉnh rượu để Say Tình. Và, thừa dịp các cô tạm nghỉ hát, ngồi uống trà, Hàng trao đổi kín đáo một vài câu với Lê, rồi cất giọng cao ngâm bài thơ tứ tuyệt vừa sáng tác ngay “tại trận”:

Ánh rượu đào trên má đỏ hây,  
Tiếng ca tròn với khuôn trăng đầy,  
Ngọn cau, trăng cũng tròn theo tiếng,  
Tròn nảo nùng như tuổi của Mây.

Tiếng cười khúc khích nổi lên ở phía các cô. “Người đẹp” của Hoàng then thùng cúi mặt, nhưng cặp môi rung động rất tươi. Vì lẽ bài thơ vừa ngâm đã “có nàng ở trong”. Vâng! Tên nàng chính là Mây, và tuổi nàng cũng trăng tròn vừa kịp.

Ai hay nét rung động rất tươi kia đã như phóng ra một luồng điện cảm thông kỳ dị nó cứ lan tràn mãi không ngớt dư ba, khiến cho Hoàng bị điên đảo từ mấy tháng nay, và chính Mây, người làm nên sóng gió, cũng đã thồn thức bao đêm, chẳng còn thiết gì với ca hát. Hỡi ơi, tại sao Lê Quân đã có vợ con đông đảo tại Hà đô, mà lập “đệ nhị phòng” ở đây dễ dàng đến vậy? Mà Hoàng, chưa có gia đình, lại không thể nào tính cuộc trăm năm được với cô Mây?... Tại sao?... Tại sao?...

\*

Điệp khúc đều đều và buồn nản của đường sắt như dâng từng đợt “Tại sao” vào tâm hồn tê tái của Hoàng; đột nhiên đầu máy ré lên một hồi còi, lại càng như xoáy mãi cơn sâu trên da thịt kẻ “tình duyên lỡ dở”. Qua lại hàng trăm lần quãng thiết lộ này, Hoàng chẳng cần nhìn ra ngoài cũng thừa biết đây là ga Phủ Từ Sơn. Vội lên tiếng:

“Ga sau là Chùa Lim rồi đấy nhé. Sửa soạn để xuống xe thì vừa!”.

Lê Quân mỉm cười, giơ cao một cánh tay lên:

“Khoan đã! Cứ thông thả. Ba chúng tôi vừa bàn nhau, thay đổi chương trình lại chút ít. Không xuống ga Chùa Lim nữa đâu!”.

Thì ra, trong lúc Hoàng ngồi mơ mộng, Lê Quân đã thuyết phục Đỗ và Nguyễn cứ thẳng đường lên tỉnh lỵ Bắc Ninh cùng với Hoàng. Chỉ một mình Lê xuống Lim để vào Ó thôi. Báo trước cho “sở tại” họ lo chu tất việc đón tiếp cả bọn! Tối nay ta ngủ lại Bắc Ninh – đã có Hoàng nó đảm trách – rồi sáng mai tà tà chùng 10 giờ, điếm tâm xong bọn ta sẽ từ Bắc Ninh đi xuôi về Ó, đường còn gần hơn là xuống Lim để ngược lên!

“Yên trí” – Lê nói tiếp – “Các ông cứ vào xóm Niềm đi! Tối nay tôi sẽ lên với các ông mà! Chỉ tạt qua “đệ nhị phòng” từ giờ đến chiều thôi, cam đoan không thất hứa!”

Hoàng giận lắm. Nhưng cũng không nói gì. Lên Bắc Ninh thì lên; càng vui chứ sao! Đối với Hoàng, xóm Niềm cũng có không khí “gia đình” như làng Dương Ổ đối với Lê; mấy năm trước Hoàng đã chẳng là “Xếp ga tỉnh Bắc” đó thôi! Và khi rũ áo ra khỏi sở Hỏa xa, trao lại ấn tín và tiền “caisse”, Hoàng còn ngâm một bài trường ca, lúc này đã quên gần hết, chỉ còn nhớ lồm bồm mấy câu đầu:

Quải ân phong kim, hề, xa Bắc Ninh:

Đại ga sáu tháng, hề, bao nhiêu tình!

Khói hề thơm... Rượu hề ngọt...

Xóm Niềm ran tiếng trống, hề, gái Niềm tươi xinh!...

Quả nhiên chiều nay gái xóm Niềm đã tươi xinh thật! Âu cũng hà dạ cho Hoàng! Tiễn Đỗ quân nay mai sang tận Quảng Châu, lại có Nguyễn quân tự ý tham dự, và cả Lê quân – rất đúng hẹn, chưa xầm tối đã lật đật từ Ó lên nhập cuộc rồi - cuộc tiễn đưa phải vang lừng y trúc men khói ngút trời mới xứng đáng chứ!

Câu chuyện “tình hận” với cô Mây làng Dương Ổ, hãy gác ra một bên. Cả đến buổi “nghe hát Quan họ” chiều mai do Lê quân hứa hẹn tổ chức, cũng để lấy đã! Hạ hồi phân giải, nghe! Giờ đây, giữa xóm hát đông vui bậc nhất xứ Kinh Bắc, muốn gọi cô Tuyết thì có

Tuyết, muốn gọi Vân thì có Vân... tội gì vẫn vương những sợi dây oan nghiệt khác. Đỗ quân có vẻ cao hứng nhất, bàn chuyện sau đây sẽ vào Vinh vào Huế, cứ y như lúc nào Trời cũng phải chiều người!

Nguyễn quân thì hơi mệt mỏi. Vả lại còn nhiều công việc ở Hà Nội quá; đi xa không được đâu!

Nhưng Lê quân lại khác. Mặc dầu nhát phòng, nhị phòng... lung tung, và mặc dầu chuyện kinh doanh bẽ bộn, Lê cũng nhất quyết theo Đỗ cho đến cùng. Nghĩa là cho đến cái phút Đỗ xuống con tàu thủy tềch với nơi đất... khách!

Bởi vậy Hoàng càng vui, tiếng trống có vẻ “chắc tay” hơn mọi khi nhiều. Và có viết mấy câu để làm ghi; cả Hán tự, cả quốc âm cho trọn vẹn.

Bài Hán tự:

Ngẫu ư: Kinh Bắc phiếm du; Niềm thôn dạ bạc.

Bồ đào mỹ tửu; thắng hữu như vân.

Điểm cổ văn ca; thuần yên điểm sắc.

Hoa gian ty trúc; nguyệt hạ y thường.

Vũ hóa đăng tiên; Xích bích Tầm dương chi tùy mộng; tình căn vị liễu, thanh sam hồng phấn chi lưu duyên [2] .

Dịch Nôm:

Chợt nay: Kinh Bắc chơi rong; Xóm Niềm đêm ghé.

Bồ đào rượu ngọt: bạn tốt như mây.

Điểm trống nghe ca; khói thơm người đẹp.

Trong hoa xanh phách; dưới nguyệt xiêm hài.

Chắp cánh lên tiên, Xích bích Tầm dương say mộng cũ; nợ tình chưa dứt, áo xanh má phấn còn duyên ghi.

\*

Sáng hôm sau, cả bọn bốn người ra khỏi Niềm thôn. Nhưng xem ra

phần hào hứng có giảm sút trông thấy.

Nhất là Nguyễn, chẳng biết có phải vì đêm qua gặp đúng Hồ ly tinh hiện thân hay không, mà sớm nay tác giả “Vàng và Máu” chẳng còn một chút sinh lực nào!

Men theo đường bờ ruộng, Nguyễn cứ đồ xiêu đồ vẹo, suýt quy tới mấy lần. Nguy quá! Rồi Hoàng biết nói sao với chị Song Kim đây? Đồ thì cũng lử khử, và hình như “cảm nặng” dì Vân người mới gần bó đêm qua nhưng đã từ lâu quen biết. Sang Quảng Châu một mình, buồn chết người! Giả thử có cách gì mang cả Vân đi theo thì đỡ con sâu biết mấy! Đồ cứ thủ thủ vẩn kè, khiến cho Hoàng đã rồi ruột lại càng rồi ruột thêm.

Chỉ có Lê quân là phớn phở ra mặt. Đi lên trước dẫn đường, chốc chốc lại dừng chân lắc đầu lắc cổ:

“Các cậu xoàng quá! Mới du hí có một mục mở màn, mà đã xơ xác thế rồi. Còn trường chinh sao được!”

Hoàng cố gượng dìu Nguyễn vào làng, trong bụng lo quá:

“Anh có sao không? Chắc chỉ mệt thôi chứ gì? Để lát nữa uống mấy tuần trà là khỏi”.

“Không anh ạ. Tôi thấy đau ngực quá! Hình như bệnh cũ tái phát hay sao? Có lẽ vào ngôi một lúc, rồi tôi xin kiếu, về Hà Nội ngay trưa nay thôi”.

“Về thì cùng về cả chứ; đâu có chuyện để anh về một mình! Bực quá! Chỉ tại anh chàng Lê Trọng Quý khéo giở trò; đảo lộn thứ tự các tiết mục trong chương trình mới ra nông nổi này chứ! Việc gì cũng bàn, bàn đi bàn lại, bàn tới bàn lui, nát bét cả. Không trách trong anh em thân tình, đã có thơ truyền tụng:

Áo trứng sáo, mũ béret,  
Râu hai máu, chính là Lê trọng... Bàn!”.

Lê quân thoáng nghe lọt câu thơ này, quay xuống nguyền một cái thật dài:

“Lại thằng Hoàng nói xấu gì mỗ phỏng? Ừ “thì tôi là cái bàn; còn các ông... các ông là những “con sứa”; mở cờ giống trống thì hăng lắm, rốt cuộc ông nào cũng “ủ xù xù”.

\*

Thế là cuộc Bắc du bị chấm dứt bất ngờ. Chẳng ai được nghe một câu Quan họ nào cả! Phải chăng vì quá mê chôn gió bụi giang hồ, nên không có duyên đến được với linh hồn đồng quê trong sạch chất phác?

Đằng nào thì cái toa thứ tư cũng đã xin rút ra khỏi đoàn xe. Chỉ còn lại Đỗ, Hoàng, Lê ngồi trầm ngâm trên lầu Đông Hưng Viên, cùng bài thơ của Hoàng vừa sáng tác:

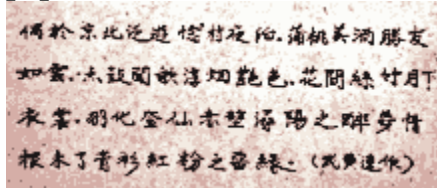
Bốc đồng hãy còn thiếu đoạn kết,  
Đứa con dở dang dang chưa hết  
Tiền lấy lâu rồi, nhưng còn vẩn?  
Thế mà ông nỡ bỏ đi biệt!...  
Đi xa, xa lắm nhĩ ông Thu?  
Muôn dặm quan san lìa đất Việt.  
Rồi đây vắng bạn vắng thê nhi,  
Đất khách tiêu sầu chỉ có viết...  
Bây giờ hãy tạm treo bút lên  
Nam Bắc chơi rong chỗ quen biết.  
Một bày sơn phấn đầy mà thôi,  
Nhưng tình giang hồ thật thắm thiết...  
Đầu tiên Kinh Bắc sang dì Vân,  
Má đỏ xem còn để dấu vết?  
Rồi vào ty trúc ở trong Vinh,  
Khoản ấy ông Đoàn đã hẹn thết  
Tiện đường vô Huế rủ ông Cung  
Thăm thú đàn ca trôi bóng nguyệt.  
Tầm Dương mai một nước non người,  
Đất trích bao la nhớ Kinh nguyệt!...  
Hành trình thế đó, rượu lang thang,  
Cạnh vách sẵn hai thằng bạn kiết.  
Tôi và ông Quý gắng bước theo,  
Say cứ bừa say, miễn đừng chết.

Rồi ông ra đi tôi nằm mèo;  
Công thuốc roi châu bỏ mốc meo!

**Chú thích:**

[1] Hai câu thơ cổ, không nhớ rõ là của ai.

[2] Hán tự như sau:



偶於京北遊遊憶村花怡。蒲桃美酒勝友  
如雲。六鼓聞歌浮烟艷色。花間綠竹月  
衣裳。羽化登仙赤壁海陽之畔夢情  
根本了青衫紅粉之憂絲。(武勇連作)

## Ta đã làm chi đời ta

### Hà, Bắc, Hải, Đông...

Không nhớ rõ năm 1942 ấy đã đi đến tháng thứ bao nhiêu. Chỉ nhớ chắc rằng chuyện xảy ra khoảng mùa Hạ. Vì, nếu không phải mùa Hạ, thì sao có mục “đạo mát trên bờ sông Thương” và mục “ngồi quạt cho người đẹp tỉnh Đông” chứ!

Chiều hôm đó, Hoàng định lên Bắc Ninh, thăm “Biệt phòng” ở xóm Niềm. Mà đã phải nghĩ tới chuyện này, là trong túi đã xu hào không còn rủng rỉnh nữa. Cần một chỗ nằm yên, có người cung phụng đủ thứ, và rủ rỉ đôi lời ân ái suông!

Ai ngờ, cái số thật trớ trêu! Vừa ra khỏi căn nhà phố hàng Cót, để tiến tới ga Đầu Cầu, thì đụng ngay hai gã: Tô Hoài, Nguyễn Bính. Tác giả Lữ bước sang ngang tự mắc luôn vào Hoàng, điều này đâu có lạ gì đối với nhà thơ cát bụi ấy. Lạ là lạ ở chỗ anh chàng học trò mặt trắng, hiền lành như con gái kia, là Tô Hoài, cũng nhất định xin kết thành bộ ba “Giang hồ vật”.

Hoàng cảm thấy hơi nguy, cái nguy của một đầu tàu đang lúc cạn than, củi. Không lẽ chạy toàn bằng nước lã hay sao?

Nhưng, đã đi thì phải đi cho trót. Đến đâu thì đến đâu. Hãy biết một điều: Không mất tiền mua vé cũng cứ “đi” và cứ “đến” được. Hoàng quen khắp mặt các “xếp tanh” (Chef de train) trên quãng đường sắt này mà.

\*

Bính và Tô lang thì thích thú lắm, mặc dầu riêng chàng Tô có hơi run...

Bánh sắt quay thong thả, chừng 30 cây số một giờ, nhưng rồi thoáng cái đã đến ga Bắc Ninh lúc nào không biết.

Trên sân ga chỉ thừa thớt mấy chục hành khách; Hoàng nhận ra ngay trong số những tà áo màu tung bay phấp phới một dáng vẻ quen quen. Thì vừa đúng dịp đôi mắt lá răm nhìn lên, và tiếng reo

lún được ném ra, át cả tiếng “xình... xịch” của máy hơi nước.  
“Anh Hoàng đẩy hả? Chị Tuyết vừa xuống Hà Nội rồi. Em ra đón người quen nhưng chưa thấy bóng vía đâu cả. Anh xuống chứ?”.  
Hoàng đẩy vội hai ông bạn quý vào trong toa rồi cũng vào theo; và ló đầu ra ngoài khuôn cửa, nói một cách uể oải lừng khừng:  
“Xuống làm gì bây giờ? Thôi để ít hôm nữa Tuyết nó về hẵng hay”.

Cô đào rượu ở nhà hát của Tuyết xóm Niềm nhe răng cười, có vẻ thông cảm lắm.

Cờ lại phát. Còi lại thổi. Và chuyến xe lại tiếp tục lên đường, đem theo ba gã hành khách bất đắc dĩ...

Nhưng chỉ một giờ đồng hồ sau thì đến chỗ “sơn cùng thủy tận”.  
Vì chuyến xe lửa này chỉ đi đến Phủ Lạng Thương là hết nhiệm vụ.  
Mà đây, Phủ Lạng Thương rồi. Nguy chưa!...

Đàn kéo nhau xuống vậy. Mặt trời cũng đang xuống. Mù nắng quái lê thê trên tỉnh lỵ Bắc Giang. Ngày mùa Hạ dài thật. Và như thế, đêm nay sẽ ngắn. Lời tục nói “Tháng năm chưa năm đã sáng”; âu cũng là một điều may cho Hoàng.

May nữa là Tô Hoài chợt nhớ ra một người, chắc chắn đang có mặt trong dãy phố yên tĩnh của phủ Lạng, sông Thương. Người ấy là Bàng quân Bá Lân, có nhiều thơ đăng báo và in thành sách, lại có nhà cửa ruộng nương, đồn điền trang trại, khét tiếng vùng này. Khôn nổi cả ba đều chẳng ai từng có dịp nhất kiến với ông Bá họ Bàng cả. Không biết đến quây rầy người ta có tiện chăng?

Nhưng suy đi xét lại, đảng nào cũng là trong văn giới với nhau.  
“Tương phùng hà tất tăng tương thức”. Bạch Cư Dị chẳng đã bảo thế là gì!...

Quả nhiên khi gặp nhau, chẳng một ai ngỡ ngàng; khách thì rất tự nhiên, mà chủ thì cười nói liên hồi, ra chiều thích thú, an nhiên tự tại lắm.

Rồi cơm được bung ra, khả dĩ ăn no bụng. Câu chuyện thơ văn cũng được đề cập, khả dĩ thêm hương vị cho chén trà mạn đàm...

Và rồi chủ nhân mời khách cùng ra đường:

“Chúng ta đi dạo phố một lát cho tiêu cơm. Đến cầu sông Thương sẽ quay về ngủ cũng còn sớm chán!”.

Câu nói giản dị này đã tác động với ba chiều hướng khác nhau trong tâm lý rất phức tạp của bộ ba Hoài, Hoàng, Bính.

Chàng Tô thì mãn ý quá. Nhà văn thư sinh này chỉ phiêu lưu theo kiểu Dế Mèn. Bỗng nhiên được ngao du không mất tiền, lại được ăn ngon và hứa hẹn một giấc ngủ kỹ; thế là nhất rồi!

Còn Hoàng, chẳng vui chẳng buồn. Công trình dự định đã sai bét cả, thôi đành lẽ phò cho định mệnh đẩy đưa. Đối với Hoàng, cái tỉnh lỵ Bắc Giang này quá quen thuộc. Cả đến con sông Thương nước chảy đôi giòng kia, đục phía nào trong phía nào Hoàng cũng nhắm mắt mà thấy được. Lại thấy cả trong ký ức những nhà ai nhà ai nơi xóm hát bên kia cầu! Nhưng thôi, gió chưa lên, hãy dạo mát đôi ba vòng rồi về ngủ cũng tạm ổn. “Đáo giang tùy khúc, nhập gia tùy tục” mà!

Tuy nhiên, Bính thì hận lắm. Nhà thơ này cứ tưởng thế nào chủ nhân cũng đãi một chén hát linh đình, gọi là đánh dấu cuộc hội ngộ “Tứ bất tử” mới đích đáng chứ! Đi khắp thiên hạ, mòn gót giày gầy bánh xe để tìm “tri kỷ”, mà “tri kỷ” lại bảo dạo phố rồi về ngủ sớm, trước mười giờ tối; hỏi có ức không?

Thế rồi linh kinh suốt đêm hôm ấy, Bính cứ ngồi dậy hút thuốc lào vặt hoài.

“Lắm muỗi quá, Hoàng nhỉ?”

“Ừ thì lắm muỗi. Ở đây gần rừng rồi mà! Phủ Lạng còn khá đây, chứ lên chút nữa, như Bô Hạ, Bắc Lệ thì phải biết, thiếu màn, không nhắm mắt được yên đâu!”

“Thế mà Tô Hoài nó ngả lưng xuống là “kéo gối” liền. Chịu thật!”

“Thì đang sức ăn sức ngủ của người ta”.

“Đành rồi! Nhưng chúng mình khác”.

Làm thế nào cho qua được đêm nay đây?... À, Bính với Hoàng liên ngâm một bài chơi đi. Thử lấy vần điệu làm binh lực phá cái thành Sâu này xem sao!

“Phá thì phá. Ra quân trước đi! Cho nó “Lỡ bước...” một thể”.

“Khó gì. Đây câu đầu:

Tô Hoài, Nguyễn Bính, Vũ Hoàng Chương”.

“Vần này dễ. Hoàng nói đây này:

Còi thét vào ga Phủ Lạng Thương”.

“Hay! Tiếp câu ba luôn đi; rồi Bính sẽ đổi cho thành câu bốn và ném câu năm ra liền”.

“Thong thả! Ý thì sẵn nhưng vận dụng chữ nghĩa hơi khó. À, đây rồi:

Sở tại bàng quan châu xuống xóm”.

“Chữ “bàng quan” nhẹ quá, nhưng chữ “Sở tại” thì hay, hay!...

Bính đọc tiếp câu bốn câu năm nhé!”

Nói vậy thôi chứ Bính loay hoay mãi, hút đến cả chục mỗi thuốc Lào, và bị Hoàng giục đến lần thứ ba rồi Bính mới cười vang lên, và lấy giọng đọc:

“Thi nhân bá ngọ chuyển lên đường.

Hai giòong trong đục thêm ngao ngán”.

Hoàng trầm ngâm một phút:

“Dùng chữ “bá ngọ” người ta tưởng mình là sư thì sao? À mà...

“Anh hùng mặt lộ án vì tăng [1] “; làm sư một nửa thì “bá ngọ” được lắm! Nhưng “Hai giòong trong đục”, khó đổi cho Hoàng quá! Đề nghị sửa thế này:

Giòng trong giòong đục thêm ngao ngán,

Và Hoàng sẽ đổi:

Chùm chín chùm xanh uổng vấn vương”.

Bính nhảy dựng lên:

“Tài lắm. Gọi cảm đến chết người! Hoàng làm cho Bính càng hận vô tả. Nghe rõ từng tiếng đàn đáy đang “chùm chín chùm xanh” ở

bên tai...”

Thế rồi cả hai cùng nằm xuống giường nghĩ nốt hai câu kết. Loanh quanh thế nào ngủ quên mất. Chắc chắn là Bính ngủ sau Hoàng. Mãi đến khi cáo biệt Bàng quân ra ga Phủ Lạng để “hồi đô”, mới hoàn tất được bài Liên ngâm, trước sự ngạc nhiên của tác giả O Chuột và Dế mèn phiêu lưu ký.  
Chép lại toàn bài như sau:

*Tô Hoài, Nguyễn Bính, Vũ Hoàng Chương  
Còì thét vào ga Phủ Lạng Thương.  
Sở tại bàng quan châu xuống xóm,  
Thi nhân bá ngộ chuyển lên đường,  
Giòng trong giòng đục thêm ngao ngán,  
Chùm chín chùm xanh uổng vẫn vương.  
Năm muỗi qua đêm chờ sáng dậy:  
Còn xe Phong hỏa xé màn sương!*

\*

Cái hận “thiên trường địa cửu” nói trên, ngay chiều hôm sau là đã rũ được. Thật ra, đó chỉ là hận của Bính. Chứ Tô Hoài thì khi chia tay ở khỏi điểm (ga Đầu Cầu) để lấy xe điện về Bưởi, đã tỏ ra mười phần thỏa mãn. Còn hẹn với Hoàng lần sau tiện dịp cứ đem theo.

Nhưng về phần Hoàng, chẳng đến nỗi hận như Bính đã đành; thế mà vẫn cảm thấy nó thế nào ấy, làm Đầu tàu mà đi giang hồ hã như vậy, cũng đủ mang tiếng “chí lớn tài sơ” rồi còn gì!

May sao cặp Hoàng “Bính vừa đi đến bờ Hồ thì Chu Ngọc ở đâu hiện ra, đầu chải bóng chứ không bù xù như mọi khi, lại cả giấy cũng bóng lộn nữa.

“Hai “ông” biến đi đâu mà từ chiều qua đến giờ tìm đảo thiên đảo địa khắp nơi không thấy?... Đi! Lên xe cho mau. Anh em đang đợi ở nhà Chu Thị”.

Ngọc còn nói nhiều nữa lúc bộ ba đã nhảy lên hai chiếc xe kéo, trực chỉ xóm Khâm Thiên.

Tuy vậy, Hoàng đã có nhiều kinh nghiệm với anh chàng Ngọc này

quá rồi. Hấn mời đi nghe hát đùng có vội “tưởng bỏ”.

Y như rằng! Hấn và Vũ Trọng Can đã “cháy” ở nhà Chu Thị từ hai hôm, sáng nay ông Can đã lấy được của Bắc kỳ dịch đoàn (do Claude Bourrin) một số tiền về tác quyền mấy vở thoại kịch mà ban này đem đi lưu diễn các nơi. Vừa đúng cơ hội người ta quay về Hà Nội nghỉ chân thì ông Can tìm đến đòi... thanh toán.

Nhưng số tiền cũng chẳng lớn bao nhiêu. Trang trải hai hôm trước thì còn dư chút ít, mà nằm ỳ lại đêm nay thì nhất định thiếu mất rồi. Dở dang quá.

Bắt được Hoàng ở bờ hồ, Ngọc như bắt được của. Lý do là trong số mấy anh em nhà văn lêu têu, chỉ riêng Hoàng có “công ăn việc làm” đều đặn: mỗi tuần lễ xuống Hải Phòng dạy hai ngày tại một tư thực lớn; mà hai ngày tức là mười sáu giờ, tính thành tiền được ngót ba chục bạc rồi. Giá tiền một châu hát chỉ bảy hay tám đồng thôi, làm gì không trả được! Không sẵn tiền đem theo cũng không hề chi; nói một câu là “bà chủ” cho khát liền, nhất là khi “bà chủ” lại nhiều cảm tình với bọn văn nhân như Chu Thị.

Dầu sao, hôm nay đã thứ Bảy. Nội nhật ngày mai Hoàng phải có mặt ở Cảng để thứ Hai, thứ Ba còn dạy học chứ!

Quả nhiên, mọi việc “đâu vào đấy” cả. Giữa trưa hôm sau – Chủ nhật – Hoàng từ biệt Di Năm, đem theo luôn cả Bính và Ngọc xuống Cảng. Riêng Vũ Trọng Can, còn có hẹn với nhà xuất bản nào ở Hà Nội không biết, nên đành chia tay.

Xuống đến Cảng là vững. Chỗ “làm ăn đứng đắn” của Hoàng kia mà! Huống hồ nhà thơ Lan Sơn, bạn thân của Hoàng tại đó, lại sẵn một Gia ca thất; có túng quá thì “hát nhà” chứ sao! Đủ lệ bộ hết.

Trống, phách, đèn, đóm... tha hồ.

Nguyên ủy cũng lý kỳ lắm, nhà thơ tác giả “Anh với Em” trẻ tuổi mà tài cao: mới 20 tuổi đầu đã thi đỗ ông phán tòa Đốc lý. Rồi cưới được người mình yêu. Hạnh phúc nhất thiên hạ. Biết đâu ông Trời ghen ghét: giữa đường đứt gánh phu thê, nhà thơ lãng mạn này bỗng hóa thân một bông Lan ủ rũ. Mà ủ rũ ghê gớm, một hai những tưởng hương chìm trong cánh rụng trong... hang. Nhưng rồi Nàng Tiên của Động Nâu mơn trớn thế nào mà Lan dần dần phục hồi được sinh lực, hay nói cho đúng hơn, lòng yêu đời. Lan đã tục

huyền với một danh ca tỉnh Đông, và tổ uyên ương nơi đồng chua nước mặn, lại có bàn tay ngà sần sóc.

Hoàng xuống Cảng từ đầu năm 1941, thời thường vẫn là thực khách của hai vợ chồng rất “nghệ sĩ” này.

Một ngày kia, Lan tâm sự:

“Mình sắp trở thành “bác trai” đây”.

“Hả?”

“Đừng ngạc nhiên...! Cô nàng cứ đòi ra mở nhà hát. Lý luận rằng: Trước kia ở đây chỉ có xóm Quán Bà Mau độc chiếm thị trường, mặc dầu khá xa trung tâm thành phố; bây giờ xóm Quần Ngựa lác đác có mấy nhà mở, đông khách vô cùng, vì lẽ nó gần, lại khang trang hơn. Cô nàng bảo đó là dịp tốt. Sẵn vốn liếng, tiền bạc, giọng ca, xuân sắc và cả đàn em nữa, tội gì không ra thi thố với đời?”

“Thế cái nhà dột trong ngõ hẹp này anh trả lại à?”

“Không, chỉ cô nàng phải lên trên xóm Quần Ngựa trông nom thôi chứ. Còn mình thì đi đi về về...”

“Một chón đôi quê, một nhĩ?”

Nói thế thì nói, chứ Hoàng cũng không chính thức góp ý kiến gì cả. Lan trở thành “bác giai” càng vui chứ có sao đâu.

Còn Nguyễn Bính và Chu Ngọc thì đích thực là số đỏ. “Nhà hát” của Lan Sơn vừa khai trương được hai tuần xong, đang hồi thịnh đạt. Ban ngày làng văn từ Hà Nội xuống, cứ việc thiết lập “Hành đô”, gió nổi lớn càng hay; bằng không, Hoàng và Lan sẽ chia nhau gánh chịu phí tổn, mỗi người một nửa; “bà chủ nhà hát”, không phiền hà gì. Còn làm mối cho bạn cô này cô kia là khác ấy chứ! Dầu sao, Hoàng cũng phải lo chu tất mọi chuyện. Hiện kim chưa có được ngay; phải khát lại đến giữa tháng mới ký “bông” ở trường học được, thì cũng là hát “cháy” rồi còn gì?

Huống hồ Bính lại bảo: “Cây nhà lá vườn mãi, chán chết. Phải xuống Quán Bà Mau một phen mới vui nổi cái sầu vạ cổ này”. Thế là đám “cháy” lan rộng ra mãi, dập tắt sao cho hết được bây giờ?

Bởi thế, Hoàng mới hạ bút một bài “Mẫu nói”, tạm lấy chữ “cháy” làm nhan đề:

*Từ đêm Chu Thị cháy nhà,  
Cháy vào Hà Nội cháy ra Hải tân.  
Cháy xa thôi lại cháy gần,  
Một phen dung hỏa, mấy lần cầu phong!  
Cháy hoài cháy hủy  
Gió không nhiều, âm ỉ cháy lan man.  
Dung hỏa công tài nghệ lẫn Chu Lang,  
Trí dũng vượt Trương Lương cầu Sạn đạo.  
Tam nguyệt Hàm Dương tro lạnh lẽo,  
Tứ vi Bàn Cốc khói lửa thừa.  
Thuyền, cầu, hang, cung điện hồi mấy ngàn xưa!  
Đây cuộc cháy hãy còn to thập bội!  
Ấy ba gã tuềnh toàng cùng một hội.  
Chẳng đường hẻm lau khô, cũng không cần gió nổi,  
Cháy từ đêm Hà Nội cháy loang ra...  
Lửa chơi ai dập cho bà?*

\*

Hoàng xuống Hải Phòng đã được bốn hôm. Đám “cháy” lan rộng có nguy cơ khôn, thì may quá – một cái may bất ngờ – Chu Ngọc đi lêu têu thế nào lại vào đúng đường dây của một ông chủ rạp hát đang muốn làm việc nghĩa. Việc nghĩa theo nghĩa đúng. Nghĩa là: Trình diễn một buổi kịch long trọng, lấy tiền giúp vào việc chấn tế các nạn nhân bị thiên tai, quanh vùng Hải Kiến thì phải. Tuy tham dự vào nghĩa cử cao đẹp này, Ban Kịch của bộ ba Ngọc – Hoàng – Bính vẫn được hưởng thù lao tương xứng. Và nhất là được người tổ chức đưa trước một số tiền để sửa soạn các thứ: diễn viên, y phục, bài trí v.v...

Chu Ngọc vui như trẻ con được cho kẹo, nói cười huyên thuyên: “Kịch thì sẵn rồi. Một kịch xuôi – Thề Chiến Quốc – của Trần Tử Anh [2] ; và một kịch thơ – Bóng giai nhân [3] – của Nguyễn Bính. Chỉ còn lo mấy chuyện lật vặt. Nhưng có hai việc phải làm ngay. Việc thứ nhất: chọn một danh xưng cho Ban Kịch mới, chẳng lẽ gọi là Ban Kịch Bộ Ba, hay Ban Kịch Ngọc Hoàng Bính!”

“Khó gì!” – Hoàng góp ý kiến – “Chúng ta đã nổi gió từ Hà Nội

bốc xuống đây, thì cứ đặt phăng là Ban Kịch Hà Nội và lấy Tháp Rùa làm huy hiệu ấn tín, cho nó hách một thể”.

“Đúng! Còn việc thứ hai là... dời khỏi nơi này gấp. Nằm lâu quá, ề ề cả xương cốt; chúng ta phải ra Đồ Sơn tắm biển mấy hôm cho sạch sẽ mát mẻ đôi chút, rồi mới bắt tay vào việc được”.

Bính không phản đối nhưng xem ra muốn nằm lỳ ở Quán Bà Mau hơn là đi tắm biển. “Trưởng giả quá!”... Bính vừa nói vừa bĩu môi. Tuy nhiên, người cầm tiền bây giờ là Chu Ngọc. Hoàng tạm thời nhường lại cái chức Đầu tàu cho y. Bính có nhõng nhẽo với Hoàng cũng vô ích. Huống chi Hoàng đã lưu lại nhiều cảm tình, vô số người đang muốn gặp để kéo đi ngồi nghe sóng biển mơ mộng những lâu đài bằng cát cho tương lai ...

Thế là bộ ba tạm sống được 48 giờ lành mạnh ở bãi biển, ra cái điều cũng “vui vẻ trẻ trung”, không thua gì thiên hạ đâu!

Nhưng đến giờ thứ 49 thì... đành... hàng. Chịu không nổi nữa cái vẻ mặt đưa đám và cái giọng ngâm thơ đứt ruột của Bính. Chừng như suốt bao đêm hát “cháy”, Bính chẳng tìm được cặp mắt nào gọi là hơi xanh xanh một chút cả. Cô nào cũng nông cạn, vô duyên đến phát khóc lên. Cặp mắt đã vậy, tấm lòng thì:

*Lòng em như chiếc lá khoai*

*Đổ bao nhiêu nước ra ngoài bấy nhiêu [4]*

“Bính nó khổ quá” - lời Chu Ngọc – “thôi bọn mình “bốc” về Hà Nội đi. Cho nó nằm một chỗ nào thật vững; rồi chúng mình còn lo công việc chứ”.

“Được lắm!” Bính cướp lời – “nhưng không về Hà Nội, mà ghé Hải Dương kia!”

“Sao lại Hải Dương?” – Cả Ngọc cả Hoàng cùng hỏi dồn dập – “Hải Dương thì khác gì Hải Phòng?”

Bính nháy mắt:

“Bí mật chưa thể tiết lộ. Hai ông hăng cứ biết là đưa Bính xuống tỉnh Đông cái đã. Tới nơi rồi khắc biết lý do”.

\*

Chu Ngọc, một nhân vật khá đặc biệt trong giới Văn Lâm. Vì thật ra, Ngọc chẳng hề viết một bài văn nào, chứ đừng nói đến xuất bản

thành sách. Thế mà Ngọc quen hầu hết anh chị em trong làng, và chẳng bị một ai ghét bỏ hay phủ nhận. Ngọc khoe với Hoàng rằng đã từng viết nhiều bài báo, phê bình phim Cánh đồng ma, lý luận xác đáng và phong phú đến độ thiên hạ mặc nhiên coi Ngọc như một chuyên viên sân khấu. Rồi Ngọc tự phong cho mình cái danh hiệu “đạo diễn”. Thì Hoàng cũng biết vậy thôi. Và lẽ dĩ nhiên, Ngọc sẽ là Đạo diễn của Ban Kịch Hà Nội; sẽ phụ trách dựng hai vở kịch: Thế chiến quốc và Bóng giai nhân.

Trong bộ ba Ngọc – Hoàng – Bính, Ngọc là người thực tế nhất; không gặp đâu hay đó như Hoàng, không đau khổ vớ vẩn như Bính. Cho nên khi xe lửa tiến vào ga Hải Dương, Ngọc tính toán rất kỹ:

Qua đêm nay, mai tôi về Hà Nội sớm. Bảo cho Lê Trọng Quý biết để hẩn liệu thủ vai Ngô Thì Nhậm trong vở Thế chiến quốc; Ngọc Đĩnh sẽ thủ một vai quan trọng khác: vai Đặng Trần Thường.

Những vai còn lại, ít quan trọng, thế nào trong 24 giờ cũng tìm ra. Chỉ lo vở Bóng giai nhân vì đó là kịch thơ, một hình thức sân khấu còn xa lạ đối với khán giả, nhất là khán giả của nơi đồng chua nước mặn vốn là một cửa biển, thích hợp với chuyện kỹ nghệ chuyện thương mại hơn chuyện thơ phú văn chương. Nhưng cũng may ở điểm kịch Bóng giai nhân chỉ có ba vai rưỡi...

“Sao lại... rưỡi?”

“Thì cái vai giai nhân đó, chỉ là bóng thôi, chỉ xuất hiện trên sân khấu dạo qua dạo lại mấy lần thôi; chứ có nói một lời hay ngâm một câu thơ nào đâu. Khoản ấy đỡ một cho mình lắm nhé”.

“Nhưng còn ba vai kia?”

“Đều là vai nam cả. Bính, tác giả, sẽ sắm vai Lý Đạt, thợ đúc gươm. Hoàng thì sắm vai tráng sĩ đi tìm mua gươm báu. Ôn quá rồi. Chỉ còn việc về Hà Nội tìm người thủ vai Đạo sĩ nữa là xong. Mà, vai này nhẹ; Kim nó thủ được đấy”.

“Kim nào?”

“Trần Huyền Trân ấy mà [5] !”

“Ừ, cứ cho là được đi”.

“Vậy ông Bính chỉ chờ hiện nay vở kịch để ở đâu. Tôi về Hà Nội lấy đem xuống đây ngay, nội nhật ngày mai thôi. Ông và Hoàng sẽ

tập dượt với nhau đi, càng xong sớm càng tốt. Mà... mà... Bính là tác giả tất phải thuộc ít nhiều chứ? Ngay ngày mai, trong lúc vắng tôi, hai ông có thể cứ bắt đầu tập rượt theo phép “truyền khẩu” được rồi”.

“Diễn kịch chứ đi ăn cướp đâu mà gấp thế?

“Còn khó hơn đi ăn cướp nhiều. Không gấp sao được! Nhưng nói vậy thì nói; chứ ai dám ra lệnh cho các ông!”

Từ nãy đến giờ, độc có Hoàng đối đáp với Ngọc, còn Bính chỉ âm ừ; vì bao nhiêu tâm trí còn để cả vào việc “tìm lối Thiên Thai”.

Bỗng nhiên, Bính dừng bước ngó quanh ngó quẩn, xác định phương hướng, rồi reo lên:

“Đây rồi”.

Thì ra, hôm còn ở Cảng, Bính đã tỉ tê thế nào chả biết với Lan sơn phu nhân, nên được giới thiệu ngay nhà bà Nghị ở xóm Đầu Ghi... nơi xuất thân của chính phu nhân, trước khi về làm vợ một thi sĩ nổi tiếng, đã từng được Thế Lữ ca ngợi trên tuần báo Phong Hóa từ năm xưa năm xưa, cái thuở ban đầu của phong trào Thơ Mới.

Nhà bà Nghị quả nhiên sang thật, Tủ chè sập gụ, câu đối hoành phi bóng lộn. Các em đào nương lớ nhố đến cả chục, đủ cỡ tuổi, từ trắng tròn đến trắng khuyết, trắng tàn lụi, trắng vô ảnh vô tung...

Đích thân bà Nghị ra nói chuyện, mời uống trà, và hát một bài cho quý khách nghe. Giọng hát vững thật; không trách từ ba mươi năm trước bà đã nức tiếng danh ca, khiến cho ông Nghị viên tỉnh Đông này say như điệu đồ, phải cưới làm “đệ nhị phòng”.

Nhưng điều đáng kể nhất là cô con gái của ông Nghị và bà Nghị: Cô Hoài. Một con người ngọc, thanh sắc lưỡng toàn, lại thông thạo chữ nghĩa, tiểu thuyết của Khái Hưng, của Ngọc Giao, của Thanh Châu, v.v. ném tứ tung ngũ hoành khắp giường ngủ, bàn phấn.

Kịp đến khi người ngọc ra ngồi gieo phách thì – nếu Hoàng không làm – cả bộ ba đều bị tiếng sét ái tình giáng xuống cân não...

*Hồng Hồng Tuyết Tuyết,*

*Mới ngày nào chưa biết cái chi chi [6] ...*

Giọng của người ngọc tất phải là giọng ngọc rồi, có khen cũng

bằng thừa.

Tiếng sét ban đầu truyền điện ra càng mạnh. Thế này thì không khéo cả ban kịch Hà Nội với huy hiệu Tháp Rùa cũng bị đánh tan mất!

Nhưng còn may là Chu Ngọc đang mải tính toán việc dựng kịch, nên chỉ bị sét đánh ngất ngư. Nằm ngay đầu sóng ngọn gió là Hoàng với Bính; lại thêm ngọn đèn thần ở giữa hai ngọ khách này, khiến cho tiếng sét bổ xuống, gặp lửa càng phản kích sang hai bên. Hoàng và Bính tự nhận ra tiền thân họ Lưu họ Nguyễn. Chỉ phiền nổi động Tiên có độc một nàng tiên mà thôi! Ác thế chứ! Ác nhất là mai đã lại Chủ nhật rồi. Mà Chủ nhật tức nhiên Hoàng phải có mặt ở cảng để thứ Hai còn dạy học. Và chẳng còn phải về ký “bông” trang trải mọi thứ và giữ chút đỉnh làm vốn liếng. Ít ra cũng tối thứ ba mới tái đáo Thiên Thai được. Hận không?

Hình như Bính đã biết rõ những điều ấy hay sao mà coi bộ đắc ý lắm.

Xóm Ghi không có điện – điện hiệu theo nghĩa đen – nên không có quạt máy; nóng quá đi mất! Lại cái đèn “măng-xông” treo giữa nhà càng tỏa ra một nhiệt lượng kinh khủng. Người ngọc với mặt hoa mà nhể nhại mồ hôi thì đứt ruột cho kẻ si tình biết mấy! Cho nên Bính cứ phải “... anh hầu quạt đây [7]” “luôn bên cạnh. Chả biết “lòng anh” có “mơ với quạt này” không, nhưng “lòng em” thì vẫn... “như chiếc lá khoai” thì phải. Nghĩa là cô Hoài vẫn có vẻ khùng khỉnh thế nào! Ít nói quá, chỉ cười chiều lệ thôi.

Hoàng đang hận về cái mục trưa mai phải tạm thời “xuống núi” nhìn thấy cảnh đó càng nóng mắt, đã tính bảo cô ta vào nhà trong đi nghỉ cho được việc.

Nhưng chưa kịp mở miệng thì bà Nghị đã ra xin phép cho cô con gái cưng trở gót phòng loan. Đồng thời cũng ra lệnh cho đám “con nuôi” quạt màn để “các ông ấy” yên giấc.

Đêm nay hẳn tác giả Lữ bước sang ngang phải hút thuốc lòn vặt nhiều hơn cái đêm “Bắc Giang nằm muỗi”...

Theo đúng kế hoạch, sớm hôm sau Chu Ngọc lên đường từ lúc gà gáy.

Hoàng ngủ lỳ đến 11 giờ và toan ngủ nữa. Nhưng Bính lôi dậy cho

kỳ được. Để Hoàng còn ra xe đi Hải Phòng chứ! Tử tế quá!  
Hoàng biết vậy, liền chỉnh đốn y phục, ăn uống qua loa rồi chậm rãi nói chuyện với “ông bạn”:

“Còn nhớ chuyện Công Cẩn với Không Minh cùng mưu hạ Nam quận chứ [8] ?”

“Lạ gì! Nam quận do Tào Nhân trấn thủ, tường đồng vách sắt mà!”

“Cái việc trấn thủ mặc người ta. Hễ nói việc mình. Tôi, Không Minh, nhường cho cậu, Công Cẩn, đem binh tấn công trước.

Nhưng nếu thất bại thì đến lượt tôi đấy nhé! Đừng có than trời!”

Bính đồng ý ngay, coi bộ hùng lắm. Và Hoàng lẳng lặng ra xe.

Mặc cho Bính độc chiếm giang sơn, yên trí rằng tối nay Ngọc sẽ từ Hà Nội xuống; còn Hoàng thì ít nhất cũng phải hai ngày sau. Càng nghĩ đến chuyện “nhường Nam quận”, càng thấy mình đại quá.

Tuy nhiên, tính Hoàng vốn dĩ “gặp đâu hay đó”; về đến Cảng là quên ngay.

Thế mà không hiểu sao, suốt ngày thứ Hai, Hoàng nóng ruột vô hạn. Dạy học chẳng đâu ra đâu. Tối hôm thứ Ba thì đành dạy nốt buổi sáng, rồi ký “bông” và ra xe liền. Máy giờ buổi chiều đã nói khó với một bạn đồng nghiệp nhờ thay tạm...

Lên đến Hải Dương mới hai giờ trưa. Hoài còn đang ngủ, mà...

không có ai ngồi quạt bên cạnh mới lạ chứ! Ô hay, Bính đâu?

Ngọc đâu rồi? Vắng tanh thế này nghĩa là gì?

Nhưng, kìa... Hoài đã thức giấc, ngồi dậy quần lại tóc. Cái dáng vẻ của người ngọc lúc này sao gọi cảm thế! Bắt gặp một mỹ nhân vừa ngủ dậy mà thấy đẹp được, xúc động được, mê được... mỹ nhân ấy mới đích thực là “mỹ nhân”.

Cho nên Hoàng quên phắt cả hai ông bạn. Quên luôn cả chính mình đang ở đâu. Và... rồi cũng... tiến đến ngồi quạt hầu bên cạnh!...

Mãi đến chiều, Hoài mới đưa cho một mảnh giấy nhàu nát, chẳng biết lôi từ đâu ra!

“Cái ông tóc quần quần ấy bảo hễ anh xuống thì trao tận tay anh”.

“Thế còn ông kia?”

“Thì anh cứ xem trong giấy nói gì đã!”

Hoàng tuân lệnh. Thư rằng:

“Tôi mắc công việc ở Hà Nội, mãi sáng thứ Hai mới xuống Hải Dương. Lại bán được một tập thơ hộ Nguyễn Bính. Nhà xuất bản Hương Sơn ấy mà! Biết rằng ông còn ở Cảng đến chiều tối mới lên đây, tôi và Bình đành về Hà Nội từ sáng sớm để còn lãnh tiền tập thơ ấy chứ! Đợi ông thì mất đứt một ngày còn gì. Vậy ông tiếp được thư cũng liệu mà lên gặp chúng tôi ở Hà Nội ngay nhé! Công việc đang tiến hành. Ký tên: “Chu Ngọc”.

Lên ngay! Lên ngay!... Nhưng lên thế nào được! Giữa trưa xông vào nhà hát của người ta. Lại tri kỷ vụn cho đến bây giờ. Sắp lên đèn cả xóm rồi. Nói mới dễ nghe nhỉ?

Huống hồ lại đã mất công quạt cho người đẹp mấy tiếng đồng hồ rồi. Ít nhất cũng phải “neo thuyền” ở đây một đêm chứ!

Mặc dầu là nghe hát... một mình!...

Có điều lạ là hôm nay Hoài vui ghê lắm. Cứ nhảy như sáo ấy thôi. Điệu này thì Nguyễn Bính hạ Nam quận chắc không xong. Vả lại nếu thắng trận thì có thiên lôi cũng chẳng “kích” được Bính ra khỏi tỉnh Đông, chứ đừng nói Chu Ngọc! Bán được thơ lại càng có điều kiện nằm lì ở đây chứ. Ừ... ừ...! nhất định không xong rồi.

Thế là Hoàng cao hứng. Gọi trống phách đèn đóm cứ tung bừng.

Và bảo em Hoài rằng:

“Thôi! Hát mãi những bài cũ, chán chết! Dem giấy bút ra đây, anh viết một bài mới, xem có hay hơn bất cứ bài cũ nào không”.

Và sau đây là bài Mưỡu nói do chính Hoài đã hát đêm ấy cho đọc một người nghe:

*Bấy lâu đáy bể mò kim*

*Là nhiều vàng đá, phải tìm trăng hoa!*

*Sông Hoài thuyền ghé lân la*

*Giai nhân danh sĩ là ta với mình.*

*Nhu hoài nhất phiến*

*Gió say này quạt đến... cháy vắn Ô,*

*Ai thề hoa ước quạt những ngày xưa?*

*Hoa ngại nắng, quạt sâu mưa, ngàn vạn kiếp!*

*Ráo chén, hồn hoa cười phấn điệp,*

*Duyên đề, xác quạt nhớ tiền thân.*

*Mộng Trạng Sinh ngủ lại bến sông Tần,  
Muôn canh quạt xa gần chen cánh bướm...  
Ta chẳng có hẹn núi, thề sông, tình trao duyên wớm.  
Chỉ hoa nồng quạt đượm cớ hoài say.  
Say hoài quạt chẳng dờn tay.*

\*

Cũng phải thêm rằng bốn câu Mưỡu chỉ có một câu thật sự của Hoàng: câu thứ ba. Còn câu một câu hai là “Tập Kiều” và bốn câu mượn tạm của Nguyễn Bính [9] .

Nguyên do đêm đầu tiên gặp em Hoài, Bính đã cùng với Hoàng đặt liên tiếp hai bài “Hát hăm” mỗi bài bốn câu. Như thường lệ Bính nhập cuộc là ra quân ngay: mặc dầu chỉ là một câu “Tập Cổ”:

Bán sinh phong cốt lãng tăng

Hoàng tiếp:

Nhu hoài nhất phiến sao bằng gửi đây.

Bính không ngần ngại:

Tĩnh Đông mà có mái Tây,

Hoàng phải nghĩ một phút mới hoàn tất được:

Hồ vơi cung Bắc lại đầy gió Nam.

Đó là bài “Hăm” thứ nhất, còn bài thứ hai thì chính là bốn câu Mưỡu như trên đã chép. Hoàng ra quân trước:

Bấy lâu đáy bể mò kim

Bính rất thuộc Truyện Kiều, nên tiếp ngay:

Là nhiều vàng đá, phải tìm trắng hoa!

Hoàng nổi thành câu thứ ba, mà điều kiện bắt buộc là phải có chữ Hoài:

Sông Hoài thuyền ghé lân la.

Bính được dịp cười ha hả; vì Bính chỉ có việc lấy câu thơ vẫn ngâm hàng ngày ra, lựa vần nổi luôn, ý lại cũng hợp mới thú chứ. Câu thơ ấy gốc ở câu nói trong Tam quốc chí: “Thiên hạ anh hùng, Sứ quân dữ Tháo”; và Bính vẫn tự khen là “tuyệt”, phải khuyên son đủ tám chữ:

Giai nhân danh sĩ là mình với ta.

Nhưng nếu cứ “khiêng” cả câu này vào bài “Hăm” thì lạc vần, nên Bính đảo lại:

Giai nhân danh sĩ là ta với mình.

Hoàng đề nghị đổi quách ra thành:

Nào ai danh sĩ, ai là giai nhân?

Bính không chịu, bảo rằng tách rời giai nhân ra khỏi danh sĩ là “nhảm”, là “vô tình”, v.v.

Bính ơi Bính, đêm nay chẳng biết “cậu” đang tự hủy diệt ở xóm nào? Tôi ngồi nghe hát một mình – và em Hoài hát đầy nhé! – Không thể quên được cậu, nên trong bài hát, tôi để nguyên vẹn câu bốn Hăm của tôi và của cậu làm Mưỡu; không sửa một chữ nào! Quý nhau đến thế đấy, cậu ạ!

Ý nghĩ này cứ chìm nổi mãi theo giọng ngọc của “giai nhân”, khiến cho Hoàng – chả biết có phải là “danh sĩ” hay không – chợt cảm thấy tất cả cái đẹp cái say của tình bạn “giang hồ vật”.

### **Chú thích:**

[1] *Thơ Khiển sầu tác giả khuyết danh có hai câu:*

*Nhi nữ đa tình nguyên thị Phật*

*Anh hùng mạt lộ bán vi tăng.*

*Tạm dịch là:*

*Lãng tính, cô em nguyên kiếp Phật*

*Cùng đường, cậu ấm nửa làm sư.*

[2] *Trần Tử Anh, tác giả vở kịch xuôi Thế chiến quốc, là một sinh viên con nhà giàu, chứ không phải trong nhóm “thơ văn lêu têu”.*

*Chỉ có Chu Ngọc quen mà thôi. Mãi sau Hoàng mới gặp mặt tại Hà Nội.*

[3] *Vở kịch thơ này Nguyễn Bính lúc bấy giờ cho biết là đã hợp soạn với thi sĩ Yến Lan; nhưng Yến Lan ở miền Trung, Hoàng chưa hề gặp.*

[4] *Thơ của Nguyễn Bính, đã đăng báo, và đã in, trong tập nào không nhớ rõ.*

[5] *Trần Kim, bút hiệu Trần Huyền Trân, bạn thơ rất thân của Nguyễn Bính.*

[6] *Hai câu hát nói của cụ Dương Khuê; các đào nương ai cũng thuộc và hay hát bài hát nói đó nhất.*

[7] *Chỗ này, mượn tạm bài thơ Huy Cận; trong bài Ngâm ngủi: Ngủ đi! Hãy ngủ! Anh hầu quạt đây.*

*Lòng em mở với quạt này...*

[8] *Truyện Tam quốc chí hồi thứ 51:*

*Tào Nhân đại phá Đông Ngô binh;*

*Khổng Minh nhất khí Chu Công Cẩn.*

[9] *Hát ả đào vốn là một lối “văn chơi”, không phải là văn “dạy đời” hay “cứu nước”; do đó trong bài, tha hồ vay mượn cổ nhân.*

*Thí dụ bốn câu Mưỡu có thể lấy nguyên văn Truyện Kiều cũng cứ được. Hai câu thơ (thất ngôn hay ngũ ngôn) cũng tha hồ tập cổ.*

*Tuy nhiên, ở bài này của Hoàng, chỉ mượn hai câu trong Truyện Kiều là nguyên vẹn thôi (Tập Kiều).*

## Ta đã làm chi đòi ta

### Mây xuống... gió lên...

Ngay từ cuối 1942, anh em trong văn giới đã có vẻ nóng ruột đợi cuốn thơ Mây của Hoàng. Kể cả một số không thân thiết lắm và, do đó, cũng không “lêu têu” chút nào.

Như chàng Huy chẳng hạn.

Chứng cứ là một hôm hai gã Huy, Hoàng đụng nhau ở Cổng Chéo Hàng Lược... Chả biết ông Xuân đề tựa cho Huy tán ma tán mãnh thế nào về cái sâu biển lớn sông dài của bạn nổi khổ, chứ thật ra chàng Huy cười luôn miệng, yêu đời quanh năm. Dĩ nhiên gặp Hoàng, Huy cũng tay bắt mặt mừng cười cứ tít cả mắt. Lại còn nổi hứng ngâm liền hai câu thơ:

*Đã lâu gặp lại Chàng Say*

*Lửa Thiêng xin đốt chờ Mây xuống trần.*

Hoàng vừa nghe xong đã suy luận rất nhanh: Có lửa tất phải có khói. Và ngâm tiếp hai câu rằng:

*Mây kia chẳng chịu xuống trần*

*Lửa ơi, theo khói lên gần với Mây!*

Huy lấy làm thú quá; lôi ngay Hoàng vào hiệu phở đầu phố Hàng Đồng, khăng khăng đòi đãi Hoàng một châu kỳ no thì thôi.

Ngoài đường gió lạnh buốt, ngồi nhìn bát phở đang được bung tới bàn, khói bốc lên nghi ngút, ai mà chẳng cảm thấy ấm lòng! Riêng Hoàng, óc hầy còn lưỡng lự nơi câu thơ vừa sáng tác nóng hổi, nên đã nảy ra một ý nghĩ hơi buồn: “Khói phở thì thơm thật, nhiều thì vị không chừng; nhưng theo nó để lên gần với mây, e chẳng sao đạt được mục đích. Không lẽ mình đề nghị Huy đi tìm khói huyền! Chàng Huy chứ đâu phải tác giả Cây đàn muôn điệu mà mình đưa

đề nghị đó!”.

\*

Tuy nhiên, Mây chẳng chịu ngồi xuống trần là chỉ “chẳng chịu” lúc bấy giờ thôi. Chưa đứng đầu đứng số thì chưa xuống được! Sang đến mùa thu năm sau, tức là năm Quý Mùi, Tây lịch 1943, nó đã xuống tà tà, theo lời gọi âm binh của họa sĩ phù thủy Tô Ngọc Vân. Mây với Vân có duyên với nhau từ cái thời xa xưa chữ Nho gặp tiếng Việt. Cho nên lời gọi phát xuất từ cây bút của nhà danh họa kia đã được đám mây giang hồ hưởng ứng, bằng lòng tự thu nhỏ lại trong một cái bầu rượu, xuống nằm bất tử ngay trên bìa sách của Hoàng. Bầu rượu và đám mây đều màu nâu, bìa sách thì màu vàng rực rỡ, trong khi những chữ nhà in sắp tên tác giả và tác phẩm thì in bằng mực đen trên một cái nền nhỏ hình vuông, cũng màu nâu đặt ở khoảng trên, bốn phía lại đóng khung đen, giống như khung ảnh.

Chiếc bầu rượu này, chẳng hiểu có phải Tô Ngọc Vân đã chiêm bao nhặt được ở tận Đông Hải, do Lý Thiết Quài đại tiên bỏ quên hay không. Chỉ biết hình thù nó mập tròn, nét vẽ đậm, và đặt chênh chếch tưởng đâu sắp té ngựa đến nơi, và té ra ngoài... bìa sách. Nó nghênh ngang quá, chướng quá, mà cái chứa của nó lại là đám mây, nên càng chướng, càng nghênh ngang; át hẳn Con Phượng, huy hiệu của nhà xuất bản Đời Nay đặt về phía tay trái, đối diện với nó. Thật vậy, Con Phượng đã bị in chìm vào màu nâu, cánh và mình gầy rơi gầy rụng, và quá nhỏ mọn, quá khiêm nhường chứ không oai vệ như trên những cuốn sách khác của nhà xuất bản. Đã thế, hai chữ Đời Nay cũng bị in chìm, nét rất mảnh, nơi phía dưới Con Phượng, phải dùng đến kính hiển vi mới đọc xong. Ngay trên đầu Con Phượng thì in chếch hai chữ Đời Nay do Khái Hưng viết bằng bút lông, và dĩ nhiên in mực đen. Hai chữ tuyệt quá! Nét sương kính, trang nhã vô hạn. Khái Hưng viết đẹp ghê! Nhưng trời hời! Đó là chữ Nôm – nghĩa là thứ chữ Quốc ngữ của các ông Lê Thánh Tôn, Nguyễn Bình Khiêm, chứ đâu phải chữ Quốc ngữ gần đây ông Nguyễn Văn Vĩnh đề cao, ông Tản Đà tán tụng – hỏi mấy ai còn đọc nổi khi mà thế kỷ hai mươi đã vượt qua tuổi “Bất hoặc” rồi.

Tóm lại, cứ nhìn cái bìa tập thơ Mây của Hoàng, chẳng ai biết nhà nào đứng ra xuất bản. Căn cứ vào tầm quan trọng của cái bầu rượu – nét thật đậm và nổi bật lên – có người xuyên tạc rằng đó là nhà xuất bản Hồ Lô. Ý chừng muốn giễu Hoàng cũng một phường với bọn Xuân Thu Nhã Tập, bọn trí thức lãng mạn lúc bấy giờ đang chủ trương lối “thơ hũ nút”.

Chả là Hoàng rất thân với ông Đoàn, tác giả vở kịch Ghen đã từng làm say mê Hà Nội thanh lịch, đồng thời cũng nổi danh thi sĩ, có tên trong cuốn Thi nhân Việt Nam hần hoi, mà nổi danh nhờ vào độc một bài thơ, bài Màu thời gian, đưa-con-có-vần duy nhất của tác giả. Đã thân với ông Đoàn, tất cũng gần gũi thời thường với tứ trụ của nhóm này: Ông Xuân Sanh – hần danh là Hũ – ông Hạnh – hần danh là Chóe – và nhạc sĩ Khoát, giáo sư Lương Ngọc. Bởi lẽ ông Đoàn đi đâu cũng khoe thơ Hũ nút và khẳng định ông Hũ – thư sinh kiêu Tô Hoài – là thiên tài, là thi-sĩ-có-bề-sâu nhất thiên hạ, v.v. nên Hoàng gọi luôn ông ta là “Chủ Hũ”. Còn bài thơ để làm ghi:

*Chủ Hũ bảo. Ô! Trời đẹp quá!  
Chúng ta vào ông Bá đi thôi!  
Theo liền Hũ Chóe một đôi,  
Giáo sư, nhạc sĩ, năm người đủ năm,  
Xuân thu cả gánh vào “năm”...  
Ô! Trời đẹp quá!... Phải dăm “cối” liền,  
Để cho “người đứng... hần lên”.*

Nhà ông Bá chả là chỗ “năm” hàng tuần của gánh Xuân Thu mà!  
Còn như “Người đứng hần lên một bề mớ” cũng là câu thơ của ông Xuân Sanh được Đoàn quân nhắc nhở luôn miệng...

\*

Trở về với việc in tập thơ Mây, Hoàng phải nói ngay rằng Hoàng đã bị vất vả đến mấy tháng. Gần trọn mùa thu cũng nên. Nhà Đời Nay quyết định “in nhà-in-nhà” tức là in tại ấn quán Ngày Nay, số

80 đường Quan Thánh, Hà Nội. Sách in cỡ lớn máy in được dành cho lại là thứ nhỏ nhất – máy Minerve – “Phải thứ máy đó mới thực hiện được hết những khía cạnh tế nhị của tập thơ do họa sĩ Tô Ngọc Vân vẽ vời!”, ông Miễn, quản lý ấn quán bảo thế. Cho nên mỗi khuôn chỉ hoàn tất được hai trang. Cứ cái nhịp “hai trang” chậm như rùa ấy, thì chốc chốc lại xuống khuôn, rồi lại sửa “mơ rớt”, lại lên khuôn, lại sửa lần chót để chạy máy, v.v. Quần quật suốt ngày mệt quá! Ấy là tác giả muốn sự mua dây buộc mình, chứ có ai bắt đâu! Giá cứ phó mặc cho ông Miễn cũng được vậy. Thành ra con đường xe điện Bạch Mai – Quan Thánh đã thêm một hành khách mỗi ngày hai buổi đi về, chăm chỉ y như một công chức đứng đắn.

Bạch Mai? Vâng! Lúc này Hoàng đã cư ngụ ở một ngõ hẻm trên con đường hữu danh này, cùng với hai người bạn mới: Thục Oanh, Hoài Điệp. Hoài Điệp – cũng gọi là Đình Thứ lang – chẳng phải ai xa lạ; chính người đã “tu mi đội lột quần thoa” lên sân khấu Nhà hát lớn Hà Nội đêm 12-12-1942, thủ vai Vân Muội trong vở kịch thơ đầu tay của Hoàng. Thứ lang đẹp trai có tiếng, làm cho thiên hạ liên tưởng đến Hoàng Phủ Thiệu Hoa của truyện Tái sinh duyên. Và như vậy, Thục Oanh nghiêm nhiên trở thành hiện thân của Hoàng phủ Trưởng Hoa rồi.

Con đường Bạch Mai thuộc vùng ngoại thành của Hà Nội, ô Cầu Rền, một trong năm cửa ô của Thăng Long đế đô oanh liệt xưa. Nơi đây có chỗ tránh xe điện; và đối diện ngay với chỗ tránh này, ở phía bên kia đường, là lối vào ngõ. Hoàng đặt tên cho ngõ của mình là Hoàng Ngưu Hạng; nếu dịch chữ nào nghĩa nấy thì đó là “Ngõ Trâu Vàng”. Nhưng thật ra thiên hạ, từ đời nào không biết, vẫn gọi là “Ngõ Bò”. Bò với trâu sắc vàng, kể về thực chất, đâu có khác; vậy cứ cho nó là “Ngõ Trâu Vàng” đi!

Ngõ này tuy hẹp nhưng lát gạch chỉnh đốn. Ngôi nhà do Thục Oanh và Thứ lang Đình Hoài Điệp thuê được từ đầu năm 1943, tọa lạc khá sâu vào bên trong. Có cổng, có tường cao, sân gạch rộng; khang trang lắm. Nhà năm gian lợp ngói, cửa bức bàn, hiên rộng tới ba thước có thể trải chiếu ngồi nhìn ra cây ổi và giàn hoa ngoài sân; nếu hội họp để uống rượu ngâm thơ thì hai mươi người ngồi

vẫn còn thừa chỗ. Chỉ phải cái nhà hơi tối, vì chẳng có một cửa sổ nào; lại ở vào một ngõ không được hưởng tiện nghi điện lực, nên ban ngày cũng mờ mịt hư ảo như một thạch động thời tiền sử. Bạch lạp, hồng lạp thấp cứ linh tinh; đôi khi lại cả đèn dầu lạp nữa, mà người kia nhìn người nọ vẫn “mờ mờ nhân ảnh như người đi đêm”.

Thục Oanh và Thứ lang bất chấp, Hoàng đến nhập tịch cũng bất chấp luôn.

Ấy thế mà chẳng mấy lúc nhà vắng bạn lui tới. Nào Đỗ quân mới từ Quảng Châu đổi về, thấy yên tĩnh và chủ khách đồng tâm đồng điệu, cũng ở lại chơi cả tuần, rồi cả tháng sau cứ lấy đây làm chỗ nghỉ trưa, mặc dầu từ Sở Khí tượng về Bạch Mai chẳng gần gì cho lắm. Nào Chu Ngọc, Vũ Trọng Can, Lê Văn Trương, v.v. Nguyễn Bính thì đi đâu một dạo – hình như vào Sài-gòn – lúc phản hồi “Kinh đô Văn Nghệ” là đóng đô ngay năm lý Ngõ Trâu Vàng đến một tháng là ít.

Phải chịu Thục Oanh là một người thân thiện có một. Bạn của Thứ lang, hay của Hoàng đến, Oanh đối đãi rất thật tình. Có khi cơm gà cá gỏi, rượu thịt ê hề; có khi ăn khoai trừ bữa, hay ăn cháo trắng thay cơm. Rất có thể một hôm nào đó mỗi người – chủ cũng như khách – chỉ được thưởng thức một chén cơm rang, hay một củ khoai, hoặc vừa đúng ba thìa cháo.

Nhưng mâm bát vẫn sạch sẽ đàng hoàng, đĩa son liễn sứ sang trọng. Mà cơm rang mềm dẻo, khoai luộc nhừ, cháo thơm phức; nghi ngút khói bay, gặp trường hợp đó, Hoàng ư nhắc lại câu nói của Lê Trọng Quỳ, người thủ vai Vương sinh trong vở Vân muội: “Ăn ít mới ngon!”

Còn như nếu mọi thứ đều hết – kể cả ngô khoai, mắm muối, than củi – thì toàn gia lại được một bữa thịnh soạn, hơn cả yến tiệc trong cái trò chơi “Nhất dạ đế vương” của Áo Môn, Hương Cảng nữa kia.

Khó gì đâu chứ! Oanh chỉ việc lấy bút giấy viết mấy chữ, sai “hề đồng” ra hiệu phở đầu ngõ, một hiệu lớn, quen bán chịu cho Oanh. Mà người ta lại ưa được Oanh mua chịu.

Vì trong vòng hai tuần lễ, thế nào Oanh cũng thanh toán sòng

phẳng, nhất là không quên trả lãi hai mươi lăm phần trăm.

Thật ra, Oanh đâu có giàu, hay cất đi sẵn một số vàng bạc nữ trang làm vốn riêng đâu! Nên hễ thấy những bữa thịnh soạn như thế kéo dài đến ngày thứ hai là Hoàng với Thứ lang, chẳng ai bảo ai, phải “hạ sơn” ngay tức khắc. Trong vòng mười hai tiếng đồng hồ tìm cho kỳ được một nhà báo hay nhà xuất bản nộp tiền “mãi lộ” mới thôi. Nói là tiền “mãi văn” cho đúng chữ nghĩa!

Thường thường chia quân hai ngả; Hoàng không biết Thứ lang đã “bán” những bài thơ, bài tùy bút nào, nhưng về phía Hoàng thì đã “đi đứt” vở kịch thơ Trương Chi, rồi đến vở Hồng Diệp. Cũng đi luôn cả một phần tác quyền tập thơ Mây.

Kể ra văn chương lúc đó cũng còn có giá. Thí dụ số tiền một trăm đồng lấy trước của nhà xuất bản Lượm Lúa Vàng về vở Trương Chi, là đủ cho Oanh trang trải hàng mấy chục “bữa tiệc biên bông” theo kiểu này. Với điều kiện nhân số giới hạn, năm người: Oanh, Hoàng, Thứ lang, Hề đồng... Và một quý-khách-tốt-số, chỉ một thôi!

Mong manh biết được nếp sống kỳ quái và nguy hiểm trên, một số bạn tri kỷ đã có phản ứng kịp lúc: Hề xuống đến Ngõ Trâu Vàng, thấy đầy mâm những phở xào, thịt bò xào, thịt bò tái, gà luộc, chả giò, canh nấm hương, v.v. là ngồi ngay vào mâm tự rót lấy một chén mai quế lộ hay rượu Con Hươu, rượu trắng – tùy sở thích – nhắm nhót một vài miếng, rồi... rồi khẽ gọi Hề đồng:

“Xin phép chị Oanh cho thằng nhỏ ra đầu phố mua giùm gói thuốc lá”.

Vậy là Hề đồng hiểu ý mang tờ giấy hai mươi đồng hay một trăm đồng của ông khách, ra hiệu phở quen trả luôn số tiền bữa tiệc vừa đặt mua lúc nãy. Còn gói thuốc lá của khách, đâu có thành vấn đề! Chỉ phải nhớ trả số tiền dư lại cho ông khách là được.

Tuy nhiên, nếu “bạn tri kỷ” lại cùng đến với một “tục khách” thì Oanh trả lời ngay:

“Nhà có sẵn thuốc lá rồi; để tôi bảo thằng nhỏ nó lấy!

Hoàng phụ họa luôn:

“Ờ... ờ...! Tôi cũng có thuốc lá trong túi đây, mà quên khuấy đi, chẳng lấy ra mời khách. Đãng trí thế chứ lại!”

Thứ lang thì ngồi bất động, cặp mắt nhìn vu vơ ra sân, vừa mơ mộng vừa... dễ sợ!

\*

Công việc ăn loát của “Nhà-in-nhà” vẫn tiến hành đều. Mây đã sắp có một hình thể cố định và sửa soạn giáng trần. Bỗng một buổi chiều kia, Hoàng từ ăn quán về, chưa bước chân vào khỏi cổng đã nghe véo vỏi nhau:

*... Tay tiên rót chén rượu đào... ừ... ư...  
Đồ đi thì tiếc... ừ ... ư ... mà ... uống vào thì say.*

... Lại có cả tiếng cười khúc khích chen vào tiếng hát. Lạ thật! Vào đến sân, Hoàng mới vỡ lẽ. Kia, đủ cả tam kiêu của làng Dương Ổ: Cô Tạ – phòng nhì của Lê quân – và hai em: cô Càn, cô Kéo.

Cô nào cũng áo tứ thân nhuộm nâu, thắt lưng màu xanh da bát, và... buông thật thấp chiếc váy đen. Nhớ đến câu thơ:

“Sóng lùa thâm phần phật đồ bên thềm”, Hoàng càng thấy anh chàng họ Lê nhận xét đúng.

Cái dáng điệu rất đặc biệt của Lê khi ngồi ở làng Dương Ổ đầu tháng Tư năm ngoái như đột ngột sống lại trong ký ức Hoàng. Và cũng thừa cơ hội, khuôn trăng đầy đặn của nàng Mây từ từ mọc lên ở chân trời kỷ niệm đã bắt đầu bị sương khói làm phai nhòa. Thấm thoát vậy mà hơn một năm rồi. Lửa say mê tắt hẳn: nhưng quên người cũ thì Hoàng chưa quên. Trai lẳng tử và gái đồng quê, ngồi bên nhau đêm đó, nhìn ngắm nhau nhiều hơn là nói chuyện hay nghe chuyện của nhau: quên sao được!

Mỗi câu Hoàng nói – dầu chỉ nói thật khẽ vào tai Mây – Hoàng cũng thấy đập trở về thính giác của mình, rõ từng mạch lạc, từng âm hưởng, khiến cho chính Hoàng vô cùng ngạc nhiên. Mình có những dự định như thế thật ư? Mình dám hứa hẹn để rồi hành động như thế? Trời ơi! Có ai tin được không? Còn gì phi lý hơn không? Chẳng là Hoàng nói nhất định cưới Mây làm vợ – chính thật chứ không phải đệ nhị phòng – bất chấp gia đình Mây đã gả chồng cho

Mây rồi, và Mây đang sống lơ lửng giữa khoảng cách “Ngày cưới” với “Đêm cưới”. Nghĩa là bất chấp luôn sự can gián của cô Tạ và của Lê quân.

Tục lệ ở đây kỳ lắm. Chỉ cần có miếng trầu chạm ngõ, hai gia đình ưng thuận là cưới luôn. Cô dâu chú rể, thường thường còn bé dại, không dự gì vào quyết định này. Nhà trai phải biếu đủ lễ vật, tư trang, và một số bạc mặt; đám cưới được cử hành long trọng, cả làng đến góp vui, những vật áo mới cùng những câu hát lưu truyền tự ngàn xưa quyện lấy nhau khăng khít, tung bay theo hương lúa dịu, tiết trời êm.

Nhưng – điều này hết sức quan trọng – cô dâu chỉ ở lại nhà chồng vừa đủ khoảng thời gian thực hiện các nghi lễ. Rồi, chậm nhất là khi mặt trời lặn, phải theo các bạn phù dâu trở về nhà cha mẹ mình. Sáng hôm sau, cơm nước xong, chú rể phải đơn thương độc mã sang nhà vợ, xem có việc gì thì làm – như người trong nhà – để đến tối thì liệu rút cho kịp. Ở đâu mới “dâu con rể khách” chứ không phải ở đây!

Và cứ thế, một vài tháng, một vài năm... Có khi hàng chục năm. Thế nào cặp vợ chồng chẳng có lúc nói chuyện với nhau. Nếu còn nhỏ quá thì vui đùa với nhau, cãi nhau, đánh nhau cũng nên! Nhưng cô dâu nào lớn dần lên cũng biết e thẹn và chú rể – dầu ngu ngốc hay ngang tàng cách mấy – cũng biết chiều vợ, nên cái mục “đánh nhau” ít khi lắm mới xảy ra.

Ở thôn quê, bất cứ giàu hay nghèo, nhà ai mà chẳng sẵn công việc! Tham công tiếc việc lại là đặc tính của nông dân. Huống hồ làng này, ngoài nông nghiệp ra, lại còn có nghề dệt lụa, nghề làm giấy. Trai cũng như gái, chẳng lúc nào ngơi tay ngơi chân; không tát nước thì giã vỏ dòn, không nhổ cỏ thì seo giấy, ươm tơ, v.v.

Nghĩa là chú rể cứ “cơm nhà vác ngà voi” cho đến một hôm đẹp trời nào thuyết phục được cô dâu theo mình về; đêm đấy mới thật sự là “đêm cưới”. Và từ ấy cô dâu phải ở lại nhà chồng vĩnh viễn, để gánh vác giang sơn, chính thức lên ngôi “vợ” và thường thường chỉ một năm sau là thăng chức “mẹ nó” hoặc “bu nó” ngay.

Có người thắc mắc: Giả dụ như chú rể không thuyết phục nổi cô dâu thì sao? Chẳng lẽ cứ già đời sớm đi tối về, làm việc không

công cho cha mẹ vợ? Đâu dễ dàng xảy ra chuyện ấy được! Lửa gần rơm lâu ngày thể nào chẳng bén! Mà nếu hãn hữu xảy ra – nghĩa là cô dâu “chê chồng” – thì nhà gái phải bồi thường đầy đủ cho nhà trai; nghi thức này gọi là “trả cửa”. Tuy vậy, còn sự khuyên bảo của gia đình, còn dư luận của bạn bè, làng xóm nữa chứ! Một cô dâu phải gan là sắt mới dám kéo dài quyết định “chê chồng” đến giai đoạn cha mẹ mình bị dồn vào ngõ cụt “trả cửa”. Thật thế, đã “trả cửa” thì khó còn gả con gái cho ai. Thử hỏi, ai lại đi cưới cho con trai mình một người con gái đã cưới rồi? Cô ấy mà có nhiều em gái thì lũ em này cũng mắc vạ lây, hồng nhan hay chẳng hồng nhan cũng cứ là bạc mệnh.

Nhưng, Mây ơi! Sao mà Mây chịu để cho người ta cưới sớm thế? Mười hai tuổi đã thành cô dâu. Đã vậy, chú rể đâu có ra hồn chú rể! Một đứa trẻ nít thua Mây đến năm tuổi. Nghĩa là hiện tại Mây vừa tuổi trăng tròn thì nó mới lên mười thôi; hãy còn đánh khăng đánh đáo, suốt ngày tính chuyện thả diều bắt bướm, nghịch đất nghịch cát, chứ có giúp được gì cho gia đình Mây đâu. Thiên hạ khen: “Cậu tốt số, lấy được vợ đẹp quá!” nhưng thật tình nó đâu có hiểu “vợ” nghĩa là gì và lấy được vợ đẹp thì sao lại tốt số!

Mây ơi! Mây ơi! Nhất định em phải trả-cửa, nhất định em phải trả-cửa.

Và Hoàng sẽ trả cho em. Bao nhiêu cũng trả, Mây ơi!...

Điệp khúc này, Hoàng nhắc đi nhắc lại hàng chục lần, hàng trăm lần.

Chẳng những một đêm ấy, mà còn bao nhiêu đêm khác Hoàng cất lên sang Dương Ổ, giấu cả Lê quân.

Nhưng lần nào Mây cũng chỉ ngồi khóc. Hỏi có giận không?

Giận đến uất lên nữa là. Cô Tạ còn bảo:

“Nói thật ông anh chớ buồn. Không đời nào Mây nó dám đem chuyện “trả cửa” hé môi ra với cha mẹ nó đâu. Ông anh nên liệu thu xếp...”

“Nhưng Mây yêu tôi”.

“Đành thế. Em cũng biết cả. Tuy nhiên nó còn trẻ lắm kia. Ông bàn với nó thì cũng “như chuyện ấy” thôi: em nói ông đừng giận”.

Mà... Hoàng nghĩ lại thấy Mây trẻ con thật. Hỏi: Có nhớ anh

không? Trả lời: Có. Rất khế như hơi thở của một loài hoa nào giữa đêm khuya. Bảo: Anh sẽ tặng em một tấm ảnh nhé! Gật đầu, cười, rồi bất chợt ngược nhìn lên, ngơ ngác hỏi lại: Nhưng em biết treo vào chỗ nào trong nhà được?...

Trời hỡi! Thì ra Mây cứ tưởng đã là ảnh thì phải lớn, mỗi bề cả mấy gang tay, và phải đóng khung treo như ảnh ông nội treo ở bàn thờ. Nguy quá!

Khổ một nỗi Mây hát rất hay, nói chuyện về hội hè đình đám trong làng thì duyên vô hạn. Cười tươi lắm, mắt cứ long lanh. Ấy thế mà hễ nhắc đến “trả của” là lại... khóc.

Đã có lần cô Tạ cất vấn Hoàng:

“Ông anh bảo nó “trả của”; nhưng rồi sau đây thì sao?”

“Tôi cười Mây chứ còn sao nữa?”

“Nghĩa là ông anh sang đây làm đám cưới và sẽ ở hẳn làng chúng tôi?”

“Nhập tịch làng Ó là một hân hạnh cho tôi. Nhưng đâu hoàn cảnh có cho phép. Tôi là con trưởng mà! Nàng dâu trưởng phải lo việc cỗ bàn giỗ tết, và vợ chồng tôi – nếu may mắn tôi cưới được Mây làm vợ – thế tất phải chung vai gánh vác một đại gia đình”.

“Thế nghĩa là...”

“Vâng, chồng dâu vợ đó! Chúng tôi sẽ đem nhau về sinh sống ở thành phố Nam Định”.

“Ấy đây! Em đã thưa với ông anh từ đầu kia mà! Chúng em không thể dời khỏi làng xóm được; Mây nó lại càng nhút nhát lắm. Yêu ông đến chừng nào đi nữa, nó cũng không dám bỏ làng đâu! Và mặc dầu em rất tin ở lòng thành thật của ông – thành thật chứ không thớt lợ như nhiều công tử Hà Nội khác em cũng xin ông đừng bắt em phải làm “bà mối” nữa. Ông giận thì em chịu, chứ từ nay em không dám rủ Mây sang đây nữa đâu. Ông liệu thu xếp cách nào thì thu xếp”.

Mất sự giúp đỡ của cô Tạ là tôi và Mây như “quân vô tướng, hổ vô đầu”, lạc lõng bơ vơ đến thảm hại. Có lần tôi bắt anh bạn Mạnh Phú Tư phải đi xe kéo sang Dương Ổ cùng với tôi cho vui; xe kéo chậm như rùa, đi từ Hà Nội lúc chập tối, mãi mười giờ đêm mới vào lọt trong làng.

Khổ công đến thế mà câu chuyện vẫn cứ lằng nhằng. Nghĩa là Mây chỉ biết có khóc. Tưởng như muốn biến thành mưa trên vai áo Hoàng.

Những chuyến đi liều lĩnh này đưa đến một kết quả tai hại: người ta ngờ rằng Hoàng mưu tính rủ Mây đi trốn; và đại đột như Mây thì rất có thể bỏ làng đi theo “công tử Hà thành”. Một biện pháp độc tài và quyết liệt đã được áp dụng ngay, theo tục lệ: Cha mẹ “cô dâu” bất chấp ý kiến của con gái mình, ra lệnh cho “cô dâu” phải về nhà chồng ngay lập tức, cô dâu xấu hổ đó chính là Mây của Hoàng, trời ơi!

Điên đảo suốt mấy tháng hè, cho đến khi Hoàng lại phải xuống Hải Phòng dạy học thì chuyện Mây đã thành ảo mộng. Cuối năm, Hoàng viết vở kịch thơ Vân Muội, tự mình đưa lên sân khấu và thủ vai chính, rồi sang năm nay Hoàng cho xuất bản thi tập Mây... lòng sâu hận đã vơi đi gần hết... thì, ô hay! Gái Dương Ổ còn tìm sang đây làm chi? Có “biến” chắc?...

\*

Nhưng không! Đầu đuôi câu chuyện rất giản dị và tâm thường.

Thục Oanh đã nói rõ cho Hoàng biết:

“Ông Quĩ (tức Lê quân) vừa đến đây lúc này với cô Tạ, “dì nó” của ông ta – không cốt tìm anh đâu, đừng vội mừng! – chỉ cốt gặp Oanh để gửi gắm...”

“Chết! Sao lại gửi Oanh? Thế còn cô Cán, cô Kéo?”

“Thì hãy thông thả. Hai cô này một lúc sau mới đến, cô thì gánh gạo, cô thì gánh những thứ lặt vặt”.

“Ô hay! Bọn họ định đóng đô ở đây sao?”

“Cũng gần như vậy. Nhưng tạm thời thôi; chừng già nửa tháng hay cùng lắm là một tháng. Nguyên do các cô ấy rủ nhau sang làng bên có việc – làng Nội Duệ thì phải – loạn quạng thế nào bị chó nhà ông Lý cắn vào bắp chân. Cũng nhẹ ấy mà! Nhưng nhiều người nghi là chó dại và khuyên các cô xuống Hà Nội tiêm thuốc ngăn ngừa... Ông Quĩ cũng có ở Dương Ổ lúc ấy liền tán thành ngay và lãnh trọng trách đưa cả bọn đi tức khắc”.

“Thì ông ấy chắc có sẵn nơi này mà! Vừa gần chỗ hàng ngày đi

tiêm, vừa tiện việc ăn ở: gì Thứ lang cũng thân với ông ấy chẳng kém gì Hoàng; mà Thục Oanh thì hiếu khách đệ nhất”.

“Bạn gái với nhau cả, càng vui. Em đã bảo các cô ấy cứ nghỉ ngơi cho khỏe, lúc nào cao hứng thì hát cho cả nhà nghe. Còn việc cơm nước, em đảm nhận hết. Gạo sẵn đây, các cô ăn còn dư thì gánh về”.

“Oanh tính đâu ra đấy lắm!”

Tuy nhiên, Hoàng còn bận sửa “mo-rát” trên nhà in, cũng ít khi ngồi tiếp chuyện các cô. Vả lại đã có Thục Oanh đóng vai chủ nhân chu tất mọi việc là được. Xem ra tương đắc với nhau quá, chủ với khách cứ chuyện như pháo ran suốt cả ngày. Thứ lang, ngày thường ít nói, vậy mà cũng góp chuyện luôn luôn. Bữa ăn nào cũng đầm ấm vui nhộn. Chỉ riêng Hoàng tâm trí cứ để tận đâu, khiến cho cô Tạ phải khó nghĩ, rồi lân la gọi chuyện:

“Bác Hoàng – bác chứ không còn là ông anh như trước – hãy còn giận em đấy à?”

“Sao lại giận cô? Ông Quĩ ông ấy giận lại thì khôn! À... mà... tôi nói thật đấy, tôi vẫn nhớ mãi tấm lòng thành thật đáng quý của hai cụ và các cô bên làng ta, nhất là cô. Mang ơn thì có chứ giận thế nào được?”

“Thật chứ bác? Vậy từ giờ đến cuối năm, có rảnh, bác đưa bác Oanh sang chơi với chúng em nhé. Cả bác Thứ lang nữa. Chẳng cứ phải ông Quĩ, chúng em đủ rồi. Ông ấy bận đi buôn bán lúc thì bảo ra Hải Phòng, lúc thì bảo vào tận Sè-goòng; bận quanh năm, bác ạ”.

Cô Cấn, cô Kéo phụ họa với chị, reo lên:

“Thật nhé, bác Hoàng? Chúng em đợi... cả ba bác đó! Bác Hoàng biết tính thật thà của chúng em rồi, chúng em không mời lấy lệ đâu!”

\*

Trời trở rét thì Mây cũng vừa in xong. Theo hợp đồng ký với Khái Hưng – đại diện cho nhà xuất bản – Hoàng sẽ được chia đôi số lời với nhà xuất bản (giả dụ như có lời!). Nhưng trên thực tế, Hoàng đã ký “bông” nhiều lần, và chính tay Hoàng Đạo đã phải nhiều

phen mở “két” đếm giấy bạc. Thành ra khi sách in xong, cũng chỉ lấy thêm đâu được vài trăm nữa.

Lúc này chị em cô Tạ đã trở về làng, Nguyễn Bính thì đi Sài-gòn lâu rồi, trước cả khi bọn “Dương Ổ tam Kiều” đến tá túc. Còn nhớ hôm tiễn đưa Bính tại nhà ông Bá, đủ mặt chư hùng; Bính có vẻ sầu hận ghê lắm. Sầu thế sự và hận thế nhân đó thôi chứ đâu phải anh em với nhau có điều gì xích mích. Đúng vậy, năm ngoái Bính đã vào Nam, đầu năm nay trở ra, những tưởng cố gắng ở lại với Hà Nội được, với anh em được; ai ngờ cái số “văn tha hương”, và mùa xuân tới đây, dầu muốn dầu không, Bính cũng sẽ phải ngâm câu “Xuân lại tha hương” giữa cái nắng ghê gớm của Sài thành và sẽ phải tái ngộ trong những đêm dờ cười dờ khóc với các em bên Phú Nhuận – anh Dưa Khú [1] , các em còn nhớ mà!.

Bính càng sầu hận càng rên rĩ ngâm thơ. Đến nửa đêm, chư hào kiệt rút lui gần hết, chỉ còn Thứ lang và Hoàng ở lại với Bính thôi. Bộ ba thức thâu canh, nằm ăn vạ nhà ông Bá, chờ đến sáng, cơm rượu xong là “Kinh Kha vào Tần”. Bính ngâm ngùi chép lại cho Hoàng bài thơ vừa sáng tác, và cũng bắt Hoàng phải chép cho Bính bài trường ca nhan đề “Bài ca tận tụy”; bài này Bính thích lắm [2] , nhất là câu:

Con chim bằng vỗ cánh, hê, dờ sang Nam minh.

Bính đi rồi, buồn quá! Chị em cô Tạ qua chơi ít lâu sau cũng chỉ vui nhộn được vài ba tuần. Thế rồi thời cuộc bỗng nổi cơn sóng gió. Máy bay của phe Đồng minh tấn công quân đội Thiên Hoàng trên đất Đông Dương; Hà Nội bị oanh tạc một vài nơi, số nạn nhân bị thương vong ở Chợ Hàng Da lên đến hàng trăm, dân chúng của ba mươi sáu phố phường hốt hoảng, nhiều người trù tính áp dụng cái chước thứ “ba-mươi-sáu”. Không có việc gì ở Hà Nội lúc này hãy tạm lánh về các miền quê, đằng nào cũng đỡ nguy hơn chứ! Một hôm, Thứ lang đi đâu về, ngồi trầm ngâm một lúc, rồi cố lấy giọng bình tĩnh:

“Hoàng ạ, nên “giang hồ vật” chuyển nữa đi! Hà Nội chưa chắc đã yên ngay được”.

“Cùng đi tất cả?”

“Không! Tôi vừa nhận giúp cho một tuần báo. Thời buổi này, báo quán cũng “lêu têu”, gặp đâu đóng lại đó; mặc dầu chỉ quanh quẩn mấy vùng ngoại ô thôi; Yên Phụ, Thái Hà chẳng hạn. Cho nên tôi không thể đi xa được. Hoàng đưa chị Oanh lánh chỗ bom đạn này một thời gian, chừng đến Tết hay qua Giêng hãy tính”.

“Thế còn cái nhà này?” Oanh vội hỏi.

“Vẫn giữ chứ! Tôi sẽ đi đi về về, lo gì!”

“Nhưng... “Hoàng ngần ngừ – lên đường theo ngả nòng bây giờ đây? Xuống Nam Định chưa tiện.

“Chẳng Nam thì Bắc! À... mà cô Tạ bên Dương Ổ đang chờ bọn mình. Sang đó yên ổn lắm.

Oanh đồng ý ngay. Chỉ có Hoàng là bối rối. Nguy quá! Lại Bắc du thật sao?

Nhưng gẫm cho kỹ, Thứ lang nói cũng phải. Nên xa Hà Nội ít lâu cho nhẹ bớt phần nào những cát bụi phồn hoa. Về quê! Về quê? Ừ thì về quê. Bất chấp đó là quê mình hay quê người khác. Cứ nói tới hai chữ “về quê”, mình đã nghe như phàn phật gió lên rồi.

Mà gió lên thật, mới chết chứ! Ông Hòe chủ báo Thanh nghị hôm nọ vừa ứng trước một trăm đồng để lấy vở kịch thơ Hồng Diệp in vào số Tết. Hôm đó Hoàng đang viết giờ màn thứ hai, nay viết xong rồi, chỉ việc nhấn ông ta xuống lấy kịch và trao nốt số tiền. Nhà xuất bản Anh Hoa ở đầu phố Hàng Than lại xin ấn hành cả ba vở kịch thơ: Vân Muội, Trương Chi và Hồng Diệp, vào một tập. Vân Muội, Trương Chi đã sẵn rồi, bây giờ có Hồng Diệp là ký giao kèo được quá. Nghĩ đến đây Hoàng cao hứng, quên phắt ngay những liên hệ rắc rối bên làng Ó từ tháng Tư năm ngoái, quên luôn cả một vài ràng buộc ở Hà đô, nhất là mối ràng buộc với nhà ông Bá, mong manh như sương khói mà dai dẳng vô cùng.

Thế là Oanh thu xếp hành trang, cùng đi với Hoàng sang Kinh Bắc...

Còn nhớ, ngay từ buổi gặp Oanh lần thứ nhất, Hoàng đã cảm thấy bằng giác quan thứ sáu rằng đây là người sẽ giúp mình đi cho hết cuộc đời, làm cho trọn cái nghiệp thi sĩ; chứ không như những thiếu nữ khác chỉ lướt qua, chỉ hiện đến theo kiểu “bóng giai nhân”

trên sân khấu. Hoàng đã xúc động, ghi lại bằng bốn chữ “thiên đường lại mở”; để rồi mấy tuần sau hoàn tất bài thơ lấy bốn chữ này làm nhan đề:

*Vườn tường trợn mùa hoang phế  
Còn thơm một nụ Quỳnh hoa  
Lịch tường trợn giòng hoen lệ  
Còn tươi một ánh dương hòa  
Chừ đây xuân thắm lòng tang  
Dưới gót chân em bồng nỡ  
Từ nay đời ám từng trang  
Dưới búp tay em lân giờ  
Em ơi! Một sớm trao tình  
Đã nhẹ sầu thương nửa kiếp  
Thuyền Thơ buộc khóe thu xinh  
Kìa xứ hoa nồng bướm đẹp  
Ánh trăng hiền hậu bao nhiêu  
Ngọc sáng mười phương tinh tú  
Là đây bờ cõi Tình yêu  
Nàng cặp môi đào hé nụ  
Lòng em còn ngát hương duyên  
Đỏ thắm như lòng Trái Đất  
Tình ta còn mới y nguyên  
Nư buổi Thiên đường chưa mất  
Lắng nghe em niềm mong nhớ  
Dâng ngời sóng mắt đê mê  
Em ạ Thiên Đường lại mở  
Chờ ta chấp cánh bay về [3] .*

\*

Thế là hai người lên đường. Khởi điểm: Đầu cầu Dốc Gạch – cũng gọi vắn vể là cầu Long Biên. Lý do: Từ nhà xuất bản Anh Hoa, cuối Hàng Than, quặt ra Hàng Đậu, đi thêm mấy bước là đến đầu Cầu ngay; gần lắm! Nhưng Oanh và Hoàng bàn nhau, quyết định dùng xe kéo làm phương tiện du lịch chứ không nhờ xe lửa mà

Hoàng vẫn đùa gọi là “xe của nhà”. Lễ thứ nhất: bây giờ đã nhọ mặt người, mặt trời lặn hẳn rồi, còn chuyến xe lửa nào lên Bắc nữa đâu! Lễ thứ hai: nhiều hành lý quá; vác lên xe xuống xe thì cũng gắng được; nhưng xuống ga Chùa Lim rồi còn phải cuốc bộ hàng cây số kia mà! Lại đường làng mấp mô, trăng sao như hư như thật; vác nặng e hơi khó, và nhất định chẳng nên thơ chút nào. Chi bằng lấy hai cái xe kéo là thượng sách. Ồ! Không biết Oanh mang đi những gì mà lăm thế! Quần áo thay đổi này, áo chần thủ, áo “pu-lơ-vơ” này, áo ngực hàn này... đủ thứ! Riêng Hoàng, vừa Âu phục vừa quốc phục cũng đã phiền toái lắm rồi. Lại còn cả chăn, gối, màn, nệm, và cả ấm chén bát đĩa. Y như dọn nhà ấy thôi! Phải xe kéo mới đến được tận nơi chứ! Mà nếu phải hạ xa ngay từ đầu làng thì đã có các bác xa phu khuân vác hộ. Trả giá cao là các bác ấy bằng lòng, khó gì đâu! Vả chẳng, Hoàng đã từng kinh nghiệm mấy phen rồi, lần thì đi một mình, lần thì đem cả Mạnh Phú Tư ngồi chung xe cho vui – như trên đã ghi chép – quãng đường này Hoàng quá quen thuộc, kể cả đường sắt, đường đá chạy dài sóng đôi nhau. Xe kéo tiện lợi thật!

Dầu sao, chuyến đi này cũng khác hẳn những chuyến trước. Không ai nóng lòng sốt ruột cả. Hai bác phu xe cứ việc thông thả, kéo đi bước một cũng chẳng sao. Chốc chốc lại nghỉ, đỗ xe và xuống xe cùng vào quán bên đường uống nước chè tươi, hút thuốc Lào, và... ăn các thứ bánh: bánh giò, bánh dày, bánh rán, bánh gai, v.v. Đói thật sự thì ăn cơm, lúc nào và quán nào cũng sẵn sàng cả.

Thỉnh thoảng Oanh và Hoàng lại rủ nhau đi bộ một quãng cho đỡ tê chân, mặc dầu càng về khuya cái gió cuối-tháng-Một càng lạnh dữ.

Quanh quần thể nào mãi quá trống hai mới tới được cổng làng.

Thiên hạ đã ngủ hết rồi thì phải. May rằng Hoàng là người quen, nên mọi sự trôi chảy êm đẹp. Trẻ con mắt nhắm mắt mở kéo nhau ra xem, rồi ủa cả đi thông báo với gia đình cô Tạ.

Cứ tíu tít cả lên. Năm tay nhau mừng mừng rỡ rỡ, cô ấy hỏi dồn dập đến cả chục câu, Oanh không sao trả lời kịp. Thế rồi cô Cân đi thấp đèn “măng-xông”; cô Kéo xuống bếp làm cơm đãi khách.

Hoàng bảo đã ăn no rồi, nhưng đời nào họ chịu nghe. Khách đến

nhà bất cứ lúc nào, việc đầu tiên của chủ nhân phải là mời khách ăn cơm uống rượu. Phong tục ở đây mà! Khách từ chối đâu có được!

“Quý hóa quá!” – lời cô Tạ – “bác Oanh với bác Hoàng vẫn chưa quên chúng em”.

“Chỉ sợ làm phiền hai cụ và các cô thì có!”

Vừa lúc ấy, ông thân của các cô từ gian nhà ngang đi lên. Ông này đã từng sang Hà Nội và tới Hoàng ngưu hạng đón con, nên Hoàng với Oanh chẳng cần khách sáo nữa. Chủ nhân bảo: Hai bác cứ tự nhiên, coi như ở nhà. Khách cũng bảo nhau: Mình cứ tự nhiên... Nghĩa là ăn uống thật tình. Rồi xếp hành lý vào một góc, mai hãy hay. Nửa đêm rồi còn gì nữa. Trăng hạ tuần vừa nhô khỏi bụi tre. Hoàng uống có ba chén rượu “Con Hươu” mà thấy chũnh choáng. Mắt cứ díp lại. Chẳng hiểu Oanh với cô Tạ nằm ở phòng trong kể cho nhau nghe những câu chuyện gì thú vị đến nỗi không giữ được tiếng cười khúc khích vang ra tận nhà ngoài. Hoàng ngủ lịm đi theo con dốc êm đềm của cơn say và những gợn sóng âm thanh hồn hậu trong trẻo đó.

Nhưng chỉ được hai hôm. Sang đến ngày thứ ba thì chẳng còn gì cầm giữ được khách “giang-hồ-vật” ở lại Dương Ổ nữa. Thăm đình, thăm chợ cũng thăm rồi; xem các cô làm giấy Bản, giấy Dó cũng xem chán mất rồi. Lúc chưa ra đi, cứ tưởng đâu Thứ lang hữu lý: ở quê yên ổn tĩnh mịch, nhất là quê của người quen, thì ở cả tháng cũng được, ăn Tết với họ nữa càng vui. Ai ngờ sự thật trái ngược hẳn. Buồn quá! Oanh và Hoàng bảo nhau: “Cả ba chị em nhà này đều thực thà tử tế; ông cụ bà cụ lại hiền lành, chiều khách; nhưng buồn không thể chịu nổi. Chúng ta đành phụ lòng họ mất thôi. Chứ họ định giữ mình lại đến qua Giêng thì mình đến chết vì buồn mất”.

Vả lại, riêng phần Hoàng, được các cô cho biết từ khi Mây về nhà chồng, nàng không phải làm lưng vất vả như trước; gia đình nhà chồng giàu có hơn gia đình Mây nhiều, giàu vào bậc nhất nhì trong vùng. Do đó Mây dạo này tươi lắm kia!

Và... cũng do đó, Hoàng càng muốn lên đường ngay đi khỏi làng Dương Ổ tức khắc.

\*

Ghé vào tỉnh lỵ Bắc Ninh có một hôm, Oanh và Hoàng thẳng đường đến Bắc Giang bằng xe lửa. Được cái bao hành lý công kênh đã gửi hết ở Dương Ổ, vì còn hẹn trở về đây du xuân, dự các hội hè đình đám kia mà! Lên mạn trên có việc, chỉ đến Tết hay ngoài giêng mấy thôi, mang nhiều thứ đi làm gì, phiền phức lắm. Ấy là nói thế chứ cả Oanh và Hoàng, nào ai có việc gì cần phải lên “mạn trên” đâu. Tiện chỗ thì ghé, hết hứng thì lại ra đi. Từ Bắc Ninh ngược cho mãi tới Lạng Sơn, Đồng Đăng, Na Sầm, Cao Bằng, thiếu gì nơi nghỉ bước. Và cũng thiếu gì phong cảnh đẹp, bạn bè thân! Chẳng lẽ không phiêu lưu được nổi vài tháng hay sao chứ?

Yên trí nhất ở chỗ Oanh không bao giờ đòi về. Đi đâu cũng được, càng xa càng hay. Mọi chuyện lật vật đã có Hoàng lo liệu. Tiền trong túi còn đến bạc trăm. Tiêu hết ngay thế nào được! Xê dịch thì hoặc đi bộ, hoặc đi “xe lửa của nhà”, chẳng tốn kém gì hết. Chỉ phải mua quà bánh cho người quen, nhưng xét ra các bạn của Hoàng chẳng ai thiết quà bánh. Cứ đề tặng một cuốn Mây là họ thích thú nhất rồi. Cho nên gói sách cứ phải đem theo chứ không gửi lại Dương Ổ. May một điều Mây in bằng giấy bản, nhẹ cứ như không ấy thôi!

Xuống Bắc Giang ngao du quanh quẩn đến bốn ngày. Gia đình của Nguyễn Đức Chính, bút hiệu Phiêu Linh, ở đầu tỉnh thì phải; mà đủ cả vườn tược ao chuôm, tha hồ rộng. Anh chàng Phiêu Linh chả biết phiêu bạt đi tận đâu, chỉ có ông thân và hai em ở nhà. Tuy nhiên, điều đó không can hệ. Gia đình này biết Oanh và Hoàng quá rồi. Phiêu Linh, trước tiên là bạn của Thứ lang, hồi 1938 đã cùng viết cho nhà xuất bản Tân Việt; sau trở thành bạn của Hoàng, khi anh ta làm quản lý cho nhà xuất bản Lượm Lúa Vàng, giao thiệp với các văn hữu chảnh đốn lắm. Còn nhớ lúc in tập Tóc chị Hoài của Nguyễn Tuân, trà đình ca quán lu bù... Rồi cao hứng định in luôn cả kịch thơ Trương Chi của Hoàng nữa. Mặc dầu về sau vốn cạn, không in được, nhưng tiền tác giả vẫn chu tất xong xuôi. Chẳng trách nhà Lượm Lúa Vàng chỉ hoạt động được nửa năm là

võ nợ! Đâu có vững như nhà Tân Dân, nhà Đời Nay!  
Mất điểm tựa, Phiêu Linh lại phải chạy ngược chạy xuôi đi tìm một “ông chủ nhà xuất bản” khác, hay nói cho đúng hơn, đi tìm một người sẵn tiền sẵn bạc để đưa lên chức vị này. Hai em của Phiêu Linh tạm thời xuống tá túc Hoàng ngư hạng. Cậu em trai – cậu Chinh – nhanh nhẹn dễ thương, mê thơ văn như điều đồ, suốt ngày cứ tập diễn kịch thơ một mình. Cô em gái – cô Lũy – mới mười bốn tuổi, cũng ngoan ghê! Oanh từ chối mọi sự giúp đỡ của Lũy về phương diện bếp núc; chỉ trao độc có một nhiệm vụ: tối tối đọc chuyện Chinh đông hay Thất kiếm thập tam hiệp cho cả nhà nghe. Chuyện thuê ở ngoài đầu ngõ, thiếu gì! Hình như đọc được đến cả chục bộ; qua bộ Bồng lai hiệp khách, đang dở dang thì ông thân từ Bắc Giang xuống đón hai anh em về. Kết quả là cho đến bây giờ – hai mươi tám năm sau – Hoàng cũng không biết rằng Kim Hồ Điệp có lấy được Ngọc Kỳ Lân hay không, và “ân oán giang hồ” liệu có trang trải như ý độc giả!

Tái ngộ với Hoàng và Oanh ngay tại tỉnh nhà, cậu Chinh, cô Lũy mừng lắm. Dẫn đi khắp tỉnh để khoe. Vào cả rạp hát tuồng để Hoàng tìm nữ kịch sĩ Lệ Thanh, người đã từng hợp tác với Ban Kịch Hà Nội trong vở kịch Cái tử chề của Vũ Trọng Can, và nghe nói lúc bấy giờ đang chung sống với một nghệ sĩ chuyên sắm vai Lã Bố, nổi tiếng vùng này. Cũng vào cả “lầu thơ” của nữ sĩ tác giả Bức tranh quê. Hôm đó hình như có cuộc họp thơ, nữ chủ nhân cho trải chiếu ra sân để các thi hữu ngồi uống trà, tiếng ngâm thánh thót vang ra đến tận cổng. Đúng điệu lắm! Vui lắm! Nhưng Hoàng chẳng còn giữ được kỷ niệm nào. Có lẽ vì ngoài nữ chủ nhân, Hoàng chẳng nhận được mặt nào quen trong buổi họp.

Ra ga Phủ Lạng Thương (phủ sở tại của tỉnh Bắc Giang là Lạng Giang, nhưng vì kề cận sông Thương nên ga này mới được đặt tên như vậy), Oanh và Hoàng bịn rịn mãi mới chia tay được cùng anh em cô Lũy để lên xe lửa đi ngược hướng Bắc. Giữa trưa thì đến ga Kép; “xếp ga” chẳng phải ai khác hơn nhà thơ họ Đào, tác giả tập Mấy nét mơ ấn hành vào khoảng 1936-1937. Đào quen thân với Hoàng từ lúc cả hai còn theo bậc trung học; rồi sau lại trở thành đồng nghiệp, kẻ cả nghiệp thơ và nghiệp hỏa xa. Gặp nhau ở Kép

sự vui mừng khó bút nào tả xiết, một phần cũng bởi từ khi Đào quân lập gia đình, chưa lần nào có dịp để ông ta giới thiệu “tân giai nhân” với Hoàng cả. Nay có dịp thì “giai nhân” đã tay bông tay mang; ông ta càng hãnh diện đem ra khoe với bạn cũ.

Thế là Hoàng có bạn và cô Oanh cũng có bạn. Năm lỵ cả tháng ở đây được rồi. Lúc nào buồn Hoàng sẽ lấy cớ “xếp ga” ra phát, còi “xếp ga” ra thôi.

Có lần Hoàng rủ Oanh lấy một chuyến tàu buổi chiều, ngược tít mãi tới ga Đồng Mỏ mới nhảy sang chuyến tàu xuôi quay về. Bên ngoài toa xe quạnh vắng, sương khói mờ hồ chạy theo một vầng trăng vàng ửng giống như một trái cam Bó Hạ đang rụng về đâu không biết nữa, ngoài Trái Đất, hẳn rồi!

Và Hoàng ngâm lên tám câu thơ vừa nghĩ được – chẳng những cho Oanh nghe mà thôi! – đó là tám câu Đường luật:

*Đôi lứa ban đầu mắt Lạc viên  
Cho ta ngàn kiếp nhớ thiên duyên.  
Chiều nay mộng thấm vừa tơ nới  
Vườn cũ ngói vùng lại gió lên  
Mây nước dâng cao hồn chấp cánh  
Trần ai rũ sạch nẻo về tiên.  
Bao la trăng động niềm ân ái  
Giọng hót chim trời lúu riu men.*

Thấm thoát đã ngày ông Táo lên châu Trời. Nghĩa là ở Kép đến già nửa tháng; chưa Tết mà ngày nào cũng vui như Tết. Đào Quân tìm đủ mọi cách giết thời giờ: gieo cá ngựa, đấu ping-pong [4] , v.v. Cũng giết khá nhiều gà vịt nữa. Tráng miệng thì sẵn cam Bó Hạ ngọt lịm, chất đầy mấy gầm giường. Thế rồi ngao du các đồi núi chung quanh. Chẳng cần chủ nhân phải hướng dẫn, khách cứ tự tiện rong chơi, quý hồ không được đi đâu lâu tới ba ngày và bắt buộc phải lưu lại ăn Tết ở Kép.

Cho nên sau ngày hai mươi ba tháng Chạp, Hoàng gửi Oanh cho chị Dung – nội tướng của Đào quân – xuống Hà Nội định thăm nhà nữa. Nam Định vẫn yên, lão mẫu vẫn khỏe mạnh; thế là Hoàng

chẳng phải lo gì. Còn Hà Nội và Thứ lang? Cũng không hoặc chưa có gì đáng ngại. Nhân dịp ghé tòa soạn tạp chí Thanh Nghị để lấy số Tết vừa in xong, Hoàng lại được thêm 20 đồng về “Bài ca Di hỏa” đăng ở số này, cùng với vở kịch Hồng Điệp. Hoàng tự nhủ: Thôi, tiền này để dành làm vốn đánh Tam cúc trong mấy ngày Tết, thua nhẵn cũng không sao!

Trở lại Kép thì ai nấy đã sửa soạn đón năm mới. Chùng như gió bớt lạnh, và mặc dầu xa Hà Nội, xa Nam Định, Hoàng vẫn cảm thấy không bơ vơ chút nào. Nhất định Hoàng còn tốt số hơn Nguyễn Bính!

Đào Quân lại cho biết rằng có một vị chủ đồn điền ở bến Mỏi tên là Phúc thấy nói Hoàng ở Kép đã nhắn tin mời Hoàng vào chơi. Hoàng được tin chỉ muốn đi ngay, nhưng Đào Quân không chịu, bắt phải ăn Tết đầu đây đã, rồi có đi hãy đi.

Thế là trưa mùng Hai, cơm nước xong, Hoàng diện quốc phục, Oanh mang đủ áo ấm, cả hai dắt tay nhau tiến vào đồn điền. Sự thật Hoàng cũng chưa rõ bến Mỏi là đâu, và cũng chưa được ký ức trả lời cho rằng Phúc là ai nữa. Phúc nào ấy nhỉ? Mà lại có đồn điền ở đây? Bạn học chẳng? Hay bạn thơ bạn kịch? Theo thường lệ mỗi khi Hoàng gặp bí, nhớ không ra một điều gì, là Hoàng cầu cứu đến Oanh. Nhưng lần này Oanh cũng chịu.

Đành cứ hỏi thăm đường vào bến Mỏi đã. Rồi gặp Phúc, thế nào cũng nhận ra. Chẳng lẽ không quen nhau mà họ lại mời mình: vô lý!

Thiên hạ nhanh nhẩu mách đường: cứ đường cái mà đi, chùng ba cây số, quặt vào con đường đất phía tay mặt, qua bến Chằm là đến bến Mỏi ngay. Gần thôi!

Nhưng xét ra chỉ gần đối với dân sở tại, và nhất là dân quê. Đối với mình, phải cứ cho rằng hơi xa đi. Nghĩ thế, Hoàng rủ Oanh vào phố Kép ngồi uống nước, đợi một cái xe chở rơm tiến về hướng đó, xin cho ngồi nhờ. Mừng tuổi ông chủ xe một đồng bạc, ông ấy mừng rỡ, thu xếp ngay chỗ để mình lên xe. Mùng hai Tết, được người mở hàng một cách bất ngờ như vậy, ai chẳng mừng? Chỉ có con trâu là chịu thiệt, bỗng dưng phải kéo nặng thêm ít ra cũng cả trăm cân. Nhưng không sao! Nặng thì nó có quyền đi chậm lại,

Hoàng chấp nhận kia mà! Vận tốc nào cũng được, cứ đến nơi thì thôi.

Tuy vậy, chỉ ngự “ngưu xa” được đến bến Chấm là phải xuống “bộ hành chơi xuân”, vì từ đây cho tới bến Mỏi đường quá hẹp, lại nhiều quãng lên dốc. May rằng cả hai đều tay không, và năng vừa đủ ẩm.

“Hoàng nhi! Bến Chấm với bến Mỏi, ai đặt tên mà ngộ quá?

Chẳng rõ hai bến có liên hệ gì với nhau không?”

“Oanh thử nghĩ xem, chăm chỉ mãi rồi phải mỏi mệt chứ! Và mỗi mệt tức là phải nghỉ ngơi. Điềm tốt đó”.

“Bến nó nghỉ hay mình nghỉ”.

“Bến cũng là mình; mình cũng là bến! Còn phân biệt thế là chưa “đạt”, Oanh biết không?”

Triết lý vớ vẩn mấy câu mà đến nơi lúc nào! Bến có vẻ hoang liêu, nhưng đồn điền thì ẩm cúng nhất định. Kìa, hàng ngàn hàng vạn gốc cam, đẹp mắt chưa? Cái ông Phúc nào đó tốt phúc thật!

Hoàng ngâm liền bốn câu tức cảnh:

*Chờ ai Bến Mỏi nghiêng nằm?*

*Thương ai lưu lạc sông trâm tiếng reo?*

*Nhà ai khói biếc lưng đèo?*

*Vườn ai cam ngủ bóng chiều thanh thoi?*

Đến khi vượt qua cổng, tới một cái sân rộng mông mênh thì trong đám người lố nhố đi ra, có một người đứng tuổi và gầy guộc bỗng reo lên:

“Hoàng! Có thể chứ. Đợi mãi từ hôm trong năm”.

Phúc Hàng Nón đấy hả? Trời đất ơi, mình cứ nghĩ mãi chẳng nhớ ra là Phúc nào!

\*

Mà Hoàng không nhớ ra ngay cũng phải. Ủ, Phúc có là người trong văn giới đâu. Có làm thơ viết kịch bao giờ đâu. Chỉ là một công tử “Hà thành”, nhà giàu nhưng học không giỏi, hơn Hoàng đến mười mấy tuổi, quen la cà khắp tửu điểm vũ trường những từ

thời Phong Hóa tuần báo đang oanh liệt. Dĩ nhiên là quen khá thân với Thế Lữ, Khái Hưng; và hình như Hoàng gặp lần thứ nhất ở nhà in Ngày Nay, do Khái Hưng giới thiệu.

Nay chàng công tử đã quay về khai thác đồn điền do cha mẹ để lại. Đồn điền cả trăm mẫu gồm cả ruộng vườn, cả đồi núi, linh tinh. Cho nên cũng trồng đủ thứ: lúa, cam, khoai, mía. Lại nuôi tằm dệt lụa nữa! Đúng là nghiệp “nông tang”.

Gia đình có vẻ hạnh phúc lắm! Vợ đảm, con ngoan. Gái lớn nhất đã 18 tuổi, đang theo học trường Hàng Bài; hiện diện ở đồn điền chỉ có cô gái thứ, tuổi chừng mười ba; và một lũ em trai của cô ấy. Người làm trong đồn điền lên đến bốn hay năm chục, dựng nhà ở rải rác quanh vùng Bến Mỏ, Bến Chằm. Thành ra khách đến vùng này, cứ hỏi ông Phúc là ai cũng biết.

Chỗ “chơi được” của ông chủ đồn điền này là y rất ít tham vọng, chẳng tính chuyện làm nghị viên như một nhân vật nổi danh của Vũ Trọng Phụng, cũng chẳng tính chuyện làm cách mạng xã hội như anh chàng Duy trong truyện Con đường sáng của nhóm Tự Lực Văn Đoàn. Đáng kể nữa là y chỉ mến trọng các thi văn họa sĩ chứ không hề nghĩ tới chuyện cầm bút bao giờ. Y thật tình lắm. Với tác giả Mây, y lại còn đồng điệu, ở điểm dùng “khói” làm phương tiện giải thoát tâm tư, đêm đêm tấu nhạc vang cả đồn điền, ru hàng vạn gốc cam Bô Hạ vào giấc mơ kết trái ngọt cho thế nhân, đồng thời kết thêm oan trái cho kẻ vương lấy nghiệp.

Sinh hoạt đồn điền rộn rã suốt ngày, kể cả ngày Tết. Hoàng và Oanh lên chơi, được giữ lại vô hạn định; vì lũ trẻ cứ quần quít lấy Oanh, còn Hoàng thì nói chuyện Hà Nội với Phúc bên ngọn đèn thần, đói ăn nhọc ngủ, chẳng cần phân biệt ngày đêm.

Chuyện Hà Nội, y biết tường tận lắm. Cả chuyện riêng trong tuổi học trò của Hoàng, cũng kể ra vanh vách, cứ như người trong cuộc ấy thôi! Con gái y lại hóm hỉnh không thua gì bố. Một hôm Hoàng hỏi:

“Cháu có biết mười năm trước, cô nào là hoa khôi trường Hàng Cót không?”

“Cháu biết thế nào được, vì lúc bấy giờ cháu mới lên ba. Nhưng chị cháu bảo hồi đó chị cháu đã vào học lớp bét ở trường này. Và

chức hoa khôi, toàn trường bầu cho chị Trâm [5] , đang học lớp nhất”.

“Thế sau Trâm là ai?”

“Là chị Phâm [6] “.

“Thế sau Phâm?”

“Bác tự hỏi bác ấy chứ sao lại còn hỏi cháu!”

Câu trả lời đột ngột khiến Hoàng vừa ngạc nhiên vừa bối rối; một phút sau mới lấy lại được bình tĩnh, và cười, đánh trống lảng:

“Con gái ông Phúc Hàng Nón có khác!...”

\*

Mùng bảy Tết, nhà cúng đốt vàng tiền ông vải. Nhân dịp Phúc tổ chức một canh bạc theo đúng nghĩa của từ ngữ này. Nghĩa là, bắt đầu từ trống hai, mọi người trong đồn điền tới quây quần ở bốn chiếc chiếu hoa trải nổi vuông trên nền gạch. Phúc ngồi “làm cái”, lắc bốn đồng tiền kêu giòn tan. Canh “sóc đĩa” vui nhộn vô cùng. Đặt năm xu, một hào cũng được mà đặt một đồng, năm đồng cũng cân ngay. Nhà cái tuyên bố “chơi cạn lảng” và nhất định không “cho về” một nước bạc nào. Mà phải ngồi mãi canh mãi võ; cấm “ăn non”!

Cháu Yến – con gái Phúc – canh ty với “bác Oanh”, lơ mơ thế nào, thắng luôn mười tiếng bạc; tha hồ cặp lệch hay khuôn rền, cứ đặt là trúng. Hoàng lúc mới nhập cuộc cũng đỏ như gấc, nhưng từ nửa đêm trở đi, sao mà đen thế! Rốt cuộc, khi trống điểm tan canh từ khắp các chòi gác của đồn điền, Oanh với Hoàng bù đi kéo lại vẫn thua. Phúc nói mĩa:

“Vậy là từ nay ông may mắn trên tình trường rồi. Không đen như trước nữa đâu. Lên gác lễ tạ “Thần đẳng” đi chứ!...”

Nghe loáng thoáng hai chữ “lễ tạ”, Oanh nghĩ ngay tới chuyện lễ bái thật sự và... ngôi đền Bắc Lệ, nơi từng theo bà thân đi hành hương từ bảy, tám năm về trước, Oanh mới nhỉnh hơn cháu Yến bây giờ một chút, nhà họ Đinh vẫn còn đông vui.

Thế là Oanh giục Hoàng nổi gió đi Bắc Lệ.

Chia tay với cha con Phúc, Hoàng còn ngơ ngẩn tiếc vườn cam Bó Hạ; viết một bài thơ trao lại, mà đoạn nhập đề chính là bốn câu tức

cảnh đã sẵn rồi:

*Chờ ai Bến Mỏi nghiêng nằm  
Thương ai lưu lạc sông trâm tiếng reo  
Nhà ai khói biếc lưng đeo  
Vườn ai cam ngủ bóng chiều thanh thoi.  
Tầm ai nồn lá dâu mời  
Trâu ai kéo mắt nghe trời bình yên?...  
Đất: quê thơm! Bạn: người hiền!  
Nhựa say tâm sự đêm huyền hoặc nâu.  
Ngắm hoa đèn, hiểu ý nhau:  
Quên ngày quên tháng quên sâu nhân sinh.  
Ra đi lòng nặng cảm tình  
Trông về gió bụi riêng mình ngẩn ngơ.  
Mong ai ngọt mía vàng tơ  
Vườn cam đỏ trĩu giấc mơ vẹn tuyền.  
Trao tay nét bút làm duyên.,  
Năm sau quả chín đừng quên Vũ Hoàng!  
\**

Ga Bắc Lệ ở phía trên Ga Kép chừng bốn chục cây số. Đàng nào cũng phải về Kép đã rồi mới lấy xe lửa đi ngược lên. Cuộc hành hương này có phần vất vả, Hoàng và Oanh xuống ga Bắc Lệ, hỏi lối vào đền, sắm sanh lễ vật, lòng thành chẳng thua một “con công đệ tử” nào. Quanh quần vùng sơn cước này đến hôm thứ ba thì chẳng ai bảo ai mà Oanh với Hoàng cùng cảm thấy nhớ Hà Nội quá, chịu không nổi, có lẽ đành bỏ cuộc. Hôm thứ tư, Hoàng viết Bài ca thời loạn [7] càng nhớ nhung hồ Kiếm sông Hồng; đành hẹn với ả Nam quan một dịp khác thôi.

Rằm tháng Giêng đến nơi rồi còn gì! Phải ngắm trăng Nguyên Tiêu ở Hà Nội chứ! Đi thì đi cho được; về cũng về cho được; lạ thay! Cho nên xuống ga Kép lấy hành lý, ăn một bữa thịnh soạn rồi cáo biệt vợ chồng Đào Quân, lên chuyến xe lửa trót trong ngày để xuôi Hà Nội.

Tới Bắc Ninh, chuyến xuôi gặp chuyến ngược, Hoàng xuống sân

ga nói chuyện với một vài người quen, bỗng nghe tiếng gọi giật giọng:

“Hoàng, đi đâu đấy?”

Trông lên thì chuyến xe lửa ngược Phủ Lạng Thương đã bắt đầu chuyển bánh; Nguyễn Tuân đứng ở toa cuối, bắc loa tay nói lớn: “Ồ Hà Nội người ta sắp diễn kịch của ông đấy”.

Hoàng không có thời giờ hỏi thêm, vì chuyến xe của mình cũng đang “xình... xịch, xình... xịch” mở máy rồi. Nhảy lên vừa kịp, Hoàng hỏi Oanh:

“Có nhận ra ai vừa gọi Hoàng không?”

“Nhận ra chứ! Nhưng chuyện gì vậy?”

“Quái thật! Ai diễn kịch của mình ở Hà Nội mà mình chẳng biết gì kìa!”

“Thì về khắc biết. Chẳng lẽ mình còn toan xuống ga Chùa Lim để vào Dương Ổ nữa sao?”

“Không! Chúng ta đã đồng ý cứ gửi tạm các thứ bên đó, lúc nào tiện thì sang lấy sau. Bây giờ về thẳng ga Hàng Cỏ chứ xuống Chùa Lim thế nào được!”

Oanh cười, ranh mãnh... Vì Oanh thừa biết rằng giờ phút này có họa trắng mọc phía Tây mới ngăn nổi “con gió về xuôi” của Hoàng.

## **Phụ lục 1**

*Bài ca Tận Túy*

*(Trích trong thi tập Rừng phong)*

*Mặt khói chơi vui, hề, ngọn đèn chênh vênh*

*Kìa núi tà dương đỏ dấy*

*Lam mờ bể nguyệt lung linh.*

*Đã mở cánh huyền vi, hề, sau rèm hiển hiện*

*Còn nguyên khói hỗn mang về Vũ-trụ-sơ-sinh.*

*Hồn mê loạn áo trần ai vụt biến*

*Lộ Đài thiêng trong một phút hoa quỳnh...*

*Chiếc bướm phân thân, hề, ba nghìn thế giới*

*Đầu cuối Thời gian, hề, chớp mắt Trang sinh.*

*Bắc Hải muôn trùng thăm thẳm*

Sóng cao dâng vạn trượng, hê, quấy đuôi kinh  
Đám mây, đám mây, hê, chín dậm  
Con chim bằng vỗ cánh, hê, dời sang Nam minh.  
Ta thấy trước đời ta rồi đêm nào tận tụy  
Thanh sắc chiêm bao về một hội phù sinh.  
Bào ảnh vọng lên từng dị diệu  
Khuê Ngưu tỏa xuống khúc ân tình.  
Hán Nguyễn hưng suy, hê, màu trôi hoạt họa  
Gió ngủ trắng bay, hê, nét đứng u minh!...  
Thúy Kiều ơi! Đêm Giác ngộ tương lai vào mộng huyền  
Nẻo hồi dương vang ngợp tiếng Thần linh!  
Đêm nay ngọc đỏ  
Khỏi nơi này tơ xanh.  
Ta ơi, hê, ta ơi!  
Kìa thoáng Chân thân vừa hiện đó  
Nụ cười Say hoan lạc đến vô tình!

## Phụ lục 2

### Bài ca thời loạn

(Trích trong thi tập Rừng phong)

Một vầng trăng huyết

Rụng đỏ Kinh kỳ,

Rượu thơ dừng gót lưu ly...

Sớm, nổi mây thành cổ quận

Chiều, lên khỏi ải biên thù

Nửa giấc chiêm bao tuổi vàng Nghiêu Thuấn

Ta nằm nghe đời xuống bước suy vi.

Hồn kiếp trước riêng đầy sầu xứ mãi

Khóc luân hồi chưa ráo lệ tang thương

Đêm Xuân sang giữa vùng hoa cỏ dại

Gối lên thơ còn mộng núi thiên đường.

Muôn trùng tuyệt nẻo Đế hương

Mờ xóa vết xe Thời đại

Phong trần héo mặt tà dương

Tinh tú lạnh màu quan tái

Nhịp Tiêu vong từng phút thê lương  
Huyết thẩm Hư vô đợi cuối đường...  
Trời ơi!... Giác ngủ biên cương  
Hỗn độn thanh âm tàn phá  
Bể Bắc non Tây đầy trời binh hỏa  
Vó ngựa Đông đô liền cánh qua Nam phương!  
Gió thét oan hồn đêm gợn bóng  
Mây đùn sát khí nguyệt mờ gương  
Say thành bại nhân gian công vọng  
Riêng mình ta vạn kiếp bi thương.  
Đã sa ngôi cũng Hoàng Vương  
Còn toan đổ máu phơi xương làm gì?...  
Đoái trông về thuở Loạn ly:  
Sớm, nổi mây thành cổ quận  
Chiều, lên khói ải biên thù...  
Được, thua, còn, mất... ai vui? giận?  
Mình ta cười ta khóc nổi suy vi!

### **Chú thích**

[1]Hỗn danh này do các ả đào ở xóm hát Phú Nhuận đã đặt cho Nguyễn Bính .

[2]Bài ca Tân túy có in trong tập Rừng phong (Sài Gòn 1954).  
Xem phần Phụ lục.

[3]Bài Thiên đường lại mở cũng có trong tập Rừng phong.

[4]Trong số các bạn ping-pong (bóng bàn), có cả thi sĩ Bàng Lân, vì ông này cũng ở phố Kép và cũng là bạn thơ của Đào Quân.

[5]Thường gọi là: Trâm Hàng Bồ.

[6]Thường gọi là: Phẩm Cầu Gổ.

[7]Bài này có in trong tập Rừng phong. Xem phần Phụ lục

## Ta đã làm chi đời ta

### Duyên thơ nợ kịch

Từ khoảng giữa năm Giáp Thân (1944), Hoàng và Oanh về ở Nam Định, cuộc sống như có trầm lắng một thời gian. Nhiều buổi tối buồn tẻ đến hiu hắt; Oanh mở rương kiểm điểm lại những tặng vật đánh dấu ngày vu quy: này là đôi giày cườm Đỗ quân tặng, này là tấm lụa màu mỡ gà óng ánh của ông Quý, này là chiếc vòng huyền của cô Lệ Thanh... Hoàng thì ngắm nghía đến chán mắt tập giấy của Nguyễn Tuân và chiếc bút máy của Chu Ngọc.

Ngày cưới mà cho nhau giấy với bút, nhảm quá! Nhưng chỗ anh em thân, sẵn cái gì tặng cái này, cốt ở tấm lòng quý nhau thôi!

Bút máy của Chu Ngọc, cũ từ bảy mươi đời, ngòi vàng đã mòn vẹt hẳn đi, thế mà cũng đem thuê thợ khắc ngày tháng với lời đề tặng! Giấy của Nguyễn Tuân thì ai còn lạ gì! Đó là thứ giấy in báo tầm thường nhất; chỉ không tầm thường ở chỗ nó được cắt thành khổ vuông, mỗi bề hai gang tay, nghênh ngang ra mặt. Cách mép giấy chừng một đốt ngón tay, Nguyễn cho in một cái khung, và bên trong khung là những giòong kẻ ngang lờ mờ. Bên phía dưới khung lại có in hai chữ Nguyễn Tuân, thủ bút của đương sự. Tất cả đều dùng màu xanh lá mạ, rất hợp với nền vàng.

“Giấy này tôi vẫn tự dành để viết những trang bản thảo đặc ý; bây giờ ông đem về tỉnh Nam, chép thơ chép kịch cho “nó” thú. Rồi hôm nào gặp nhau, ta sẽ cùng đọc cùng ngâm, cùng thưởng thức...”

“Cùng hát có được không?”

“Ừ thì hát! Nhưng việc này đã có Chu thị; chứ tôi với ông thì hát với hồng gì...”

Mấy câu đối đáp lảng nhãng này, Hoàng nghe như quạt mạnh vào bầu không khí ao tù của tỉnh lẻ. Trong lòng tưởng thấy gió lên.

Nào thì hạ bút! Chép cái gì đây? À, chép vở kịch thơ “Cô gái ma” đi! Dùng mực tím cho gọi cảm!

Ai ngờ duyên thơ nợ kịch đã theo đà ngòi bút kéo đến ngay, tạo ra những bất ngờ quái ác, nó khuấy động mãi cuộc sống tỉnh lẻ của Hoàng cho đến lúc tản cư mới tạm ngừng, bao gồm cả một năm Tiền cách mạng, và một năm Hậu cách mạng. Tạm ngừng thôi. Vì cho đến nay cũng chưa tàn vang bóng kia mà!

\*

Thật ra thơ là cái nghiệp Hoàng đeo đẳng những từ bao nhiêu kiếp trước và sẽ còn đeo đẳng mãi không biết tới bao giờ; nhưng ở đây Hoàng muốn nói riêng cái duyên nợ kịch thơ kia! Một thứ duyên nợ quái ác lắm. Nó “thực” như kịch, đồng thời cũng “ảo” như thơ. Khiến cho người trong cuộc luôn luôn bị đặt giữa vòng vây của câu hỏi: Thực hay Ảo? Tự giải đáp cách nào cũng không xong. Thử vai tráng sĩ trong vở Bóng giai nhân hai lần, vai Hoàng Lang trong vở Vân Muội bốn lần; từ cuối 1942 cho đến lúc này, đã gần hai năm rồi còn gì, những tưởng về Nam Định ẩn cư đợi chấm dứt mùa bom đạn, biết đâu “cây muốn lặng mà gió chẳng ngừng”. Trêu ngươi thật.

Cái gác của Hoàng ở phố Bến Thóc tỉnh Nam có hỗn danh là Gác Ống, vì nó dài tới mười mấy thước, mà chiều ngang cũng như chiều cao chỉ vồn vện có hai thước thôi. Nguyên do: phía trên nó là tầng lầu, và phía dưới nó là cái cổng dẫn từ hè phố vào sân trong. Nghĩa là ông thầu khoán xây nhà đã lý luận rằng cái cổng mà cao đến hơn bốn thước phí quá! Chia quách ra thành hai cái ống; lợi được một gác xép lơ lửng, chứa các thứ lặt vặt chẳng hơn sao? Thế là gác Ống đã chứa Hoàng – ngọa các riêng của Hoàng thôi, vì còn cả một tầng lầu dành cho Hoàng và Oanh làm tổ ấm – chứa luôn cả kho sách gia bảo và một trời mây khói lung linh. Để rồi một tối mưa Ngâu tầm tã, nó chứa thêm một quý khách, con người đã từng giác ngộ qua câu hỏi đặt ra cho bản thân:

*“Ở đâu ta ở chốn này  
Nằm trong hờ hững gói tay vô tình?”.*

“Hoàng sướng quá nhỉ?”

“Thế còn ông?”

“Vì mình tham quá; cái gì cũng muốn ôm lấy, bây giờ vừa phải trông coi Ban Kịch, vừa phải tìm kịch để diễn, vừa phải dựng kịch, huấn luyện diễn viên, hòa hợp những màu sắc đường nét trên sân khấu”.

“Nhắc vở nữa chứ?...”

Chủ khách bỗng nhìn nhau cười dài...

Chẳng là hồi đầu năm, khi Hoàng và Oanh từ Kinh Bắc hồi đó, vừa kịp hay tin Ban Kịch Thế Lữ sửa soạn, sửa soạn đưa vở Vân Muội lên sân khấu. Đáng lẽ ra bộ ba Giáng – Kỳ – Đôn thủ các vai, nhưng họ còn phải tập nhiều vở khác, e khó thuộc trơn tru được vở kịch thơ ma quái này; nếu Thứ Lang và Hoàng lại lãnh vai Vân Muội và vai Hoàng Lang như mấy lần trước Ban Kịch Hà Nội đã tổ chức thì hay quá. Đỡ cho ông bầu kiêm đạo diễn biết chừng nào!

“Tại Hoàng đi biệt tăm biệt tích, mà Thứ lang cũng lêu têu như mây khói, chẳng tìm thấy đâu. Bây giờ có mặt ở đây cả rồi, ta cứ thế nhé!”

“Ông khôn thật!... Nhưng còn vai Vương Sinh, ai đảm đương?”

“Thì... anh Đôn...”

“Không! Anh Đôn là họa sĩ, mà thủ vai họa sĩ Vương Sinh, chúng tôi lại thấy không ổn đâu”.

“Sao lạ thế? Anh ấy đóng kịch khá lắm mà!”

“Chúng tôi có phủ nhận điều đó bao giờ chứ! Nhưng, vóc người anh ấy cao quá. Mà... mà... không đẹp trai bằng ông”.

“Nghĩa là?...”

“Chính ông lãnh vai Vương Sinh đi”.

“Nhưng tôi làm gì có thời giờ học vở. Mấy ngày nữa đã diễn rồi”.

“Đừng quá lo! Hoàng sẽ nhắc. Ông có thừa kinh nghiệm sân khấu; lại gieo vần lựa điệu đã quen; chỉ cần xem vở qua một lần là đủ...”

Rồi... quả nhiên hôm diễn Vân Muội, Hoàng vừa đóng vai của mình, vừa nhắc Thế Lữ trong vai Vương Sinh. Nhắc từng câu, nhắc cả cử chỉ nữa. Mà khán giả không hay biết gì. Mới thần tình chứ!...

Nhịp cười dài vang lên ở “gác Ông” sau đó nửa năm như nhắc lại cho nhau nhớ cái “liều lĩnh quá sức tưởng tượng” ấy.

“Chúng mình liều thật!”

“Mà... không hiểu sao lúc bấy giờ tôi dám nhận điều kiện của Hoàng!”

“Thì tại là điều kiện “si-nê-qua-non” mà! Với lại chắc cũng vì tội khen ông đẹp trai?”

““Người ta” biết thừa đi là riều “người ta”, chứ đẹp trai gì đâu. Không khéo còn già hơn cả Lan Khai ấy chứ!”

“Thế... bây giờ sao? Lại định “tái diễn” trò đó chắc?”

“Không! Lần này diễn vở Nguyễn Thái Học, kịch xuôi kia”.

“Hoàng đóng thế nào được vai Nguyễn Thái Học?”

“Ai bảo Hoàng đóng nào! Kịch này “người ta” đã diễn ở Hà Nội và nhiều nơi khác rồi; bây giờ đi lưu diễn: Nam Định, Thanh Hóa, Vinh, v.v. Võ Đức Diên thủ vai đó khá lắm”.

“VẬY, cần gì đến Hoàng? Mà ông phải xông pha mưa gió đến đây!”

“Nhớ Hoàng, “người ta” đến thăm, chứ sao lại phải “cần” mới đến!... Tuy nhiên, nếu Hoàng viết giúp cho một khai từ thì...”

“Thế lần diễn ở Hà Nội không có khai từ à?”

“Có chứ. Nhưng Lưu Quang Thuận viết, chưa đủ hào khí. Vả lại lần này anh Diên bảo nên kéo dài thêm phần khai từ, kéo đêm diễn sẽ ngắn quá. Thời gian trình diễn vở Nguyễn Thái Học chỉ một giờ hai mươi phút là cùng. Phải trình bày phần khai từ nhịp với những hoạt tượng liên tục biểu hiện các cuộc tranh đấu giành độc lập của dân tộc ta, kể từ Trưng Nữ Vương, Mai Hắc Đế, v.v.”

“Như vậy, dài cả trăm câu thơ cũng nên!”

“Thì năm ngoái Hoàng đã viết hộ “người ta” cái khai từ cho vở Kinh Kha của Vi Huyền Đắc, chỉ hai mươi bốn giờ là xong. Lần này viết dài gấp đôi thì cũng bốn mươi tám giờ thôi chứ gì!...”

“Còn liệu xem có hứng không đã chứ?”

“Nhất định phải có! Gắng giúp “người ta” đi!”

Nhà đạo diễn của Ban Kịch Anh Vũ – lúc này là Ban Kịch Anh Vũ chứ không còn là Ban Kịch Thế Lữ như năm ngoái – ra về khoảng mười một giờ đêm thì Hoàng bắt tay luôn vào việc, bởi lẽ nguồn cảm hứng dâng mỗi phút một cao vọt như có quỷ thần nhập vào ngòi bút. Hoàng đặt nhan đề “Trả ta sông núi”, rồi... quanh quẩn

sáng lúc nào chẳng hay.

*“Trải bốn nghìn năm dựng nước nhà  
Sông khoe hùng dũng núi nguy nga...  
Trả ta sông núi!... bao người trước  
Gào thét đòi cho bọn chúng ta.  
Trả ta sông núi!... Từng trang sử  
Dân tộc còn nghe vọng thiết tha.  
Ngược vết Thời gian, cùng nhẩn nhủ:  
Không đòi, ai trả núi sông ta!  
Cờ Báo phục, hai Bà khởi nghĩa  
Đuổi quân thù xưng Đế một phương  
Long Biên sấm dậy sa trường  
Ba thu xã tắc miếu đường uy nghi.  
Xót nòi giống quản chi bỏ liễu  
Giòng Cấm Khê còn réo tình anh  
Một phen sông núi tranh giành  
Má hồng ghi dấu sử xanh đời đời  
Bể dâu mấy cuộc đổi đời  
Lòng trăm họ vẫn dầu sôi bùng bùng  
Mai Hắc Đế, Phùng Hưng Bó Cái.  
Liều thế cô, giăng lại biên cương.  
(Xem Phụ lục)*

Trên đây mới có hai mươi câu; tiếp theo là một trăm câu nữa (có in đầy đủ trong tập Hoa Đăng xuất bản năm 1957 tại Sài Gòn, nghĩa là mười lăm năm sau).

Ban Kịch trình diễn tại rạp hát phố Hàng Rượu. Màn hoạt tượng gây xúc động ghê gớm; tiếng vỗ tay vang dội tưởng đến vỡ rạp; mà không biết ai ngâm bài khai từ hôm đó, giọng thê thiết như tức tưởi, lại hùng tráng như lệnh xuất quân!  
Khi nghe lời điệp khúc:

*Tinh thần Độc lập nêu cao;  
Sài lang kia, núi sông nào của người?*

Sự giật mình của Hoàng xét ra hợp tình hợp lý chứ đâu phải vì đa cảm suông.

Vì ngay sau lúc buông màn, hiến binh Nhật đã ủa cả vào hậu trường tìm ông đạo diễn hỏi chuyện. Hoàng thấy có biến, đành phải ngồi yên tự coi mình như bất cứ khán giả vô tội nào. Hãy chờ xem ngã ngũ ra sao đã!

Nhưng rồi bọn hiến binh của Thiên hoàng lại kéo nhau dờn hậu trường ra ngồi... xem kịch. Nghĩa là vở kịch Nguyễn Thái Học vẫn diễn như thường. Hú vía!

Dầu sao Hoàng cũng nóng ruột, chờ một cơ hội thuận tiện là cất lên ngay vào “bên trong”...

“Thế nào? Họ có làm lỗi thôi gì không?”

“Về ngay đi, chứ lại còn đứng đây hỏi nữa!”

“Thì hỏi cho biết”.

“Lúc khác hẵng hay! Người ta còn cả trăm việc”.

Câu nói kèm theo một cái nháy mắt. Hoàng hiểu ý, ra về luôn.

Mãi tới hôm sau mới có tin. Thì ra anh chàng “Lê Phong phóng viên” nhanh trí thật. Kinh nghiệm như mật thám Tây cũng đến bị lừa chứ đừng nói chân ướt chân ráo như hiến binh Nhật! Đây, những câu đối đáp ở hậu trường:

“Ai cho phép các ông ngâm bài thơ lúc này?”

“Dạ đó là bài khai từ”.

“Có dấu kiểm duyệt chưa?”

“Dạ, phải có chứ ạ”.

“Tác giả đâu?”

“Dạ, đang hóa trang để đóng trong vở kịch tiếp”.

“Gọi ra đây. Và đưa cái bài lúc này ra cho chúng ta xem”.

“Dạ, có sẵn và sẵn lòng lắm”.

(Kẻ trao người cầm và hỏi thông ngôn).

Sau một tràng tiếng Nhật ném qua ném lại... Rồi:

“Bài này cũng chẳng có gì “phạm” cả. Ở... ở... sao lúc này nghe...”

“Dạ, bài này kiểm duyệt từ Hà Nội và đã ngâm nhiều lần ở các nơi rồi. Có lẽ ngâm lên nghe “nó thể” chứ thật ra nội dung có gì

“phạm” đâu!”

Thôi được. Để chúng tôi đem bài này về xét lại.

Thật tức cười... đến chảy nước mắt. Vì đó chỉ là bài khai từ cũ, của Lưu Quang Thuận. Chứ bài của Hoàng, đã kiểm duyệt đâu mà dám đưa ra.

Trở hươu làm ngựa... cứ dễ như chơi! Đóng kịch đến thế mới giỏi. Đáng mặt đạo diễn kiêm thi sĩ kiêm phóng viên!

\*

Ban Kịch Anh Vũ trên bước Nam du, chẳng biết rồi phiêu lưu đến tỉnh nào và đến đâu thì quay lại. Chỉ biết sau đó Hoàng bị mắc vào vở kịch Ngã ba, rồi cứ đi đi về về Nam Định, Hà Nội như đi chợ. Thật ra Hoàng có lãnh một vai nào trong vở ấy đâu; vì Hoàng chả dại gì đem thân dân vào cái ngã ba điều đứng ấy để rồi đi ngã nào cũng bị dẫn tới ngõ cụt, mà cứ liêu ỳ ra, giẫm chân tại chỗ, thì... sa lầy nhất định, không ai “kích” lên cho đâu.

Ngã ba? Kịch của ông Đoàn. Do chính ông ta đảm nhận một vai quan trọng. Hoàng còn nhớ như in vào tâm não cái cảnh ông ta tập thổi kèn tàu. Mà người dạy thổi lại là một lão bộc gù – do kịch sĩ Ngọc Đình đóng – mới éo le chứ. Ông Đoàn ơi ông Đoàn! Ngọc Đình dạy ông mục ấy thế nào được! Ông điên hả? Đáng lẽ phải là Hoàng chứ. Nhưng đội lột một lão bộc gù thì nó lạy ông “cả nón” thôi.

Hoàng nói đùa vậy cho vui chút mà! Ai cũng biết chuyện này Hoàng tự ý đứng ra ngoài “Ngã ba”. Hay – cho đúng hơn – bay lơ lửng ở phía “Ngã ba”. Lơ lửng đám mây xanh, nếu đó là khoảng không; còn nếu đó là nước thì lơ lửng con cá vàng cũng vô hại.

Kìa đủ mặt các bạn thân đóng trò bên cạnh tác giả: ông Tuân này, ông Quỹ này, Đỗ quân và Thứ lang nữa này. Còn nữa. Nhớ không xuể. Nhưng hăng cứ bằng ấy người cũng đủ cho Hoàng có bạn chơi du dương cả tháng trước khi vở kịch lão đảo tự “dinh” lên sân khấu rạp Kim Môn, phố Hàng Buồm.

Gọi là tập kịch cho đủ lệ bộ vậy thôi; chứ sự thật ông Đoàn thiết gì tập với rượt. Chính ông ta là tác giả kiêm vai chính mà còn thế, trách sao được anh em. Càng không trách được Hoàng, kẻ đứng

ngoài cuộc... Trà thất, tửu điểm, kỹ viện, ca lâu... mặc tình vui thỏa! “Ai yêu ta thì theo ta!”. Chứ sao?

Đến đêm diễn, mệt rũ cả người! Hoàng ngồi xem đến cảnh Thứ lang – vai một sinh viên thất tình nhảy xuống hồ Trúc tự trầm – được vớt lên, và kéo lê từ hậu trường ra sân khấu, mặt trắng bệch, tóc lứt thướt, tay mềm thông như bún... Trời ơi! Hoàng lo quá. Lộng giả thành chân biết đâu! Huống hồ nó đã say cả thán: men, khói, đàn, phách... Rượu ngon... lại bạn hiền sẵn, hàng nửa tá. Hát ngọt thì người xinh cũng phấp phới như bướm lượn, hể sát cánh là đẹp đôi ngay.

Rồi đến cái cảnh “lên đường” của ông Tuân – vai gì chẳng nhớ nữa, nhưng tất phải là thanh niên thời đại rồi – “lên đường” một cái hùng lắm, vang dội nhiều suy tư lắm, chứ không bằng phẳng, vô ý thức đâu! “Đoàng! Đoàng!”. Tiếng súng nổ từ tay vai trò. Nghe cứ y như tiếng ông Tuân – lúc này đã ngã sấp xuống – Ồ! Ồ! Nghe cứ như gọi “Hoàng! Hoàng!” ấy thôi. Này ông Tuân! Đã tự sát rồi mà còn rủ anh em cùng lên đường đẩy hủ?...

Mệt quá! Trên chuyến xe về Nam Định, Hoàng có cảm tưởng cuộc chơi đến đây là tự chấm dứt.

Hoặc đang sửa soạn chấm dứt, kịch Ngã ba của ông Đoàn giống như ánh lửa găng sức lóe sáng trước khi ngọn đèn tắt. Nhưng, tàn “cuộc chơi” để thấp lên “cuộc” gì đây? Bất cứ cuộc gì tiếp theo, Hoàng cũng chả thú nữa!

“Về đi thôi, hê, về đi thôi!...”

Dẫu sao “vở kịch hiện tượng” này cũng đem đến cho Hoàng mấy phút cuồng ngâm thay thế cho bài ca Cổ bồn đã hơn hai ngàn năm cũ rích! Ngâm rằng:

*Ngã ba, hê, Ngã ba!*

*Có phải chăng, hê, Ba là Sóng?*

*Có phải chăng, hê, Ngã là Ta?*

*Sóng không giết nổi, hê, chàng thi nhân mặt trắng*

*Ta không chết được, hê, vì điệu kèn đám ma!*

*Ai hát kìa: Bác trai đi vắng?  
Ai cười đây: Bác trai có nhà?...  
Lên đường? Lên đường ư? Vào con tận túy!  
Ôi! Ngã là Ngã quy?  
Hay Ba là Ba hoa?  
Ông Đoàn, ông Đoàn nhi!  
Cuộc chơi tàn ru mà?... ”.*

Nghĩ đến đây, Hoàng chợt cười lớn – cười một mình – vì chỉ muốn hạ tiếp:

*A ha! Đập mẹ kịch đi không diễn nữa!  
Người nào là người? Ai là ta?*

Sự thật hai câu này đâu phải của Hoàng! Chúng được dịch từ bài “Hát gõ chầu”:

*Y! Sao toái ngõa bôn bắt tái cổ!  
Y thị hà nhân? Ngã thị thùy?*

Mà chẳng nhớ ai dịch nữa! Mượn của người ta, bất tiện lắm. Vì của người ta là:

*A ha! Đập mẹ chầu đi không gõ nữa!  
Người nào là “en”? Ai là “moa” [1] ?*

Thôi, đành chấm hết sau những chữ “ru mà”; cho nó có “hậu” một chút.

\*

Thế rồi cũng bước sang năm Ất Dậu (1945) lúc nào không hay. Một năm vô tích sự, vì Hoàng chẳng cho in được tập thơ nào, chẳng cho diễn được vở kịch nào ra hồn; chỉ đi đi về về đến mòn cả... đường sắt. Có lẽ thiên hạ “làm” nhiều quá, nên mình phải “vô vi”, thiên hạ ai cũng ngửa tay ngửa miệng trên chiều hướng

“động”, nên mình phải tĩnh tọa, tĩnh tâm.

Ấy vậy mà vở kịch vẫn ngấm ngấm gieo hạt để đúng lúc kết thành những trái đắng cay!

Nguyên do, đầu tháng Ba dương lịch, họa sĩ “Mê Ly”, người có cái tên bất hủ tiền định Lập Ngôn đã từ núi Ngôn ra tỉnh lý, đến tá túc ở gác Ống một tuần, rồi kéo Hoàng lên Hà Nội.

Vừa tới được phố Hàng Giò, và cơm rượu vừa bùng lên – khoảng mười một giờ đêm – thì... “đùng, đẹt... đẹt, đùng”, Nhật đảo chính Pháp.

Còn ai tính được chuyện gì nữa; nhất là chuyện văn chương nghệ thuật! Họa sĩ đi đăng họa sĩ, và Hoàng đi đăng Hoàng.

Nhưng nếu chuyển ngược có bạn đồng hành, thì chuyển xuôi cũng không đến nỗi đơn thương độc mã. Văng trắng, đã có sao, Nhà giáo Phan Khắc Khoan, thi sĩ kiêm tác giả nhiều vở kịch thơ, chẳng hiểu từ đâu mọc ra mà nhất định mắc vào cuộc rút lui chẳng mấy vẻ vang của khách Giang hồ vật. Nằm cả tháng ở gác Ống, họ Phan chỉ liếc nhìn mây khói chứ không dám ném một lần nào, do đó cũng đâm buồn và cô động “dựng kịch”. Lại kịch! Thôi, ông “làm” đi, tôi nhường địa bàn hoạt động cho ông đó; tìm được Mạnh thường quân nào ở vùng Sơn Nam Hạ này thì cứ mùa may đi. Tôi sẵn sàng đóng vai... khán giả.

Hoàng nói thế, tưởng nói mà chơi... Ai ngờ họ Phan đào ra được Mạnh thường quân thật, mới chết chứ! Thế là diễn lung tung: Phạm Thái, Trần Can, Lý Chiêu Hoàng (của ông ta), và cả Bồng giai nhân (của Nguyễn Bính) nữa!

Phan Khắc Khoan đảm lãnh tất cả những vai chính. Phạm Thái cũng ông, Trần Can cũng ông... rồi Tráng sĩ trên bến Hoàng Sa cũng ông nốt.

Ngồi nghe ông ngâm:

*“Bến Hoàng Sa, phải đây nhà Lý Đạt,  
Thợ lành nghề chuyên đúc những gươm thiêng?  
Đã nghe đồn từ lúc bến xa thuyền;  
Thuyền bỏ bến, ta vào đây... xừ lạ [2] !...”*

Sao mà Hoàng nhớ “cái chính mình” của ba năm trước thế không biết! Chỉ đáng buồn ở chỗ bóng giai nhân chuyển này không còn giữ được mảnh mai như dạo nọ. Vì... hỡi ơi! Người đẹp của tác giả Nguyễn Bính đã trở thành “người đàn bà đẹp”. Phận liễu này nét ngang mất rồi.

Lý do: Ông Khoan, lấy quyền đạo diễn, thêm vào một hài nhi trên tay giai nhân. Để có dịp cho ông viết thêm chừng vài trăm câu thơ nữa, kéo dài lý luận của người tráng sĩ – chính ông đóng – rằng: giết như thế, một mạng sẽ hóa hai. Chi bằng: thôi không giết nữa, gươm chẳng thiêng thì đừng!

Hỡi ơi! Kịch Bóng giai nhân của Bính đã đẻ thêm ra một kịch con đây, Bính biết chăng? Tấn kịch con ở ngoài Kịch, ở ngoài Bóng, nghĩa là ngay trong đời – giữa năm 1945 nhiều biến cố – sao không ra Bắc mà nhận con?

*“Công chúa tháng Ngâu ngày nguyệt tận,  
Đời con rồi khổ đầy con ôi [3] ...”*

Nhưng Hoàng vừa buồn, lại vừa lo. Cái trò “vẽ rắn thêm chân” này báo hiệu gì đây chứ? Điềm lành hay điềm dữ đây, hỡi Trời?

\*

Tuy nhiên Hoàng vẫn quý ông Phan Khắc Khoan thật tình. Quý ở chỗ: ông đi biệt đâu hàng nửa năm rồi bước qua 1946, ông lại trở về nằm gác Ống, như chẳng có chuyện gì xảy ra trên đất nước, nghĩa là vẫn mê thơ mê kịch không khác gì lúc Bảo Đại còn ở ngôi vua, bom nguyên tử chưa ném xuống Quảng đảo... và ông còn vác gươm đi tìm người giết cho đủ số để gươm linh.

“Hoàng ạ, Ban Kịch Đông Phương của bọn Hoàng Tích Chu lực lượng có vẻ khá lắm”.

“Khá là khá thế nào?”

“Thì đông người, nhiều vở, sẵn tinh thần hy sinh cho kịch nghệ, cho văn chương”.

“Sao biết?”

“Anh em trên Hà Nội bảo thế! Từ Tết đến giờ (Tết Bính Tuất).

Hoàng chỉ nằm miết ở Bến Thóc thì còn biết gì!”

“Ồ đúng”.

“Tin đích xác đây này: Tối mai Ban Kịch Đông Phương trình diễn tại Thái Bình, và diễn liền mấy tối sau nữa. Ngay tỉnh lỵ. Hoàng có đi với tôi sang bên đó không nào?”

Đây với Thái Bình, đi lúc nào chẳng được! Qua bến đò Tân Đệ xe “ca” vèo một cái là đến nơi. Có hai chục cây số!

“Hoàng thuộc địa dư lắm nhỉ?”

Chuyện! Giang sơn đâu, anh hùng đây. Tôi thử vào Quảng Trị, Thừa Thiên xem ông có phải đóng vai hướng dẫn không!

Thái Bình. Tỉnh lỵ nhỏ xíu, chỉ có mỗi một phố chính là đông vui chút ít; còn vài ba phố ngang thì xơ xác lèo tèo. Cứ đến hàng ăn kiêm sòng bạc Đông Phát, kế cận sông Bo, là có tin gì trong tỉnh, lượm được hết. Ban kịch ư? Hiện đang tá túc ở xóm huyện Vũ Tiên, nhà cậu hai, con ông Nghị.

À, chỗ quen cả!... Xuống đến nơi, vừa qua giờ Ngọ; toàn ban đã ăn uống no đủ, và đang kéo nhau ra xe đi thăm chùa Keo. Máy chiếc xe “ca” được cậu Hai mượn để đãi khách phương xa một châu du ngoạn, chiếc nào cũng mới toanh chỗ ngồi rộng rãi lắm.

Thế là Hoàng giới thiệu nhà thơ họ Phan với mọi người, và cả hai mắc luôn vào ban kịch. Chùa Keo, Hoàng đã từng đến vãn cảnh nhiều phen rồi, nhưng sao lần này cỏ cây u nhã đến thế! Như có chất say bâng bạc khắp cả! Dễ thẳng câu chuyện trao đổi với Ban Kịch Đông Phương ở nơi đây cũng lời từng tiếng dậy ngát một mùi hương túc duyên nào chứ chẳng phải nước bèo gập gờ đâu. Lại thật!

Đối với họ Phan, người ta còn khách sáo ít nhiều; chứ đối với Hoàng thì, toàn ban đều thân mật, coi như “cố nhân”. Có lẽ bởi họa sĩ Hoàng Tích Chù – em ruột Hoàng Tích Chu – là chỗ thế nghị của Hoàng chăng? Hay bởi tác giả quan trọng của ban kịch là thi sĩ Hoàng Cầm, chỗ thanh khí của Hoàng, từng đã gặp nhau ở xóm Niềm bên Kinh Bắc? Hay vì trong số các nghệ sĩ của ban kịch có một người từng đã hợp tác với Ban Kịch Hà Nội, và do đó cùng Hoàng khá thân? Hay là v.v...

Tối hôm đó diễn vở kịch thơ Lên đường của Hoàng Cầm. Chỉ có

bốn vai – đều vai chính cả! – nhưng điều đáng nói là một trong bốn vai ấy đã do Tuyết Khanh đóng. “Người đẹp” này, Hoàng đã từng chiêm ngưỡng trên màn bạc rồi – phim Cánh đồng ma của ông bạn Đàm Quang Thiện – và cũng chẳng thấy gì đáng mê lắm. Hồi chiều, cùng ngồi trên gác chuông của chùa Keo, người đẹp cũng đã cất tiếng hát một bài tân nhạc trong đó “có cây đa to, có thằng Cuội già” nhưng toàn ban đều hòa nhịp đồng ca, nên át mất cả giọng ngọc. Hoàng đã chẳng lấy làm tiếc, vì xét theo mấy âm thanh đầu tiên, khi còn độc xướng, Hoàng khó mà tự dối lòng rằng đó là một giọng hát hay. Tuyết Khanh! Cái tên đẹp thế, mà giọng lại không làm mê được Hoàng ngay từ đầu, hận chưa! Hai chữ “giọng ngọc” chỉ là đặt theo đúng phép lịch sự...

\*

Thế mà – ai học đến chữ ngờ! – con mê đã bắt đầu chiếm đoạt Hoàng trọn vẹn, cách hai tuần sau, để kéo dài mãi, đến giờ phút này cũng chưa hẳn nhòa tan đây.  
Khanh đã có bùa mê chẳng? Hay là hai câu thơ Hoàng vẫn quen miệng ngêu ngao:

*“Bán sinh phong cốt lãng tăng thậm  
Nhất phiến nhu hoài chỉ vị khanh”*

Đến bây giờ mới thật sự ứng nghiệm và cho thấy cái oai lực vô biên của một lời tiên tri.

Hình như có ai đã từng cảm, và đã từng dịch hai câu thơ cổ ghê gớm này thì phải... Hoàng nhớ mang máng rằng:

*“Nửa đời sương gió ngang tàng  
Trái tim mềm, chỉ vì nàng đầy thôi”.*

Dịch thế chưa khám phá, mặc dầu cũng gợi cảm ít nhiều! Phải để nguyên chữ “Khanh” kia, chứ sao lại chuyển thành chữ “nàng”? Sao không dịch:

*“Nửa đời sương gió ngang tàng lắm  
Mềm, chỉ vì Khanh, một trái tim...”?*

Ôi, chỉ vì Khanh, vì Khanh! Chắc chắn Khanh ngạc nhiên. Mà chính Hoàng đã ngạc nhiên trước hết. Ngạc nhiên gấp hai lần Khanh. Gấp bốn lần Hoàng Cầm. Và gấp cả trăm lần thiên hạ. Hãy bắt đầu từ chỗ bắt đầu: Tuần báo Thế sự? Chứ sao? Bởi lẽ, nếu không... thì đã chẳng...! Định mệnh đây! Trong “Thế sự” hàm chứa cả “Thiên cơ”.

Tuần báo này xuất hiện khoảng giữa năm 1946. Do một nhóm trí thức khoa bảng, đặc biệt ở chỗ khoa bảng mà “lêu têu”, trí thức mà “bất chấp”. Chủ nhiệm: Phá Quân, một trong mười vị cử nhân khoa học đầu tiên của Trường Đại học Khoa học Hà Nội. Cũng từng đeo lon Chuẩn úy trong quân đội Pháp một thời gian, với mục đích nghiên cứu cho ra cái phương thế tổng hợp chiến thuật Âu Tây và binh thư Tôn Võ Tử, Trần Hưng Đạo. Bạn đồng khoa cùng Phá Quân – giáo sư họ Khúc – đóng vai quản lý. Bằng cấp đầy mình!

Riêng chủ bút – Hoàng – thì không kể!

Báo quán đặt ngay tại gia, một căn nhà miệt chợ Hôm vừa mới thuê được, do Vinh Lương Sơn – hõn danh Chủ trại – điều đình giá cả và chạy tiền trả từng tháng. Cũng như sẽ chạy tiền trả từng số báo cho nhà in.

Hoàng được triệu từ Nam Định lên. Viết phiếm luận. Viết truyện ngắn. Viết cả kịch. Và dĩ nhiên có bài thơ nào sẵn trong túi thì đem ra đăng. Chủ bút mà! Ký linh tinh nhiều bút hiệu: Hoàng Say, Bạch Vương, v.v.

Một hôm lêu têu thế nào lại ghé thăm ông bạn Hoàng Tích Chù ở ngõ Hàng Dừa, nhà riêng của ông ấy, mà cũng là nơi trú ngụ của toàn thể Ban Kịch Đông Phương.

Khanh ở Hải Phòng lên, gia nhập ban kịch từ một tháng trước, cũng đóng đô ở đó luôn. Và hình như sau chuyến lưu diễn Thái Bình, mọi người đang sửa soạn tập vở Kiều Loan của thi sĩ Hoàng Cầm thì phải.

Họa sĩ Chù nói chuyện vui lắm. Khanh góp chuyện càng vui. Nhất

là chuyện đất Cảng nơi đã có nhiều duyên nợ với Hoàng, với Khanh.

Thế rồi... lần sau. Lần sau nữa... Tình mỗi ngày mỗi thân. Để rồi... Giữa một giây phút bất ngờ nào đó, giọng nói của Khanh trầm hẳn xuống, nghe xa vắng lạ loài:

“Hoàng giúp Khanh một việc nhé!”

“Thật ư”.

“Đừng để Khanh thất vọng, thì Khanh mới nói”.

“Thất vọng sao được, Khanh!”

“Hoàng giúp Khanh một lối sống... như lối sống của Hoàng bấy lâu nay”.

“Khanh đã nghĩ kỹ rồi chứ?”

“Vâng, Khanh muốn được như Hoàng”.

“Nghĩa là...”

“Sống thản nhiên, tự tin vào thơ của mình. Bất chấp mọi khó khăn, mọi nguy hiểm, mọi oan trái”.

Nghe đến hai âm hưởng sau cùng này, Hoàng bỗng tắt ngang nụ cười, rồi nhìn thẳng vào cặp mắt Khanh. Ôi, lúc đó sao mà Khanh đẹp thế được! Khác hẳn khi cùng ngồi ở chùa Keo – lần sơ ngộ – và cả những lần trước, khi cùng ngồi ở đây – trụ sở Ban Kịch Đông Phương, ngõ Hàng Dừa.

Giọng nói cũng khác hẳn, trong suốt như một tấm lòng bỏ ngõ.

Không gợn chút thế tình nào. Còn hơn cả “giọng ngọc”.

Khanh còn nói nữa. Nói dài nữa. Nhưng Hoàng chỉ nghe như nghe một bản đàn trầm bổng thấm vào da thịt, vào tâm hồn. Thế thôi.

Chứ còn Khanh muốn nói gì, Hoàng chẳng cần phải lắng xuống ngôn ngữ trần gian, cũng đã hiểu trọn vẹn. Hiểu như một tín đồ hiểu Lễ Đạo. Như một thi sĩ hiểu Nàng Thơ.

Và Hoàng xúc động. Hoàng xót thương. Hoàng thấy hiện ra, trong khoảnh khắc, toàn thể cuộc đời Khanh. Cả dĩ vãng, cả tương lai.

Nhất là tương lai!... Tất nhiên, Hoàng phải giúp Khanh chứ!

“Hoàng đã tự cứu Hoàng. Sao Hoàng không dạy cho Khanh tự cứu lấy Khanh? Truyền lại cho Khanh cái “hồn Thơ” ấy đi, Hoàng ơi!”

Câu nói này, ví như lọt vào tai người khác – kể cả thi sĩ tác giả Kiều Loan – hoặc đem ra nói với người khác – một thi sĩ khác –

hắn là bị hiểu lầm đến tai hại. Nhưng Hoàng không làm. Khanh cũng biết Hoàng sẽ không làm. Biết rõ thế nên mới dám trao gửi. Thật vậy, Khanh đâu muốn học làm thơ để rồi có thơ đăng báo, in thành tập, và... nổi tiếng như ai. Cũng không muốn học để rồi sáng tác kịch thơ, trở thành kịch sĩ với cái ý nghĩa đầy đủ của danh xưng này.

Không! Vì nếu muốn thế, Khanh đã đủ sức từ lâu. Cần chi phải đến Hoàng giúp. Chứng cứ là Khanh vừa trao tay Hoàng một bài thơ, vần điệu chỉnh tề, diễn đạt có nghệ thuật lắm.

Lời Thơ, ý Thơ... Khanh sẵn cả rồi. Chỉ muốn được thăm đạm cái “hồn Thơ” của chính Hoàng – Hoàng chứ không thể ai khác! Chuyện khó tin còn hơn cả chuyện Liêu trai. Nhưng Hoàng tin, hãnh diện mà tin. Vì một lẽ giản dị không tin cũng không được. Hoàng đã bắt đầu “mê”. Và lần thứ nhất “mê” theo kiểu đó!

Khanh bảo rằng chỉ có Thơ mới là chỗ nương tựa vững vàng nhất, để đối phó với những phong ba trước mặt, sấm sét trên đầu, và băng hoại dưới chân cũng như muôn nghìn cám dỗ trái ngược ở hai bên tả hữu. Hoàng nghĩ: Khanh nói đúng. Một cuộc đời “hồng nhan bạc mệnh” đã dành cho Khanh; chôi bỏ nó, chạy trốn nó... đều không được. Khanh phải chấp nhận đau khổ, gặp nghịch cảnh thì “dĩ bất biến ứng vạn biến”, thân dầu bùn bụi nhưng tâm vẫn còn nguyên. Và để được vậy, Khanh phải lấy Thơ làm Đạo. Có ngộ Đạo mới có duyên tiếp nhận “hồn Thơ”. Hoàng hiểu lắm, Khanh ạ. Tuy nhiên, dạy cho Khanh sáng tác được tiến bộ, tương đối còn dễ. Truyền cho Khanh cái hồn Thơ của Hoàng, thật khó vô cùng! Trước tiên phải coi nhẹ hết mọi thành kiến, dư luận, mọi hậu quả, bất cứ hậu quả này ra sao.

Thế là từ buổi đó, Hoàng không bỏ một cơ hội nào gần Khanh. Ban Kịch Đông Phương bỗng dung được một người hợp tác chặt chẽ. Rồi họa sĩ Chù bàn dựng vở Cô gái ma của Hoàng. Sẽ bắt đầu tập ngay, vì ban kịch phải dự bị sẵn nhiều vở khác nhau; chứ đâu lẽ vở nào cũng nhuộm đầy sắc thái chính trị như vở Lên đường, vở Kiều Loan. Mặc dầu “kịch chính trị” đang ăn khách.

Hoàng đồng ý, với điều kiện: ban kịch trao toàn quyền việc lựa chọn dẫn dắt các diễn viên trong vở ấy cho Hoàng và Khanh.

Thật ra, Khanh còn đang bàn tập vai Kiều Loan, Hoàng cũng đang bận viết bài cho báo Thể sự, chẳng ai muốn mua dây tự buộc mình. Chỉ cốt hợp thức hóa mối liên hệ của Hoàng và Khanh thôi. Để đừng ai phá đám. Thí dụ nhà thơ Hoàng Cầm.

Vậy mà hôm tập thử màn đầu vở Cô gái ma cũng để lại biết bao kỷ niệm đẹp.

Thời gian: rằm tháng Tám, trăng vừa lên cao. Không gian: vườn hoa của họa sĩ Nguyễn Tiến Chung. Một vườn hoa khá rộng nửa thân mật, nửa hoang liêu; bóng cây tung hoành, đường lối mê hoặc, chỗ thì “lung linh tiếng sỏi”, chỗ thì cỏ ngậm sương khuya, chỗ thì bỗng nhiên mất tích trong hương, màu, hoa, lá. Y như nẻo vào Thiên thai. Ở vùng Láng, có nhiều trang trại đẹp xinh, nhưng nơi này, Hoàng thấy gọi cảm hơn hết. Năm gian nhà tranh phẳng phất thảo lư của Gia Cát Lượng đòi Tam quốc; khu vườn thì chập chờn cái không khí yêu quái nên thơ của trại Bồ Tùng Linh.

Hoàng đã bỏ Âu phục ngay từ 1944; nên khỏi phải hóa trang cũng giống hệt vai Lương Sinh trong vở kịch: áo dài bằng vóc, màu xanh rêu ngả sang cảm thạch, quần lụa Bộ La nguyên sắc vàng lợt nhưng dưới ánh trăng thu đã biến ra màu trắng-ngà-biếc-ngọc-phân-vân. Cả đến cặp vắn hài dưới gót, Hoàng cũng mang sẵn rồi. Chỉ cần gỡ chiếc khăn xếp trên đầu xuống để thay vào bằng mấy vòng khăn quần nhiều Tam giang nữa là xong.

Về phần Khanh và Kiều Liên, bạn gái của Khanh ở Hải Phòng theo lên hôm trước, thì... hoa cài tóc, men thơ men kịch tỏa ra từ môi, từ má, từ vạt áo, từ bước chân; còn phải hóa trang gì nữa! Nghiễm nhiên đã là Anh Nương và Hồng Nhi trong đêm hội Hoa đăng của kịch rồi.

Tiếng ngâm cất lên, tiếp đó giọng cười giọng nói vang ra, như hư như thực. Ánh nguyệt rung theo, bóng cây nghiêng theo, các bạn ngồi chung quanh thềm dõi theo... từng câu thơ, từng cử chỉ, từng nét mặt; Hoàng với Khanh nhìn nhau, lăm lăm cùng chung một ý nghĩ: còn là kịch nữa không đây?...

Liên và Khanh hiện thân Anh Nương, Hồng Nhi; Hoàng chuyển kiếp Gã thư sinh thế kỷ trước. Và các bạn ngồi kia - Hoàng Cầm, Trương Đình Thi, họa sĩ Chung, họa sĩ Chù, v.v. - chính là bọn

người đi xem hội Hoa đăng ở bãi Phương Thảo đó Khanh! Sao lại không nhỉ!

Đêm này chẳng một ai nhắm mắt được. Vừa ngả lưng xuống đã sáng lúc nào. Kể cả ông Đoàn nữa; nhắm rượu với bánh nướng Đông Hưng Viên say là thế rồi!

Ông Đoàn? Ồ, suýt thì quên! Ông Đoàn – lúc ấy đã là người của Quốc hội nhưng lêu têu vẫn lêu têu – mắc vào Hoàng từ chiều hôm qua ở quán Nghệ Sĩ rồi cứ theo riết, để... xem tập kịch! Lạ chưa? Mặc dầu Ban Kịch Đông Phương có ý ngại, nhưng cũng may, chuyển này ông ta không phá đám ai. Còn lịch sự ở chỗ ngay chiều hôm sau trình trọng mời bộ ba Hoàng, Khanh, Liên đi chạm cốc ở nhà Thủy Tạ. Rồi Hoàng lại kéo luôn cả bọn lên Đông Hưng Viên. Có ông Đoàn cũng tiện; vì ông ấy tiếp chuyện Kiều Liên giùm, Hoàng đỡ bận.

Cho nên mới có thời giờ nói với Khanh về mấy bài thơ Khanh trao từ tuần trước. Khanh đã dùng thể Ngũ ngôn phân đoạn và thể Lục bát. Hoàng bảo: Khanh thử viết một bài Lục ngôn xem. Và, ra ngồi riêng bàn khác với Khanh, Hoàng đọc luôn mấy câu vừa nghĩ được khi còn ngồi uống rượu bên hồ Hoàn Kiếm:

*Em ạ, cô Hằng chấp cánh  
Vừa lên trong khói sương chiều.  
Có phải mưa sâu đã tạnh  
Cho ta đời chớm Hương Yêu.  
Tình Thơ nồng thắm bao nhiêu!  
Sách cũ Hội chân nào chép...  
Mình hoa nghiêng sóng lòng xiêu;  
Đào suối Thiên Thai chẳng đẹp.  
E lệ màu phai bóng nép  
Cuộc chơi đêm ấy cung ngà,  
Bảy sắc nghệ thường mở khép  
Nghìn thu ghen xuống đôi ta.  
Hò chiều nghi ngút yên ba  
Nguyệt quạnh mây vẫn le lói.  
Mê đàn, liễu ngủ bờ xa,*

*Một tiếng chim hồng vắng gọi [4] ...*

Bài thơ mới nghĩ được đến đây. Nhưng Hoàng ngồi ngắm cặp hoa tai màu đỏ chót của Khanh – vừa mới mua ở Hàng Đào xong, và do chính Hoàng tặng – Hoàng đã nảy ra được ý để kết thúc bài thơ rồi. Dầu sao cũng hãy thương trăng đã chứ!

Trăng Mười Sáu còn đẹp hơn cả trăng Rằm. Từ chín giờ tối, nhà hàng Đông Hưng Viên đã vắng hẵn khách. Ông Đoàn và Liên rủ nhau đi đâu không biết. Chỉ còn Khanh với Hoàng ra đứng bên cửa sổ kê vai ngắm trăng. Nghe quanh: lầu rộng gác cao, sương khói như tràn vào mỗi lúc một thêm lạnh. Khó mà tin được rằng đây là một tửu quán giữa phố Hàng Buồm. Giá thử con phố này căng “buồm” lao thẳng ra sông Nhị, ra biển Đông, Hoàng thấy còn có lý một chút!...

*Sương thu ngủ trắng ngọc liên thành  
Phượng nở đêm nào cặp má Khanh,  
Hội thắm đèn hoa, mây hợp bạn  
Kê vai cùng đẹp áo trắng xanh [5] ...*

Bốn câu thơ này đột ngột hiện ra; Hoàng chưa kịp ngâm lên cho Khanh nghe thì ông Đoàn với cô Liên đã riu rít trở về, gót giày khua rộn cả thang gác.

Thế là phải một tháng sau, Hoàng nằm một mình ở gác Ông tỉnh Nam mới hoàn tất được cả hai bài để trao cho Khanh bằng đường lối bưu điện. Bài thơ sáu chữ có nhan đề Đêm vàng Thủy Tạ, mãi mười sáu năm sau mới được lựa in vào tập Trời một phương. Bài thơ bảy chữ, may mắn hơn được góp mặt trong tập Hoa Đăng ấn hành từ 1959 với nhan đề Thu có Nguyệt.

Nhưng chỉ nằm gác Ông được một tuần là đã nóng ruột lắm rồi. Có lần lên tới Hà Nội, được tin Khanh ở Cảng chưa vào, Hoàng phóng ngay xuống Cảng. Lại có lần vừa lên tới nơi, được tin Khanh đã cùng toàn ban sang thăm quê hương của họa sĩ Chù - xã Phù Lưu, phủ Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh - thế là Hoàng lấy ngay xe Phong hỏa đăng trình, chỉ một giờ sau là bắt gặp.

*Nhớ gì không, một đêm Thơ,  
Làng Phù Lưu ngủ như tờ dưới trăng.  
Thi nhân gửi ý cô Hằng  
Bóng đa lồng bóng tre đàng... lung lay [6] .*

Khăng khít như vậy mà rồi sau đêm mười chín tháng Mười hai dương lịch, Khanh và Hoàng khởi sự lạc nhau. Lạc thôi, chứ chưa mất.

Hoàng trên bước tản cư phiêu lưu tới phủ Xuân Trường, lòng nhớ Khanh càng nổi dậy.

Chẳng biết con người bạc mệnh kia đã phải trải qua những nhịp cầu đoạn trường nào thêm? Hiện nay ở đâu: Hưng Yên, Phủ Lạng Thương hay Bắc Kạn?...

*Khanh của Hoàng ơi, lửa bốn phương  
Khói lên ngùn ngụt chén tha hương,  
Nghe vang sóng rượu niềm ly tán  
Chạnh xót nôi thơ buổi nhiều hương  
Biết có đêm nào trăng Thủy Tạ?  
Ngâm cùng ai nữa kịch Anh Nương!...*

Bài thơ dài dằng dặc này, dài tới mười đoạn liên hoàn (xem phần Phụ lục).

*Khói ngút ba canh hồn bướm lẩn  
Tơ chia mười mối ruột tằm vương [7] ...*

đã được đăng tải trên báo, như một tiếng gọi lớn vang dội từ trung châu tới thượng du.

Quả nhiên chỉ ba tháng sau, mùa thu “Nhớ cố nhân” chưa kịp tàn, thì cố nhân đã gót sen kịp nở...

Lúc đó, Hoàng đã chuyển từ phủ Xuân Trường sang phủ Thái Ninh, nghĩa là phải vượt qua sông Nhị; nơi đóng hành đô mới là xã Cổ Khúc – thường gọi làng Khuốc – chỉ cách Đống Năm chừng

bảy cây số ngàn.

Một đêm trăng, Thứ lang dẫn Khanh từ Đống Năm vào, cùng với Kiều Liên. Mới tạm xa nhau chưa đến hai mươi tháng mà khi tái ngộ nhìn nhau cứ ngỡ ngáo như trong mộng ấy thôi!

*Khanh đã về trong lửa Túy hương  
Khóe thu lộng gió tóc cài sương.  
Màu nhung vai áo càng mơn mớn  
Gợn ánh hồng lên cặp má thương...  
Hỡi ơi! Từng sợi nguyệt mong manh  
Nhịp bước hài thêu kẻ dạ hành  
Đã khiến ta ngờ trong giấc mộng  
Trầm bay nhạc tỏa gót Thôi Oanh [8] ...*

Chỉ thoáng bắt gặp vẻ sầu u hoài trong cặp mắt Khanh, Hoàng cũng đoán được những gì đã xảy ra rồi.

Hoàng liền trách:

“Khanh quên hết những lời Hoàng dặn rồi sao? Không một chuyện gì làm tuyệt vọng nổi một tâm hồn yêu Thơ đích thực! Chuyện gì cũng chỉ là “việc đời”, tức là bọt khói, là hư vô!”

“Hoàng cứ yên tâm, Khanh nhớ lời Hoàng chứ! Nên đọc bài “Nhớ cố nhân” trên mặt báo, Khanh vội tìm đến gặp Hoàng ngay”.

Và Khanh trao cho Hoàng một bài thơ vừa sáng tác trên quãng đường bảy cây số dưới ánh trăng tà: Bài thơ có nhan đề: Gửi gắm.

*Từ mùa trăng khép cánh mây  
Nức nở chiều hoa đồng vọng  
Chơi vơi lửa thấp lòng tay  
Con én trôi vào ảo mộng.  
Muôn nẻo hương trời cao rộng  
Mùa xanh giục ý tưng bừng  
E ấp lòng tơ tưởng bóng  
Đài gương sáng tỏ một vùng.  
Không gian bắt gió mơ chừng  
Chắt lệ pha màu diễm tuyệt*

*Miên man tìm nẻo hoa dung  
Hồn ngự trên tàu băng tuyết.  
Vàng vạc đêm say dọn nguyệt  
Êm đềm trái lựu mờ sương  
Run rẩy hoa nghiêng sóng biếc  
Nhạc vàng lay động dư hương.*

Đôi chiếu bài thơ này với hàng chục bài Khanh làm trong khoảng 1946, tuy thời gian ngắn cách chẳng là bao mà Hoàng thấy sâu đậm chừng như Khanh đã được phần lớn hồn Thơ của Hoàng? Nghĩ đến đây, bất giác Hoàng mừng rỡ, cầm tay Khanh, nói nhỏ: “Không bao lâu nữa, Khanh sẽ hết như Hoàng cho coi!...” Ít ngày sau, nhà xuất bản Minh Đức của Trần Thiếu Bảo có tổ chức một đại hội Văn nghệ ngay tại Khuốc. Khách tham dự rất đông. Nguyễn Mạnh Tường được mời từ Trung ương xuống thuyết trình về tiểu thuyết. Hoàng quên không nhớ rõ ai thuyết trình về thơ; Nguyễn Đình Thi, Anh Thơ, hay Xuân Diệu? Đêm bế mạc vở Vân Muội, nhưng chỉ màn đầu thôi. Khanh đóng vai Vân Muội. Và như thế, Khanh đã là người thứ nhất thay cho Hoài Điệp Thứ lang khỏi phải tu-mi-đội-lốt-quần-thoa nữa. Khanh thuộc vở còn hơn Thứ lang. Hơn cả Hoàng. Do đó màn kịch đã “sống” thật sự. Mặc dầu phương tiện sân khấu rất sơ sài. Lại chẳng có ai đạo diễn cả.

*“Em nhớ anh! Và mưa gió sục sùi  
Càng kêu gọi đêm nay tình khắc khoải,  
Càng giục giã tấm lòng em điên dại,  
Càng như xui em liêu bước tìm anh”.*

trước đây do Thứ lang nói và ngâm, Hoàng chỉ xúc động một phần. Nay do miệng Khanh thốt ra, Hoàng xúc động tới điểm tột cùng, từng tiếng từng lời nghe như “sục sùi gió mưa” thật. Nghe như lòng ai “điên dại” thật. Và suýt nữa Hoàng quên không ngâm tiếp, như vai Hoàng Lan phải ngâm:

*“Nghìn thu qua chưa dứt mối u tình!”.*

cho Khanh – vai Vân Muội còn vội vã cướp lời:

*“Để em nói!... Trời mưa hoài, anh ạ!  
Gió vi vút đường trơn đầy xác lá”*

V.V.

Trưa hôm sau, nhân buổi tiệc trà tiễn đưa mấy thân hữu ra về đợt chót, vị Giám đốc nhà xuất bản yêu cầu ngâm sáng tác mới. Xuân Diệu, Nguyễn Đình Thi, Anh Thơ đều lần lượt trèo lên bục cao để lấy giọng cho... cao vút mây trời. Đến lượt Hoàng, từ chối không được, đành cũng đăng đàn. Nhưng chỉ giới thiệu bài thơ của mình để Khanh ngâm thay mình thôi. Đó là bài “Nhớ cố nhân” mà Hoàng biết Khanh thế nào cũng thuộc. Quả nhiên tám mươi câu thơ được trình tấu như mây trôi nước chảy, khiến mọi người phải kinh ngạc, nhất là cô Anh Thơ, lúc này đã ra về nữ cán bộ, khác hẳn khi ở Hà Đông hay khi ở Bắc Giang.

Qua năm 1949, Hoàng dời chỗ ở sang làng Duyên Tục (thường gọi làng Tuộc); rồi lại chuyển tới huyện Đông Quan (làng Trâu). Nhưng cách Đống Năm vẫn không xa. Và như vậy, Khanh vẫn gần Hoàng. Vì Khanh đã ly khai hẳn với Ban Kịch Đông Phương, không theo họ đi lang thang lưu diễn vùng Bắc nữa, mà về ở Thái Bình, sống đơn chiếc như một ẩn sĩ thời loạn.

Mỗi lần Khanh tới thăm Hoàng, tất có sáng tác mới để cùng đọc cùng ngâm. Và mỗi lần chia tay, Hoàng lại tiễn đưa Khanh một quãng đường ngắn nhất cũng phải ba cây số. Mỗi chân thì cùng ngồi xuống bờ đê hay góc ruộng. Cảm hứng của Khanh và của Hoàng lúc này chẳng còn ranh giới nào phân biệt nữa. Hoàng viết bài Hương lúa, mở lên bằng những câu:

Hơi may san sát  
Lúa đã vàng bông  
Tiếng cười thơm ngát  
Vang trên cánh đồng.

Bốn phương khúc nhạc Thành công  
Nổi lên giòn giã.  
Hoa sườn non, cỏ bờ sông  
Quê mình tàn tạ [9] ...

Thì Khanh cũng bắt đầu nghĩ bài thơ Bông lúa, với những câu:

Đường mòn quanh nội cỏ  
Nắng hút rẻo chân đê  
Hương lên mùa lúa chín  
Mây lành vương gió quê.  
Hôm xưa lúa mới ra về  
Sớm nay lúa đã vàng hoe cánh đồng...

\*

Chớp mắt, lại một cuộc đổi thay. Đầu năm 1950, Hoàng trở về Hà Nội, giữa khi súng đạn tràn tới Liên khu ba. Đống Năm bị phá nát; chẳng hiểu Khanh trôi giạt nơi nào!

Khoảng tháng Sáu dương lịch, Hoàng cho đăng vào giai phẩm Lửa lựu một bài thơ của Hoàng nhan đề Nỗi buồn sông núi song song với bài thơ Gửi gắm của Khanh.

Tiếng gọi bạn lần này cũng có kết quả tức khắc. Hồi âm từ Hải cảng vọng lên. Hoàng với Khanh thật đã như hình với bóng!

Mỗi lần Hoàng cho công diễn một vở kịch – kịch thơ dĩ nhiên! – Khanh lại từ Hải Phòng lên đóng vai... khán giả.

Năm 1952, Ban Kịch Sông Hồng diễn vở Thăng Cuội, Hoàng đã nảy ra cái ý mời Khanh thủ vai Hằng Nga. Nhưng khi gặp Khanh ở Cảng, Khanh giữ Hoàng lại mấy buổi, ngao du phố phường; rồi cười mà bảo rằng:

“Thôi, Hoàng ạ! Hoàng có nói dối ai bao giờ đâu mà đóng Thăng Cuội được! Khanh thì nửa đời tuyết băng làm cát bụi, luôn luôn phải đối phó với từng nhịp đoạn trường; Khanh đóng vai Hằng Nga, e càng rước lấy khổ tâm và không khéo sẽ tuyết vọng mất.

Chúng ta cùng ngồi xem kịch nghe thơ có hơn không!”.  
Hoàng chiều ý Khanh. Nhưng, đêm kịch ấy Hoàng cảm thấy buồn vô hạn. Và từ đó Hoàng với Khanh chẳng còn sánh vai nhau trong ảo mộng sân khấu một lần nào nữa. Hoàng cũng chẳng còn đủ hào hứng để viết thêm một vở kịch thơ nào. mặc dầu, những đêm trăng – trăng Hà đô hay trăng Sài đô không phát triển – Hoàng vẫn nghe văng vẳng từ đáy sâu tiềm thức tiếng ai ngâm:

Có ai nặng tấm lòng xuân  
Từ khi cỗi Tục xa dần cỗi Tiên?  
Có ai lòng nặng thiên duyên  
Từ khi bụi xóa đường lên Non Bồng?  
Có ai tình cũ nặng lòng  
Từ khi suối thẳm ghen giòng Thiên thai?

\*

Mười lăm năm sau (1967), một hôm Thục Oanh, vẽ bí mật, giờ lên trước mắt Hoàng một trang giấy màu xanh, nửa tươi ánh Mộng, nửa úa hương Thời gian...

“Nét chữ Tuyết Khanh?”

“Đúng!”

“Từ đâu tới vậy?”

“Từ trong cái rương Dĩ vãng của anh chứ còn từ đâu! Em vừa lục thấy”.

“Coi nào! Một bài thơ của Khanh?... Nhưng, vô lý quá! Anh thuộc hết thơ của Khanh. Làm gì có bài này!”

“Thế mới bí mật chứ! Hay là từ giấc chiêm bao của anh rơi ra?...”

Sợ nét chữ đột nhiên biến mất, Hoàng vội đọc liên tiếp ba lần cho khắc sâu vào ký ức. Bài thơ chỉ ngắn có tám câu:

Tơ nào chẳng vện, kịch nào duyên?  
Cuộc thế từ khi dậy đảo điên...  
Nửa giấc mơ hoa còn ảnh hiện

Một phen kỳ ngộ đẹp hương nguyên.  
Phong ba nổi sóng Hà Yên  
Khuất vùng trắng bạc trước hiên lầu Tàn.  
Ngõ ngang vẫn nét chân thân  
Cổ đô hồn mộng như gần như xa.

Phụ lục 1

(Trích thi tập Hoa Đăng)

Trả ta sông núi  
Trả bốn nghìn năm dựng nước nhà  
Sông khoe hùng dũng núi nguy nga  
“Trả ta sông núi!” bao người trước  
Gào thét đòi cho bọn chúng ta...  
“Trả ta sông núi!” từng trang sử  
Dân tộc còn nghe vọng thiết tha.  
Ngược vết thời gian, cùng nhấn nhủ:  
“Không đòi, ai trả núi sông ta!”...  
Cờ báo phục, Hai Bà khởi nghĩa  
Đuổi quân thù xưng đế một phương.  
Long Biên sấm dậy sa trường  
Ba thu xã tắc miếu đường uy nghi.  
Xót nỗi giống quân chi bò liễu  
Giòng Cấm Khê còn réo tình anh.  
Một phen sông núi tranh giành  
Má hồng ghi dấu sử xanh đời đời.  
Bể dâu mấy cuộc đời đời  
Lòng trăm họ vẫn dầu sôi bùng bùng.  
Mai Hắc Đế, Phùng Hưng Bớ Cái  
Liều thế cô giăng lại biên cương.  
Đầu voi Lệ Hải Bà Vương  
Dù khi chiến tử vẫn gương anh hào.  
Tinh thần độc lập nêu cao  
Sài lang kia, núi sông nào của người?  
Núi sông ấy của người dân Việt  
Chống Bắc phương từng quyết thư hùng

Ngô Quyền đại phá Lưu Cung  
Bạch Đằng Giang nổi muôn trùng sóng reo  
Hồn TỰ chủ về theo lửa đuốc  
Chữ THIÊN thư: "Nam quốc sơn hà..."  
Phá tan nghịch lỗ không tha  
Tướng quân Thường Kiệt gan già mấy mươi,  
Gươm chiến thắng trở vùi Đông Bắc  
Hịch vãi nêu tội giặc tham tàn  
Dựng nhân nghĩa, với lâm than  
Danh thơm ải ngoại sấm ran biên thùy.  
Khí thiêng lò chổi tư bề,  
Phường đô hộ có gai ghê ít nhiều?...  
Cửa Hàm Tử vắng teo vết cáo  
Bến Chương Dương cướp giáo quân thù.  
Trận Đà Mạc dấu răng thua  
"Làm Nam quỷ chẳng làm vua Bắc đình"  
Chém kiêu tướng, đồn binh Tây Kết  
Triều Phú Lương găm thét giang tân  
"Phá cường địch, báo hoàng ân"  
Trẻ thơ giòng máu họ Trần cũng sôi.  
Kìa trận đánh bèo trôi sóng dập  
Sông Bạch Đằng thây lấp xương khô!  
Những ai qua lại bây giờ  
Nghe hơi gió thoảng còn ngờ quân reo.  
Hịch Vạn Kiếp lời khêu tướng sĩ  
Hội Diên Hồng quyết nghị toàn dân.  
Khuông phù một dạ ân cần  
Vó thiêng ngựa đá hai lần bùn dầy...  
Sơn hà mấy độ lung lay  
Máu bao chiến sĩ nhuộm say màu cờ.  
Cảm ý núi ngời mơ độc lập  
Thuận tình sông trôi gấp tự do,  
Ấy ai đầu dựng cơ đồ  
Gấm thêu lời chiếu Bình Ngô thưở nào?  
Con nguy khôn ra vào sinh tử

Thân nằm gai lòng giữ sắt son.  
Linh sơn lương chứa hao mòn  
Quân tan Côi huyện chẳng còn mảy may  
Chén rượu ngọt cùng say thắm thía  
Tình cha con mà nghĩa vua tôi.  
Thuận dân là hợp ý trời  
Sử xanh chót vót công người Lam Sơn.  
Quốc dân chung một mối hờn  
Cần câu đánh giặc mà hơn giáo dài!...  
Chống ngoại địch gươm mài quyết chiến  
Voi Quang Trung thẳng tiến Kinh kỳ,  
Phá Thanh binh, trận Thanh Trì  
Sông Hồng khoảnh khắc lâm ly máu hồng.  
Núi dậy sấm cho sông lòe chớp  
Cờ Tây Sơn bay rợp Bắc Hà.  
Xác thù xây ngất Đống Đa  
Bụi trường chinh hãy còn pha chiến bào.  
Tinh thần độc lập nêu cao  
Sài lang kia, núi sông nào của người?...  
Cường quyền vẫn muôn đời cưỡng áp  
Dưới bàn tay giặc Pháp càng đau.  
Chúa tôi rõ lệ cùng nhau  
Khua chiêng hải ngoại, rừng sâu kéo cờ.  
Dạ Càn Vương trợ trợ thiết thạch  
Kẻ văn thân hiệp khách cùng chung;  
Hoàng Hoa Thám, Phan Đình Phùng  
Khởi reo Thanh Nghệ, lửa bùng Thái Nguyên.  
Hợp Nghĩa Thực kết liên đồng chí  
Xuất dương tìm tri kỷ Đông đô,  
Phan Sào Nam, Phan Tây Hồ  
Long đong bốn bể mưu đồ cứu dân.  
Vận nước chữa hết tuần bĩ cực  
Sức người khôn đo sức sông xanh,  
Mỗi phen gắng gỏi tung hoành  
Thương ôi, sự nghiệp tan tành mỗi phen!...

Nguyễn Thái Học gan bền chí cả  
Hợp đồng bang gióng giả nên đoàn,  
Rừng xanh bụi đỏ gian nan  
Mong đem nhiệt huyết dội tan cường quyền,  
Tổ chức việc tuyên truyền, ám sát  
Khắp nơi nơi từng hạt từng châu,  
Xiết bao hy vọng buổi đầu  
Một đêm Yên Bái ngờ đâu tan tành!...  
Ôi, Việt sử là Tranh đấu sử!  
Trước đến sau cầm cự nào ngơi.  
Tinh thần Độc lập sáng ngời  
Bao người ngã, lại bao người đứng lên.  
Ngày nay muốn sông bền núi vững  
Phải làm sao cho xứng người xưa.  
Yêu nòi giống, hiểu thời cơ  
Bốn phương một ý phụng thờ Giang sơn.  
Đừng lo yếu, hãy chung hờn  
Cần câu đánh giặc từng hơn giáo dài!  
“Trả núi sông ta!” lời dĩ vãng  
Thiên thu còn vọng đến tương lai.  
“Trả ta sông núi!” câu hùng tráng  
Là súng là gươm giữ đất đai...  
Trông lên cao ngất phương trời  
Hồn thiêng liệt sĩ bừng tươi sắc cờ.

## Phụ lục 2

Đêm vàng Thủy Tạ  
Em ạ, cô Hằng chấp cánh  
Vừa lên trong khói sương chiều.  
Có phải mưa sầu đã tạnh  
Cho ta đời chớm hương yêu?  
Tình thơ nồng thắm bao nhiêu,  
Sách cũ Hội chân nào chép!  
Mình hoa nghiêng, sóng lòng xiêu,  
Đào suối Thiên thai chẳng đẹp...

E lệ màu phai bóng nép  
Cuộc chơi đêm ấy Cung ngà,  
Bảy sắc nghệ thường mở khép  
Nghìn thu ghen xuống đôi ta.  
Hồ chiều nghi ngút yên ba  
Nguyệt quạnh mây vờn le lói,  
Mê đàn, liễu ngủ bờ xa  
Một tiếng chim hồng vắng gọi.  
Ba mươi mấy năm mòn mỏi  
Gặp nhau tình bỗng trầm hương,  
Anh muốn quỳ bên gặng hỏi:  
Có yêu cùng gã phong sương?  
Ngang tàng nửa kiếp văn chương  
Lòng chỉ vì Khanh mềm đó!  
Sen vàng xỏa lưới tơ vương  
Giám cánh hồn si bé nhỏ.  
Mưa tạnh, vàng trăng đã ló  
Mai rày chói lọi đêm đêm.  
Xứ xứ hoa thâm bão gió:  
Vì Khanh một trái tim mềm.  
Ta còn gặng hỏi gì thêm!  
Chiều ấy đôi lòng đã ngát.  
Trời ơi, nhịp thở êm đêm  
Hương ấm qua vai ngào ngát.  
Cối Tục vàng tan ngọc nát,  
Tình Thơ càng sống càng mê.  
Hồn nhập loài kim đỏ hạt  
Bên tai em, nhắc câu thề.  
Trăm luân nhắc mãi câu thề:  
Nửa đời bay bướm chưa hề mềm gan.  
Vì Khanh cho giấc mơ tàn  
Lại bừng tươi ở thế gian một chiều.

### ***Phụ lục 3***

*(Trích thi tập Rừng Phong)*

*Nhớ cố nhân*

*Khanh của Hoàng ơ, lửa bốn phương  
Khói lên ngùn ngụt chén tha hương  
Nghe vang sóng rượu niềm ly tán  
Chạnh xót nôi Thơ buổi nhiều nhưong  
Biết có đêm nào trăng Thủy Tạ  
Ngâm cùng ai nữa kịch Anh Nương  
Dệt khôn thành mộng tơ tằm rồi  
Mây cách non Vu nhớ lạ thường.  
Mây cách non Vu nhớ lạ thường  
Chiêm bao lần quất bướm mê đường  
Tình si hận đã mảnh ngưng máu  
Người ngọc hoa chưa bóng gợn tường  
Mấy thuở còn thơm trang Dị sử  
Muôn đời vẫn đẹp gái Tây sương  
Cổ đô một buổi làm chinh chiến  
Vàng nguyệt chia hai vạn dặm trường.  
Vàng nguyệt chia hai vạn dặm trường  
Đêm sâu lữ quán tóc pha sương  
Xanh xanh cỏ ngút bao hàng lệ  
Bần bật hoa chim nửa phiến gương  
Liều biết loi thoi bờ rủ oán  
Sen vàng lững đững gót bay hương  
Chờ nhau chẳng gặp nhau trong mộng  
Vẳng tiếng gà lên chột nhớ thương.  
Vẳng tiếng gà lên chột nhớ thương  
Dòng châu hoen gối đắm canh trường  
Theo màu ngọc rỏ ghê máu huyết  
Đề chữ “tư” nằm lạnh chữ “tương”  
Cả một mùa say duyên nghệ thuật  
Nửa năm trời lỡ hẹn yêu đương  
Bèo đây hoa đấy dù trôi giạt  
Hai ngã quỳ tâm vẫn hướng dương.  
Hai ngã quỳ tâm vẫn hướng dương  
Kẻ đầu sông kẻ cuối sông Tương*

Kìa mây kia sóng lòng xa gửi  
Này Kịch này Thơ nợ trót vương  
Tiên dịch còn thơm lời kỳ chú  
Thần giao chẳng lẽ thuyết hoang đường  
Trang thơ đọc lại bài trao ý  
Vần dây men nồng nhạc chuyển hương.  
Vần dây men nồng nhạc chuyển hương  
Nét thon mềm gợi vóc băng sương  
Hôn nhòe cặp má hoa bên cửa  
Ghi hăng đôi tay nguyệt trước giường  
Tĩnh, bề bàng duyên, vò nát mộng  
Nằm, điên cuồng nhớ, đập tan gương  
Đêm nào, Khanh nhỉ! Tình ta mới  
Hà Nội đèn treo đỏ phố phường.  
Hà Nội đèn treo đỏ phố phường  
Sóng hồ trắng giải bập bênh sương  
Một trời thu ngủ men hoàng cúc  
Đôi bạn tình say mộng viễn phương  
Kìa ý đàn trao mười nẻo gió  
Đầy lòng hoa nở bốn mùa hương  
Ôi thôi, khoảnh khắc dâu thành bể  
Gươm báu Rùa thiêng cũng đoạn trường!  
Gươm báu Rùa thiêng cũng đoạn trường  
Nhớ nơi kỳ ngộ hứng thê lương  
Sao nằm quanh quẩn mờ sông Hán  
Sầu chát bao la hẹp điệu Đường  
Lòng nghệ sĩ mơ tình tuyệt mỹ  
Cây Hàm Dương cách khói Tiêu Tương  
Chia tay đằng đẳng năm già nửa  
Một trái tim mềm trĩu nhớ thương.  
Một trái tim mềm trĩu nhớ thương  
Ngờ đâu tan tác cảnh uyên ương  
Kiếp phiêu bồng ấy đời thi bá  
Nẻo định tình kia bụi chiến trường  
Sông thẳm non cai hồn Thục đế

Mây gây mưa quanh giấc Tương vương  
Ai đi chốn cũ, giùm ta nhắn  
Rằng kẻ vào Ngõ nhớ Lạc Dương.  
Rằng kẻ vào Ngõ nhớ Lạc Dương  
Lòng băng chẳng thẹn với đài gương  
Ngâm câu Chiết liễu còn sa lệ  
Ngược nẻo Tiên thân ước hỏi đường  
Khỏi ngút ba canh hồn bướm lẩn  
Tơ chia mười mối ruột tằm vương  
Đèn hoa chợt thắm môi hàm tiếu  
Khánh đã về trong lửa Túy hương?

**Chú thích:**

[1]Trọn bản dịch bài Trang tử Cổ bồn (của khuyết danh):

Trời đất vô tâm sinh ra “en” với “moa”

Moa không phải chồng en, en há là vợ a?

Bỗng nhiên rồi gặp gỡ

Cùng ở chung một nhà.

Kỳ hạn nay đã đến

Có hợp thì có xa...

En nhớ moa, thương cho moa ăn búa lớn

Moa thương en, khóc en bằng lời ca.

A ha! Đập mẹ chầu đi không gõ nữa!

Người nào là en? Ai là moa?

[2]Thơ Nguyễn Bính.

[3]Còn sáu đoạn nữa mới hết bài, nhưng trong tập Trời một phương chỉ in có ba đoạn thôi (xem Phụ lục).

[4]Còn bốn đoạn nữa.

[5]Đoạn thứ năm của bài Mộng vẫn còn (trích tập Hoa Đăng, 1959).

[6]Những câu đầu của bài Nhớ cố nhân (trích Rừng phong, 1954) và hai câu gần trót bài ấy.

[7]Còn mười một đoạn nữa. Bài Hợp tan (Rừng phong).

[8]Còn ba đoạn nữa (trích Rừng phong).

*[9]Trích bài Mộng dao đài (Hoa Đăng) – cũng là một đoạn trong  
kịch Thằng Cuội (chưa in).*

## Ta đã làm chi đời ta

### Bơ vơ

Vừa chân ướt chân ráo về đến Hà Nội đã có tiền tiêu rồi. Số Tử vi của Hoàng có ngôi Thiên Lộc hay sao ấy; để hôm nào tính lại coi!

Tiền thì không nhiều, đổi với thời giá; tám trăm bạc giữa thủ đô Hà Nội khoảng 1950-1951, nghĩa lý gì! Nhưng đổi với một kẻ vừa hồi cư thì giá trị lớn lắm!

Có tám trăm bạc là thuê được nhà rồi; và cũng sống tạm được rồi. Mặc dầu đến tháng sau lại phải lo tiền nhà, và cái chuyện sống tạm chỉ kéo dài được chừng bảy ngày là kịch liệt!

Đó là số tiền tác giả do Ban kịch Mai Lân trả cho Hoàng. Vở kịch thơ Vân Muội được ban kịch này đưa lên sân khấu Nhà hát Lớn khoảng một tháng trước; sau đó Hoàng hồi cư, vừa kịp để lãnh tiền; đổ thật! Năm 1944 đã một lần, đến nay lại một lần; vở kịch Vân Muội đóng vai trò “cứu nguy” đúng lúc quá đi thôi! Ban Thế Lữ, ban Mai Lân đều đáng cảm ơn cả.

... Thế rồi anh em tìm đến, và Hoàng đi tìm gặp anh em...

Trong số anh em làng văn, Ngọc Giao của Tiểu thuyết thứ bảy ngày xưa có vẻ nhiều thiện cảm với Hoàng nhất.

Nhà văn lãng mạn này vẫn còn viết văn lãng mạn, và có nhiều thể lực ở một vài nhà xuất bản lớn của Hà Nội 1950. Nhưng đồng thời anh cũng trở thành biên tập viên của Sở Thông tin Bắc Việt, nên đã vững lại càng vững hơn.

Thấy Hoàng đi giữa phố Hàng Đào mà nghênh ngang chiếc “ba-toong”, trên mình lại mặc một cái áo dài bằng vải ta nhuộm nước củ nâu; sư chẳng ra sư. Tây thuộc địa chẳng ra Tây thuộc địa, Ngọc Giao liền kéo phăng Hoàng về nhà, lấy ra một bộ quần áo Tây bằng “lên”, màu tím sẫm, có đủ cả “gi-lê”; rồi “sơ-mi”, “cờ-ra-vát”, khuy tay mạ vàng... Cũng lại đủ cả bút tất, giày “bốt can”. Và cả mũ “fót” nữa.

Ngọc Giao ngấm nghĩa Hoàng thay bộ cánh xong; gật gật cái đầu, có vẻ đắc ý lắm.

Thế là Hoàng ra đường, y hết một dân Hà Nội chính cống, chẳng còn chút màu sắc mùi vị tân cư nào bám vào người.

Ba hôm sau, Ngọc Giao lại tìm đến, reo lớn từ cầu thang, nơi căn gác Hoàng vừa thuê được trên con đường Quan Thánh, đối diện vườn hoa Hàng Đậu:

“Có tiền cho ông rồi!”.

Thì ra ông bạn quý của Hoàng đã mách nước cho nhà xuất bản Văn Hồng Thịnh xin tái bản tập thơ Mây. Tác quyền định là hai ngàn đồng; hãy đưa một ngàn trước, còn một ngàn nữa đưa sau, rất có thể ngay khi sách lên khuôn chữ.

Đang nằm dịch bài Tương tiểu tử, phân vân chưa biết dịch đoạn cuối ra sao:

*Ngũ hoa mã, thiên kim cừu  
Hô nhi tương xuất hoán mỹ tửu  
Dữ nhĩ đồng tiêu vạn cổ sầu.*

Hoàng nghe câu chuyện của Ngọc Giao, liền nổi hứng, dịch luôn thành bốn câu thơ Song thất lục bát:

*Ngựa hoa đây, áo cừu cũng đây,  
Gọi trẻ đem đôi lẩy rượu mau!  
Ta cùng người, lại cùng nhau  
Uống cho ngàn trước ngàn sau tan buồn [1] .*

\*

Tuy “ngàn sau” chưa đến, nhưng có “ngàn trước” trong túi, cũng là oai lắm rồi, Hoàng vững bụng dời nhà tại Hàng Điếu, và đi tìm cố tri.

Đỗ Quân – người phiếm du Kinh Bắc hồi xưa – lúc này cũng đang có mặt ở Hà Nội, thuê nhà ở trại Trung Phụng, xóm Khâm Thiên, đúng ngôi nhà của họ Đinh trước mới là quái ác chứ!

Hỏi tin các bạn hầu hết vẫn còn phiêu bồng. Chưa một nhân vật nào trong bài thơ của Hoàng tổng biệt Đỗ Quân năm 1942 về hợp

mặt ở đây với Đỗ và Hoàng cả! Ông Quý thì còn bàn trời bàn đất ở tận đâu. Ông Đoàn thì đang viết kịch dựng kịch cho những ai chẳng biết. Ông Cung thì say vẽ tranh, say đi bộ, chẳng hiểu đang dùng chân múa bút tận phương trời nào...

Theo đà câu chuyện, Đỗ cho hay tin nữ sĩ Ngân Giang đã hồi cư lâu rồi, và cũng thuê nhà trong xóm này, chỉ cách trang trại của Đỗ chừng năm mươi thước.

Hai chữ “Ngân Giang” được ném ra như cả một con rắn bạc khổng lồ đang quằn quại vươn mình về quá khứ, kéo theo cả Hoàng trên nẻo ngược Thời gian...

Ôi! Hoàng với Ngân Giang chẳng có duyên chút nào hết! Những từ 1936, đã có người rủ Hoàng đến thăm phòng khách thỉnh của Ngân Giang, lúc ấy còn là Hạnh Liên nữ sĩ. Đào Quân, tác giả Mấy nét mơ rủ Hoàng đi chứ ai! Vườn Bách Thảo – nơi Hoàng cư ngụ lúc bấy giờ – được lấy làm địa điểm tập hợp. Rồi cái ông chuyên làm thơ tám chữ, là Thao Thao; và cái ông chuyên viết về ngày xưa, là Nguyễn Nhược Pháp cũng lục tục y hẹn đến.

Nhưng chẳng hiểu sao lại chỉ gặp nhau ở Bách Thảo rồi giải tán luôn, không có mục kéo đến “salon littéraire” của Hạnh Liên, mới kỳ chứ!...

Mãi sau tám năm, trải biết bao vật đổi sao dời, bút hiệu Hạnh Liên đã nhường chỗ cho bút hiệu Ngân Giang, giọng sông nước mắt, càng ngày càng sáng rực trên thi đàn, lúc ấy Hoàng mới được cùng “ai” hội ngộ.

Nhưng, khoảng thời gian này, Ngân Giang có vẻ bận rộn về chuyện chồng con; mà Hoàng thì vừa viết xong vở kịch thơ Vân Muội, đang chạy khắp Hà Nội cùng Chu Ngọc để tìm cho ra vai nữ đủ khả năng diễn xuất vai “Cô gái làng trên” nghĩa là vừa có giọng ngâm ma quái, mê hồn, lại vừa có chút ít tiếng tăm trong văn giới, và lẽ dĩ nhiên về xuân sắc nếu chẳng được cả mười phần thì cũng không đến nỗi làm thất vọng giới mê kịch mê thơ của Hà Nội thanh lịch!

Được Ngân Giang hợp tác thì còn nói gì nữa! Thế mà rồi câu chuyện chẳng đi đến đâu, chỉ vì đức lang quân của Ngân Giang không chấp thuận. Ấy là Ngân Giang bảo thế!

“Anh ấy ghen ghê lắm. Họa thơ với các bạn còn khó khăn; huống hồ lại lên sân khấu mà tỏ thể uốn éo!”

\*

Duyên ngoài đời đã không, duyên sân khấu cũng không! mấy lần gặp sau đều vô ích như vậy nốt. Khoảng 1943, 1944, lúc nào cũng thấy “người đẹp sông Ngân” vương vít bận rộn về chuyện chồng con cả. Còn thơ, còn kịch gì!

Cho mãi đến nay, cái tuổi giang hồ lạc phách có chiều đã xế bóng. Hoàng mới lại tái ngộ Ngân Giang.

Từ nhà Đỗ Quân đi tới nhà “người đẹp”, quả nhiên chỉ trong gang tấc. Thế mà không biết sao, vừa nói chuyện được mấy câu, Hoàng đã thấy cả muôn trùng quan san dựng lên ngay trước mặt... và chặn ngang lấy cổ họng, chặn ngang lấy trái tim.

Chả là người Hà Nội lúc bấy giờ có một mặc cảm ly kỳ lắm – chẳng biết đẹp hay không đẹp? – Mặc cảm rằng kẻ hồi cư trước phải giúp đỡ người hồi cư sau mình. Ngân Giang đã “bỏ chiến khu” về Hà Nội từ một năm trước, cũng đề ra cái bổn phận quái gở ấy để đòi Hoàng phải nhận một số tiền, mặc dầu chỉ là số tiền mọn... ba trăm thôi!

Hoàng vội xua tay: “Không được! Hoàng đến đây hôm nay là do ngẫu nhiên; đâu có ý “đả thu phong”. Nếu thật Ngân Giang bây giờ đã trở thành “con sông Bạc”, thì cứ để đấy; còn nhiều dịp, lo gì? Hôm nào tan sở (sở Thông tin) và rảnh rỗi, Ngân Giang đến nói chuyện Thơ với Hoàng nhé! Địa chỉ: số nhà tám, phố Hàng Điều, cứ đi vào cái cổng bên cạnh, vượt qua sân là tới cầu thang ngay, Hoàng ở phòng thứ nhất trên lầu đó!”.

Người-đẹp-công-chức lại bỏ chiếc phong bì đựng tiền vào ngăn kéo, nở một nụ cười rất tươi.

“Anh không giận Ngân Giang đấy chứ?”

“Sao lại giận! Anh chị em làng văn chúng ta thiếu tiền và đưa tiền cho nhau là sự thường. Chỉ vì hôm nay, Hoàng hãy còn đang “giàu”, những tiền “trời ơi đất hỡi” tiêu chưa hết. Cũng như cái lần sơ ngộ năm 1942 đó, Ngân Giang nhớ không?”

“Lần nào nhỉ?”

“Thì cái lần Hoàng cùng đi với Chu Ngọc đến phố Hàng Bông ấy!”

“À... nhớ rồi! Thế sao?”

“Thì hôm đó, Hoàng cũng dự bị trước một số tiền đựng trong phong bì, định rằng nếu Ngân Giang nhận lời đóng giúp vai Vân Muội, thì, với tư cách người tổ chức, Hoàng sẽ “a vãng” luôn. Vừa là tác giả, vừa là “giám đốc” Ban Kịch Hà Nội mà!

\*

Bằng đi hai tuần lễ, mới thấy Ngân Giang tìm đến. Và chưa kịp ngồi xuống chiếu đã vừa nói vừa cười:

“Ngân Giang đang đói đây. Có gì Hoàng cho ăn ngay đi nhé!”.

“Yên tâm. Thục Oanh làm bếp rất nhanh, lại rất khéo!”

Và lần thứ nhất Hoàng giới thiệu Oanh với Ngân Giang...

Đúng như lời Hoàng khoe trước, Oanh chỉ tốn mười lăm phút là cơm rượu đảng hoàng đã bày ra. Ngân Giang cao hứng quá, nghĩ ngay đến... tương lai:

“Chà! Công chức đi làm về mà ngửi thấy mùi xào nấu thơm phức thế này thì tốt số nhất còn gì! Mai một cứ buổi trưa là Ngân Giang về đây cho gần nhé! Từ sở đạp xe về tận Khâm Thiên giữa trưa để ăn cơm rồi lại hỏi hã đạp xe đi làm buổi chiều, ngại quá!”.

Rồi Ngân Giang ngồi vào mâm. Ăn ngon miệng và uống rượu cũng khá lắm. Con-người-công-chức theo với hơi men tan dần, để lộ nguyên hình một nữ sĩ tài hoa, từng vang danh một thuở, khiến cho vô khối anh chàng mất hồn vì “Tiếng vọng sông Ngân”.

“À, mà Ngân Giang có bài thơ “Mây trắng...” nổi tiếng lắm thì phải. Hoàng đã nghe một anh bạn nào ngâm khi còn ở hậu phương. Bài ấy thế nào nhỉ? Hoàng chỉ nhớ có năm vắn: trời, nơi, rồi, đôi, và rơi. Ngân Giang thử ngâm lại coi nào”.

“Anh cũng biết bài ấy hã? Nó như thế này!”

Và Ngân Giang lấy giọng cao ngâm:

*Mây trắng lang thang mãi cuối trời,  
Gió chiều heo hút khắp nơi nơi.  
Cung đàn biết mấy dây chùng hẫ  
Mái tóc bao nhiêu sợi lạnh rồi.  
Chôn ấy tờ hoa đành lẻ ý  
Mùa nàng chim nhạn có chung đôi?*

*Thương thay trên quãng đường chia ngã.  
Thì ngã nào không có lá rơi!*

Hoàng vỗ tay tán thưởng:

“Tuyệt lắm! Lúc này Hoàng bảo rằng nhớ vắn, ấy là vì chính Hoàng đã họa nguyên vận từ năm ngoái năm kia, trên bước đường “mưa gió”. Tiện đây Hoàng đọc cho Ngân Giang nghe!”.  
Thế rồi Hoàng cũng ngâm:

*Lửa khóa mây then bốn vách trời,  
Về đâu mộng cũng chẳng đành nơi.  
Vẫn chưa ý gửi vào thơ được,  
Mà đã dâu toan hóa biển rồi.  
Ngọn gió nghe chừng xoay mãi hướng  
Vàng trắng ai nỡ xẻ làm đôi?  
Tin thu lạnh lắm... rỗng ao cạn,  
Há chỉ phòng thu lệ nén rơi [2] !*

Hôm sau quả nhiên Ngân Giang về nghỉ buổi trưa ở nhà Hoàng thật. Căn lầu ở phố Hàng Điều chỉ có độc một chiếc giường, nơi dành riêng lão mẫu. Còn Hoàng thì trải chiếu trên nền đá hoa, sách vở bệ bộn, mây khói tung hoành. Ngân Giang phải chen vào nằm giữa Oanh và Hoàng. Nghĩa là Hoàng vẫn cao ngạo, đối diện với hoa đèn. Còn Ngân Giang thì nằm ngủ ngay sau lưng Hoàng; rồi đến Oanh. Kế đó là soong, chảo, bếp cồn, mọi thứ lũng củng. Nhưng Oanh đâu dám ngủ. Còn phải cứ đợi đến giờ đi làm thì gọi Ngân Giang dậy chứ! Tin vào Hoàng thế nào được. Vì Hoàng mà bận nghĩ câu thơ nào thì chẳng còn biết gì trời đất chung quanh nữa; nhớ sao nỗi giờ-đi-làm của ai!...

Thế rồi Thục Oanh cũng thân với Ngân Giang lắm. Chẳng rõ hai nàng thủ thủ với nhau những gì mà ít lâu sau, Ngân Giang đem đến cho hai tấm hình, cỡ 9x12. Đằng sau một tấm có chép đủ bài thơ “Mây trắng lang thang mãi cuối trời” và lời đề tặng. Còn một tấm thì chép bốn câu thơ Thất ngôn:

*Ngày muôn nắng soi vàng nhạt nhạt  
Chợt tàn quán đồ bóng xiêu xiêu.  
Có con chim én bay trong gió  
Cánh đập bơ vơ bạt mấy chiều.*

Và hai câu lục bát:

*Từ khi trở lại Kinh thành  
Chiều nay mới thấy rằng mình bơ vơ.*

Hoàng chợt nhớ lại mấy lần ngồi đối ẩm, Ngân Giang có vẻ làm ra “say-quá-chén”. Rồi giọng nói trở nên bi phần khác hẳn những lúc thường. Và cả mấy phen Hoàng đến sở đón Ngân Giang cùng về, cũng thấy “mặt hoa ủ dột” lo lắng thế nào ấy! Hoàng bèn hạ bút một bài như sau:

*Đôi bờ thăm thẳm giấc Tiêu Tương  
Chợt bóng hoa mai động cách tường.  
Tâm sự đã nhàu trong khói lửa  
Thiên duyên còn ngát ở văn chương.  
Giả say, ta biết sâu kia thực,  
Gỡ mộng, người e nghiệp sẵn vương.  
Đừng nói “bơ vơ từ trở lại”,  
Tháp ngà ai khép với đài gương!*

\*

Thơ chẳng cần trao tay, vì đọc lên ngâm lên cho nhau nghe là đủ. “Phải họa nguyên vần đấy nhé! Rượu sẵn đây, chúng ta là đôi bạn “vong hình”; mặc cho tử húng đưa đường dẫn nẻo! Cùng với “Mây trắng lang thang...”. “Hoàng có “đòi nợ” thì cũng dễ thông thả đã chứ! Bây giờ hãy ngâm trước một câu; Ngân Giang thấy có thể nối vần được thì nói; bằng không, Ngân Giang sẽ đọc liềm một câu khác để Hoàng nối theo”.

“Cũng được. Ồ...! Hãy uống một hớp đã!...” Và Hoàng ngâm:

“Tình đã trần gian mấy thuở rồi”

Ngân Giang có vẻ tư lự:

“Nói cũng sẵn vắn; nhưng chỉ sợ ý không liền. Hay là không tự nói lấy đi; Ngân Giang sẽ lãnh phần bốn câu cuối”.

“Khó tính quá! Vâng, thì xin chiều... Đây nhé bốn câu đầu:

*Tình đã trần gian mấy thuở rồi  
Hồn thơ chung một hướng về ngôi.  
Bước chân Bắc đẩu vàng toan dạo  
Khóe mắt Thiên hà bạc muôn trôi”.*

“Hoàng sẵn chữ nghĩa quá nhỉ? Ngân Giang đến chịu thôi”.

“Sao lại chịu? Tâm sự thế nào, cứ trút xuống lời thơ. Vắn sẽ liệu sau. Bất chấp!...”

“Nghĩ được hai câu rồi đây; Hoàng nghe nhé!

*Thuyền buộc quê xưa, lòng họ Đỗ;  
Hoa cười năm ngoái, hận chàng Thôi”.*

Hoàng reo lên:

“Hay quá! Chịu Ngân Giang. Thú thật hồi trước đọc đến những câu:

*Sương thu giá áo;  
Mây thu ngưng trời.  
Chốn đài trang bối rối ruột tằm, trăng thu một mảnh;  
Chiều quan ải xông pha vó ngựa, sầu thu đôi nơi [3] .*

Hoàng không dám tin rằng của Ngân Giang; mà cứ nghi nghi hoặc hoặc, chẳng đoán ra được nhà Nho lãng mạn nào đã gà cho “người đẹp”... Bây giờ thì Hoàng tin, tin cả mười phần”.

“Hoàng không “nịnh đầm” đấy chứ?”

“Thì nịnh cũng được, có sao đâu! Nhưng nịnh “Sông” chứ sao lại nịnh “Đầm”?... À... mà... Hoàng chỉ khen “hay” thôi; chưa hẳn đã

đồng ý. Thử ngâm lại hai câu giai tác ấy xem nào...

*Thuyền buộc quê xưa, lòng họ Đỗ;  
Hoa cười năm ngoái, hận chàng Thôi.*

Sao chàng... lại... “thôi”? Có gì để chàng hận? Ai chả biết câu trên nói Đỗ Phủ, câu dưới nói Thôi Hộ. Nhưng ở đây – trên mảnh chiếu này, đúng nửa đường thế kỷ XX này – chỉ có Ngân Giang với Hoàng; Đỗ chính là họ của Ngân Giang, như vậy chàng Thôi chẳng là Hoàng thì còn ai vào đó nữa? Mà... Hoàng... đâu có “thôi”!

“Vậy Hoàng sẽ...”

“Yêu cầu được đổi lại câu dưới. Nàng “Thôi” chứ không chàng “Thôi”, nếu quả có cái sự “thôi” ấy! Nghĩa là hai câu tuyệt tác của Ngân Giang phải là:

*Thuyền buộc quê xưa, lòng họ Đỗ.  
Mây in trắng mới, ý nàng Thôi...*”

Vừa lúc Thục Oanh đi mua hoa quả về, Ngân Giang nhìn Oanh cười lớn... Rồi ngâm đi ngâm lại mãi. Ngâm một lần, cũng một lần uống cạn chén.

Mặt đỏ bừng. Oanh phải đỡ xuống chiếu nằm nghỉ. Ngân Giang đã say quá. Hai câu cuối đành bỏ dở. Và bài thơ Đường luật chỉ có sáu câu...

Bẵng đi mấy tháng, Hoàng được tin Ngân Giang lại bước lên xe hoa thêm lần nữa. Không ngạc nhiên. Chỉ buồn cho bài thơ đành thiếu hẳn hai câu kết.

Nhưng còn may mắn ở điểm người đẹp vẫn tiếp tục nghề công chức. Hoàng vẫn đến sở tìm gặp được. Và trao một bài thơ khác – cũng chỉ sáu câu – trong đó câu nào cũng giữ lại mấy chữ đầu của bài cũ:

*Tình lại trần gian nữa đó sao?  
Hồn thơ lẻ hướng xót ngôi cao!*

*Bước chân Bắc đẩu vàng chưa động,  
Khỏe mắt Thiên hà bạc sớm trao.  
Thuyền buộc quê xưa, giòng lệ cũ,  
Mây in trắng mới, giấc mơ nào?...*

\*

Thơ trao theo kiểu chim xanh; nhưng càng nghĩ đến hai câu thơ  
Khiến sầu của cố nhân, càng thương cho nòi thi sĩ luôn luôn bị  
thực tế vây hãm dưới vùng trời vẫn đục này:

*Bồng lai tiêu tức trâm thanh điều  
Kinh lạc phong trần cảm tố y. [4]*

Nhưng Ngân Giang không năng lui tới nữa, âu cũng là một điều  
may mắn cho Hoàng.

Lý do là mấy khoản “ngàn trước, ngàn sau” đã tiêu hết sạch. Cả số  
tiền gọi là tác quyền vở kịch thơ Tâm sự kẻ sang Tàn công diễn tại  
Nhà hát Lớn đêm mùng một tháng Một năm 1951.

Bước sang “Hậu bán thế kỷ hai mươi” rồi, Hoàng phải dời khỏi  
căn lầu phố hàng Điều, dọn về một đường hẻm, phố Sinh Từ.

Không khí ban đầu của buổi hồi cư đã mất hết ý nghĩa! Chỉ còn  
một Hà Nội mệt mỏi và đầy cát bụi thôi.

Đêm đêm ngẩng nhìn giải Thiên hà, cổ trần tĩnh để lắng tai nghe,  
Hoàng chỉ còn bắt được một vài “tiếng vọng” yếu ớt!

\*

Mãi hai năm sau. Giữa mùa ve gọi. Bỗng dưng đưa đây một gợn  
sóng bất ngờ khiến cho kiếp phiêu bồng của Hoàng lại có dịp bay  
tới gần Sông Bạc.

Chiều hôm đó – chừng đã quá giờ Mùi – Hoàng đang cao ngọ  
trong ngõ Hàng Đũa, sau phố Sinh Từ, thì... cổng ngoài xịch mở.  
Có khách của Hoàng.

Nhưng Hoàng trông ra không khỏi thất vọng: một thiếu nữ – hay  
thiếu phụ? – áo gấm hoa tròn, màu đỏ tím, quần sa tanh trắng, giày  
kính thêu cánh phượng, hành lý khá nặng trên tay; mà... mà...  
giọng nói sao xa lạ, hình như Hoàng chưa nghe thấy bao giờ. Cả

đến mặt hoa vẽ ngọc, Hoàng cũng chưa bao giờ được chiêm ngưỡng thì phải!

Thục Oanh ra đón khách mời vào; rồi khi biết rõ chủ nhân là ai, khách tự giới thiệu:

Mai Đình nữ sĩ. Từ miền Trung bay ra. Có chút việc riêng. Và nhân dịp cũng để tiếp xúc với làng Thơ đất Bắc. Cho nên Phụng mới đến cầu... Hoàng.

“Hữu bằng tự viễn phương lai, bất diệc lạc hồ!”. Sách đã dạy thế; Hoàng không vui sao được! Huống chi danh hiệu “Mai Đình” từ ít lâu nay gắn liền vào tiếng tăm của nhà thơ bạc phước và yếu mệnh Hàn Mặc Tử.

Một nữ thi sĩ từ xa muôn dặm tìm đến, mình có bốn phận phải chiều ý, và – nếu cần – phải lựa lời hỏi cho rõ ý của người đẹp để chiều theo. Tận kỳ tâm, kiệt kỳ lực, không được thoái thác hay phàn nàn.

Tuy vậy, ý muốn của Mai Đình rất đơn sơ, mà lại dễ thực hiện:

“Tìm gặp nữ sĩ Ngân Giang”.

Oanh pha trà mời khách; Hoàng vội lui vào phía trong, chỉnh tề y phục để còn ra đường nên quên phắt ngay đi không hỏi Mai Đình rằng tại sao lại cứ phải Hoàng mới được, và ai là người đã cho địa chỉ Hoàng.

Chiều Thăng Long êm như giấc mộng cung vua phủ chúa thời nào. Chẳng cần đến xe, ngựa, hay ... vớng kiệu!

“Mai Đình tìm gặp Ngân Giang có việc gì gấp lắm chăng?”

“Làng Thơ chúng ta thì đâu có việc gì gấp. Chẳng nay thì mai, mốt... hay lần sau”.

“Hoàng hỏi vậy thôi, chứ tìm gặp Ngân Giang, không khó gì hết. Mà cũng gần thôi. Chúng ta đi về nẻo Hồ Gươm đi!”

Hoàng định ninh: cứ đến Sở Thông tin là tin tức Nguồn Đào sẽ thông suốt ngay. Ngư phủ này mê đường mê bến thế nào được!

Ai hay Trời lại còn chiều người hơn thế nữa. Chẳng cần phải thả bộ đến tận sở làm của Ngân Giang chi! Kìa, Ngân Giang đang ngồi trong một quán giải khát lớn bậc nhất của phố Trường Tiền, kề cận nhà “Gô-đa” cũ.

Thế là Hoàng dẫn Mai Đình vào ăn “kem”, uống “cà phê”, Ngân

Giang và các bạn đồng âm – trong đó hình như có tác giả tập bút ký hoạt kê Trên vỉa hè Hà nội! – trông thấy Hoàng đi với người đẹp, liền gọi âm lên.

Tiếp đó, Hoàng giới thiệu... và... bàn giao.

“Hoàng đi tìm Ngân Giang chứ không phải ngẫu nhiên gặp đâu. Mai Đình thích Ngân Giang lắm đó. Cứ bắt Hoàng dẫn nẻo lên “Sông Trời”. Hai nữ sĩ hội ngộ hôm nay, thỏa lòng mong ước nhé! Vậy, cho Hoàng rút lui thôi. Vì nhiệm vụ của “băng nhân” đã chấm dứt”.

Ngân Giang cười lớn, rồi gật đầu:

“Tùy ý Hoàng đấy. Có bạn thì cứ để mặc chị em chúng tôi”.

Và quay sang phía người khuê hữu vừa nhất kiến:

“Có phải không, chị Mai Đình?...”

Nhưng đến khi tiến thêm Hoàng mấy bước, thừa dịp vắng người, Ngân Giang đứng dừng lại, trở mặt Hoàng, trách khéo:

Mai Sinh ơi hỡi Mai Sinh,

Toan gieo cái vạ tày đình cho ai? [5]

Hoàng không cãi; biết tính Ngân Giang hay nói đùa rồi mà! Vả lại, nữ sĩ Mai Đình đâu phải “một cái vạ”. Mà từ xưa, Hoàng cũng có “gieo vạ” cho ai bao giờ đâu! Phép lịch sự tối thiểu phải như vậy chứ. Nhân vật “tương đương” với Mai Đình tại Hà Nội là Ngân Giang. Hoàng chỉ có thể tiếp tay, không vượt quá vị trí được...

Nhưng rồi... đợi mãi chẳng thấy ai cả; hôm sau, hôm sau nữa... rồi tuần sau, bật tin Mai Đình nữ sĩ, lạ chưa! Có dễ Hoàng chiêm bao chắc? Rõ ràng buổi đó Hoàng đã yêu cầu Mai Đình hôm sau trở lại để Hoàng hướng dẫn đi gặp Hoài Điệp Thứ lang, một thi sĩ rất thông cảm với thơ Hàn Mặc Tử.

Đành nhắc hỏi Ngân Giang vậy. Cũng bật luôn chẳng có hồi âm. Thế mà – khoảng một tháng sau – lại tiếp được thư của Ngân Giang mời tới họp bạn ngâm vịnh. Địa chỉ mới: Đường Phủ Doãn, ngay Hàng Bông Đệm quặt xuống.

Đến nơi, hỏi chuyện về Mai Đình, Ngân Giang ngơ ngác một lúc lâu mới nhớ ra; nhưng rồi khách đến đông – có cả nhà tướng số

Khánh Sơn và nhà văn Triều Đầu – câu chuyện bị chìm mất giữa một bầu không khí thật khó hiểu đối với Hoàng.

Lúc chia tay, Ngân Giang có vẻ cởi mở: “Bây giờ Ngân Giang ngâm vịnh được rồi. Tương đối tự do hơn năm ngoái. Hoàng cứ đến đây thăm Ngân Giang hoặc ra Sở tìm cũng được nữa!”.

Hoàng vội lắc đầu; trách khéo để trả đũa:

*Ngân Giang ơi hồi Ngân Giang!*

*Toan đeo cái ách giữa đường cho ai?*

Vì ai còn lại gì! Mỗi “tình trần gian” kia đã trở thành một cái dây trói khắc nghiệt cho người bạn thơ khả ái của Hoàng tự buộc lấy mình, khó gỡ ra lắm!

Dẫu sao Hoàng cũng có dịp nhắc lại – ít lâu sau – không phải câu chuyện Mai Đình, mà câu chuyện Thơ giữa Hoàng và Ngân Giang kia!

“Thế nào, dạo này Ngân Giang có sáng tác gì đặc ý không?”

“Chuyện đời phiền lắm, có giản dị như Hoàng tưởng đâu! Ngân Giang mỗi ngày một thấy buồn hơn trước. Và một quầng nào đó trong dĩ vãng cứ ám ảnh Ngân Giang, lôi kéo trở về. Thế có rắc rối không!”

“Lạ nhỉ! Mà... quầng nào trong dĩ vãng?”

Ngân Giang không trả lời thẳng vào câu hỏi của Hoàng. Chỉ cất giọng ngâm:

*Sau trước nghìn thu một Quế Anh*

*Hòa Phiên từng đã xót phân tranh*

*Ngựa Hồ tiếng thét mười phương gió,*

...

Hoàng đợi mãi không thấy Ngân Giang ngâm tiếp – chẳng hiểu vì lý do gì! – đành phá trước sự im lặng đến nặng nề đó:

“Hồ thì đối với Hán; gió thì gọi ra trăng; ở địa vị Hoàng là tác giả, câu bốn sẽ như sau:

*Cung Hán màu trắng vạm dậm thành.*

Có đúng với tâm sự Minh Phi đời nay không?”

Ngân Giang trầm tư một lúc:

“Nếu vậy câu năm và câu sáu phải đặt:

*Chí dẫu côn bằng, e hẹp biển*

*Lòng còn sương khói, ngại tan canh”.*

Hoàng vỗ tay tán thưởng, nhưng khi lấy giọng:

*“Chí dẫu côn bằng e hẹp biển*

*Lòng nàng sương khói, ngại tan canh”.*

Ngân Giang phản ứng ngay:

“Sao lại có “gã” với “nàng” trong đó?”

“Thì Ngân Giang để cho Hoàng cùng chung tâm sự với, không được ư?... Và Hoàng đọc luôn câu bảy nhé!

Làm mây Ải Nhạn chiều heo hút”.

“Để Ngân Giang hoàn tất câu tám cho! Cấm Hoàng không được tranh phần đây!”

“Thơ của Ngân Giang mà! Hoàng tranh sao được! Cả đến chữ “mây” chữ “heo hút” cũng của Ngân Giang đó thôi!

*Mây trắng lang thang mãi cuối trời*

*Gió chiều heo hút khắp nơi nơi”.*

Hoàng vừa ngâm dứt, Ngân Giang đã tìm ra câu tám để kết cho liền ý; và ngâm lại cả câu bảy của Hoàng nhân thể:

*“Làm mây Ải Nhạn chiều heo hút*

*Rồi cũng lang thang kiếp độc hành”.*

Thế là lần đầu tiên Hoàng có một bài thơ trọn vẹn cùng làm với Ngân Giang. Mặc dầu “độc hành” là hai chữ kết thúc; buồn quá!

*Sau trước nghìn thu một Quế Anh  
Hòa Phiên từng đã xót phân tranh.  
Ngựa Hồ tiếng thét mười phương igo  
Cung Hán màu trắng vạn dặm thành.  
Chỉ dấu côn bằng e hẹp biển  
Lòng còn sương khói ngại tan canh.  
Làm mây Ả Nhạn chiều heo hút  
Rồi cũng lang thang kiếp độc hành.*  
\*

Cuối năm Giáp Ngọ – tức là tháng Hai dương lịch 1955 – các chuyến đi đi về về Sài Gòn – Hải Phòng hãy còn hợp pháp; nhân có một bạn quen ra buôn bán ngoài đó, Hoàng gửi cho Ngân Giang bài thơ sau đây:

*Đặt bút cùng ngâm khúc Bể dâu  
Nổi trôi từ đấy xót cho nhau.  
Một phen nhật nguyệt tranh ngôi Sáng  
Hai ngả lòng thu dựng tháp Sầu.  
Tĩnh cũng hoài thôi, say chẳng nở  
Xuân sang đó nhỉ, mộng về đâu?  
Rằng hư rằng thực lời tâm huyết  
Non vẫn cao, hể, nước vẫn sâu! [6]*

Nhưng lần này thì Hoàng biết trước rằng “Sông Ngân” chẳng thể nào có “Tiếng Vọng” được nữa. Thơ của Hoàng có đến tay ai hay không, cũng thế thôi.

### **Chú thích:**

*[1] Trọn vẹn bản dịch bài Tương tiểu tửu (của Lý Bạch) sang Quốc văn như sau:*

*Người chẳng thấy từ cao đổ xuống  
Nước sông Hoàng cuộn cuộn ra khơi?*

Một ra biển, chẳng về trời;  
Nhà cao gương sáng thương ai bạc đầu!  
Sớm như tơ, xanh màu tóc ấy  
Chiều đã như tuyết đầy... biết không ?  
Thì vui sao chẳng đến cùng?  
Việc đời dễ được như lòng mấy khi!...  
Đừng để chén vàng kia tro đáy  
Cùng vàng trắng đây đây ngân ngơ.  
Trời sinh tài, chẳng để hư;  
Ngàn vàng, một trắng tay ư?... Lại về...  
Hãy mổ thịt trâu dê mà khoái,  
Gặp nhau đây là phải say sưa,  
Uống, xin đừng một giọt thừa,  
Ba trăm chén, hãy cho vừa một hơi.  
Ý ta muốn chén mời chẳng gác  
Chớ dừng tay, hai bác Đan, Sầm!  
Vì nhau một khúc ca ngâm,  
Lẳng tai, nào bạn tri âm đó hề!  
Của trước mắt đủ gì quý báu,  
Cho ngọc ngà! Cho dầu trống chuông!  
Nguyện say một giấc ra tuồng,  
Mình ta tỉnh, bốn phương cuồng... nhảm chưa?  
Đều thế cả... từ xưa hiền thánh  
Cũng giờ đây nằm lạnh Thời gian.  
Tiếng tăm còn để trần hoàn  
Chỉ duy có gã say tràn cung mây.  
Trần Vương trước, tiệc vây Bình Lạc  
Rượu ngàn chum thả sức vui đùa.  
Chủ nhân, nào! đã nhớ chưa?  
Nói chi tiền ít mà thừa dặt dìu!  
Ngựa Hoa đầy, áo Cừu cũng đầy,  
Gọi trẻ đem đôi lầy rượu... mau!  
Ta cùng Ngươi... lại cùng nhau  
Uống cho ngàn trước ngàn sau tan buồn.  
V.H.C.

*[2] Tám câu thơ này có in trong tập Rừng phong (Sài Gòn, 1954).*

*[3] Trích trong bài văn biền ngẫu của Ngân Giang bắt đầu bởi câu “Hoa cúc gây rồi; Non vàng xa khơi”, và có in trong tập thơ Tiếng vọng sông Ngân, sau khi đã đăng vào Tri Tân tạp chí (Hà Nội).*

*[4] Tam dịch là :*

*“Bông Lai dứt nẻo chim xanh*

*Ngùi thương áo trắng kinh thành bụi bay”*

*V.H.C.*

*[5] Hai câu thơ này rút từ truyện Nhị Độ Mai.*

*[6] Bài này có in trong tập Trời một phương với nhan đề Nỗi trôi (Sài Gòn, 1962).*

## Ta đã làm chi đời ta

### Đoản đình trường đình

Yên vị trên phi cơ, Hoàng lơ đãng nhìn xuống cánh đồng mây đang trải rộng, và mệnh môn bàng bạc không biết đâu là tận cùng. Chợt nhớ hai câu thơ thất ngôn nào đó, Hoàng cao hứng ngâm vang:

*Làm mây ải Nhạn chiều heo hút  
Rồi cũng lang thang kiếp độc hành.*

Ngâm xong thơ mới nhớ ra được xuất xứ: câu dưới của nữ sĩ Ngân Giang và câu trên của chính Hoàng, nguyên là hai câu liên ngâm ra đời ở Hà Nội, tính đến nay đã vừa đôi-tám-xuân-xanh.

Tuy vậy, bảo là “ngâm vang” thì hơi quá. Vì nếu có tiếng vang thật sự trên chiếc phi cơ tràn đầy hành khách này, hẳn người ngồi đối diện với Hoàng kia đã nghe thấy và đã không ngạc nhiên, cái ngạc nhiên của người tưởng mình đối diện với một gã khùng đầu lắc lư, môi mấp máy chẳng biết có phải đang tự diễn thuyết để tự làm thính giả chẳng.

Người ngồi trước mặt Hoàng? Đến lúc này Hoàng mới để ý: một thiếu nữ trang điểm kín đáo và nhan sắc chỉ bình thường, phục sức lại giản dị, quá giản dị là khác. Áo dài màu hồ thủy, chuỗi ngọc trai và chiếc vòng huyền... Có thể thôi! À quên, còn mớ tóc búi cao, chứ không cắt ngắn hoặc buông xõa; mặc dầu có thể là tóc mây được lắm, nhưng không cời mở, không hấp dẫn bao nhiêu.

“Ông sang Pháp à?”

“Thưa cô, tôi đi La Mã; nhưng vì một lý do nào chẳng biết, Tân Sơn Nhất cho tôi hay rằng chuyến phi cơ này chỉ có nhiệm vụ chở tôi đến Vọng Các thôi; tôi phải xuống đó chờ một chuyến khác”.

“May quá, Yên cũng bị đặt vào trường hợp giống y như trường hợp của ông vậy... À quên, xin lỗi ông, em chưa tự giới thiệu: Em là Yên, nữ y tá...”

Qua mấy câu trao đổi, Hoàng được cô bạn đồng hành cho biết rằng đây là lần đầu tiên cô ra khỏi nước, lại đi một mình... nên lúng túng lắm. Gia tư chỉ bậc trung thôi, và may mắn được học bổng nên mới có cơ hội sang tận kinh đô Ánh Sáng đấy chứ. Điều may mắn nữa là cô có một người chị em thúc bá hiện đang ở kinh đô này, và sẵn sàng cung cấp cho cô nơi ăn chốn ở, chỉ cốt sao đặt được chân xuống đất Pháp là cô yên trí rồi.

“Ông...”

“Cứ gọi tôi là Hoàng cho tiện”.

“Vâng, vâng! Ông Hoàng đã từng xuất ngoại nhiều lần, có phải thế không ạ?”

“Tôi ngại xê dịch lắm nhưng việc bắt buộc phải đi thì đành vậy chứ biết sao, thưa cô!”

“Đành thế; ông vẫn có nhiều kinh nghiệm về xê dịch. Và điều tôi mong mỏi là ông sẽ giúp tôi...”

Giúp Yến? Thì Hoàng đã sẵn sàng. Vả lại, có gì phiền phức lắm đâu. Một vài thủ tục giấy tờ khi xuống Bangkok, một vài trao đổi điện thoại với sứ quán... thế là xong. Hoàng và Yến thông dong về khách sạn bằng xe của hãng hàng không, Hãng A.F. thì phải. Họ có trách nhiệm cung phụng hai khách hàng đặc biệt này cho đến khi một người lên được chiếc phi cơ đi Paris và một người tìm ra được chuyến bay thích hợp để trực chỉ La Mã.

Lẽ dĩ nhiên sự cung phụng, dầu khả ái đến đâu, vẫn chỉ giới hạn ở hai khoản: ăn và ở. Còn như các chuyện lật vật khác, như đi dạo phố mua quà kỷ niệm, đi coi múa hát, xem phong cảnh, v.v. thì ai nấy phải tự túc, kể cả cô Yến và ông... Hoàng!

Thế gian cứ thế mà trôi. Không ai nóng lòng sốt ruột, tuy thời tiết ở Bangkok chẳng êm dịu chút nào. Còn nóng hơn cả Sài Gòn nữa! Cái phiền là ở chỗ Hoàng phải lên phi cơ tiếp tục cuộc hành trình ngay nửa đêm hôm đó; mà Yến thì phải lưu lại Bangkok mãi cho đến năm giờ chiều hôm sau.

Cuộc chia tay nào chẳng buồn? Huống hồ cuộc chia tay này còn đeo theo nó cả một cuộc bàn giao... bất đắc dĩ.

Nguyên nhân là hồi chiều cùng đi dạo phố với Yến, Hoàng đã cao hứng nhắc đến chùa Phật Ngọc và hết sức ca tụng vẻ đẹp huyền bí

của nơi này, vẻ đẹp từng gọi cho Hoàng xiết bao thi cảm trong chuyến du ngoạn tám tháng trước đây:

*Ôi! Chùa Phật Ngọc mái long lanh  
Đất Phật từng gieo hạt Ngọc Lành.  
Du tử dâng hồn lên Vọng Các  
Gương soi chẳng chút úa màu xanh...*

Thế là Yên nhất định đòi thực hiện chuyến hành hương tới ngôi chùa vương giả đó. Nhưng thời gian quá gấp, Hoàng đành phải điện thoại cho một ông bạn tông sư tại sứ quán để nhờ ông ấy thay thế Hoàng trong cái sứ mạng làm hướng đạo cho “người đẹp”. Chứ biết sao!

Cuộc bàn giao diễn ra – rất tốt đẹp – ngay tại phòng khách lớn của khách sạn lúc tám giờ tối. Hoàng chia tay với Yên lúc mười một giờ, và tới phi trường vào đúng nửa đêm.

Mặc dầu Bangkok là một phi cảng lớn bậc nhất Đông Nam Á, và lúc này – tháng Bảy dương lịch – đang là mùa phỉm du, hành khách đợi các chuyến bay đêm cũng chỉ thưa thớt, khiến cho quang cảnh đột nhiên trở thành hiu hắt tiêu sơ. Gió lạnh như mùa thu Hà Nội. Và tưởng đâu có mưa bụi lất phất, hay mưa phùn dai dẳng từng đợt ly sầu. Không khí bỗng trầm xuống, màu sắc Đường thi tỏa ra, mỗi phút một thêm hư ảo. Hoàng thấy mơ hồ như có ai nhắc khẽ vào tai – hay vào tiềm thức? – mấy câu thơ đời Đường (của ai, không nhớ nữa!):

*Hàn vũ liên giang dạ nhập Ngô  
Bình minh tổng khách Sở con cô...*

Và, đúng như định luật về phản ứng dây chuyền, thơ đã gọi ra thơ... Một viên cuội nhỏ vừa ném xuống mặt ao trầm tư; một vòng tròn nhỏ hiện ra, phút giây sau hàng trăm ngàn chiếc vòng đồng tâm lần lượt hiện hữu, lớn dần, lớn dần... Mấy câu thơ trên đã tự xóa mờ trên cái dốc êm đềm của ký ức Hoàng, để được thay thế bằng những câu khác. Cứ thế... cho đến khi một hình ảnh vút bay

ra, tràn ngập cả câu thơ. Và những câu tốt số này ngưng đọng hẳn lại; như phía trước mặt, con dốc không còn nữa, nhường chỗ cho một âm hưởng hay một mùi hương man mác nào.

Hoàng nghe thấy chính mình ngâm lên, sương khói bay theo từng tiếng bằng tiếng trắc; và có lẽ là thơ trong kịch Tây Sương:

*Thi ông lão khứ Oanh Oanh tại,  
Công tử quy lai Yến Yến mang.*

Và ngay tức khắc, Hoàng ngâm luôn bốn câu phỏng dịch, tưởng như mình đã dịch sẵn từ bao giờ:

*Vương tôn có lúc hồi hương  
Thi nhân có lúc điểm sương mái đầu.  
Oanh còn tiếng hót giọt châu  
Yến còn ngơ ngác vòng sâu nắng mưa?*

\*

Thế rồi... lại yên vị trên phi cơ. Lại lơ đãng nhìn xuống... Nhưng chỉ là nhìn xuống cả một rừng đèn sáng rực đủ màu, xa dần như ảo ảnh, nhường chỗ cho đêm tối mênh mang.

Tiếng hót của Oanh cũng chìm theo, vòng sâu của Yến cũng liệng sâu mãi vào tiềm thức để cùng nổi lại trong đó giấc trường miên. Vọng Các – một đoàn đình bất ngờ – đã chỉ còn là kỷ niệm đối với Hoàng. Cái bóng lớn của thủ đô La Mã bắt đầu lấp ló rồi kia! La Mã, một trường đình có ghi sẵn chữ đâu phải bất ngờ như đoàn đình Vọng Các. Theo truyền thuyết Tây phương, thủ đô tráng lệ này phải là điểm tận cùng của mọi con đường; nhưng theo ý Hoàng lại khác hẳn.

Đó là khởi điểm của nhiều con đường, mặc dầu đối chiếu vào trường hợp của Hoàng, khởi điểm đó còn mang tính chất tất yếu và bất khả kháng nữa, chứ có phải Hoàng lựa chọn nó, hoặc tha thiết gì với nó đâu. Thật vậy, Hoàng không xuống La Mã không xong; nghĩa là không thể nào đến được nơi mình định đến, nếu chẳng ghé vào La Mã ít nhất ba hôm, ban ngày thì lo thủ tục nhập cảnh, ban đêm thì ngửa trông vòm sao du mục, tiên đoán một vài chuyện sắp

xảy ra, hoặc tiên liệu một vài thái độ thích nghi nào đó.

Ôi, trường đình La Mã, dầu sao ta cũng có chút duyên với mi! Sáu năm trước ta cùng mi sơ ngộ đúng nửa đêm; lần này thì đúng nửa đêm ta dờn bỏ Vọng Các, vượt muôn trùng gió mây để cùng mi tái ngộ. Không duyên mà thế sao?

Bởi vậy, ngay từ khi chưa vào tới không phận của Âu châu, Hoàng đã viết được trọn vẹn sáu giòng thơ mở đầu cho bài “Đêm vào La Mã”:

*Ai xưa mưa tạnh liền sông,  
Ta liền đêm rồi phiêu bồng đường bay.  
Gió sương đổ hết về đây,  
Phi trường La Mã khoác dày áo đêm.  
Vòng theo khoảng cách đôi kim  
Thời gian buông bắt trái tim giang hồ.*

...

Vòng kim thời gian đã vậy; chẳng biết có còn vòng Yên-bay-hoang nào nữa không, hồi kẻ độc hành mang nặng Nghiệp?

Sài Gòn, tháng Tám dương lịch 1971

(Ghi lại chuyến đi 1965)

Vót lại trần ai...

Khó mà quên được Tết năm đó, mỗi khi ngồi uống trà một mình.  
Không bắt buộc phải trà ướp sen. Quý hồ đợt khói trên miệng chén trà có hồn sen là đủ!

*Hồn sen thoảng ngát trà dâng đượm  
Ai biết mình sen rụng xác xơ... [1]*

Năm đó, phải chăng năm Quý Mùi, tây lịch 1943? Hoàng ăn Tết dưới mái gia đình, như thường lệ. Nhưng khác thường lệ ở chỗ ngay từ mùng Hai Tết, Hoàng đã lấy xe lửa di chuyển từ Nam Định lên Hà Nội, và có mặt giữa đám anh em làng Say rờn rã từ chiều mùng Hai cho đến hết tháng Giêng mới rã đám.

Chẳng hiểu vì lý do nào màu nhiệm, mà Tết năm ấy xem chừng bạn văn của Hoàng, anh nào cũng phong lưu cả. Không dám nói là tiền bạc như nước, nhưng cái khoản chi phối vào tửu quán ca trường thì ai cũng đủ sức chu biện cho ba ngày tròn là ít.

Thoạt tiên chỉ có bốn người, Hoàng cũng ở trong số ấy. Rồi sau bốn ngày, mỗi người lại tìm được ba người khác để tách rời ra khỏi nhóm nguyên thủy. Rồi cứ thế... cứ thế! Máy chóc mà chẳng bay vèo hết sạch cái “tháng ăn chơi”.

Tuổi Hoàng chưa đến ba mươi; chẳng cần mang kính màu hồng màu biếc, Hoàng cũng thấy cảnh trước mắt toàn hoa nở lá tươi, vừa đẹp vừa say như chén rượu Đào-viên-kết-nghĩa.

Huống hồ từ lâu nay Hoàng đã quyết mang vào thân cái nghiệp của một kẻ làm thơ viết kịch! Nên càng tin rằng cảnh trước mắt kia đang là “cảnh khói”, đúng như câu văn bất hủ của Lý Bạch:

“Dương xuân triệu ngã dĩ yên cảnh, Đại khối giả ngã dĩ văn chương”.

Cảnh xuân tại Hà đô mướt dịu như khói, mình được triệu thỉnh đến thưởng thức, không lẽ mình chối từ! Lại được trời đất kia cho vay tạm cái hồn văn trong một kiếp người, đâu lẽ mình để cho khối ngọc bị hoen mờ nơi bùn bụi trên các nẻo lợi danh! Có ngọc quý – dầu chỉ vay tạm trong thời hạn một trăm năm – tất phải đưa nó lên những đỉnh cao nhất của tình cảm để nó có dịp hội tụ được tối đa những tia sáng vạn năng từ đó bùng cháy lên ngọn lửa sáng tạo.

Các bạn văn bạn chơi của Hoàng dĩ nhiên cũng chung một ý nghĩ. Mà không thể sao được, khi bốn chung quanh, thời tiết đang mê hoặc mọi cảm quan, và miền ngoại ô Hà Nội đang biến dần thành giấc mơ những sự thật phũ phàng nhỏ mọn nhất.

*Ôi, mùa rét ngọt mưa bay rượu,  
Thành gấm thôn hoa mộng nở bùng!...*

Hoa thôn với Cẩm thành nào đây mà nghe như trong kịch Tây sương hoặc truyện Liêu trai chí dị? Không! Nơi đây chỉ là một ngã tư, trông lên phía Bắc là đô thành Hà Nội, nhìn xuống phía Nam là nối tiếp nhau từng thôn xóm có lũy tre xanh bao bọc. Còn hai ngã

kia thì một dẫn tới ngoại ô Bạch Mai và một đưa bước kẻ du hành qua vùng Láng, vòng sang Cầu Giấy, hồ Lãng Bạc, đường Cổ Ngư. Giống như hai cánh tay mở rộng ôm lấy cố đô Thăng Long. Ngã tư đó, nơi Hoàng họp bạn lúc bấy giờ – tháng Giêng năm Quý Mùi – chính là Ngã tư Sở.

Và câu chuyện phải bắt đầu từ nhà văn họ Lê, tác giả cuốn tiểu thuyết “Cánh sen trong bùn”. Người đã từng nổi danh trên văn đàn cũng như trong cái thế giới đặc biệt của khói men, của xên phách. Người giữ được tiếng tăm rất lâu, chứng minh được rằng ba chữ “sống để viết” có thể kéo theo chúng cả một định lý đảo: “viết để sống”; và chứng minh rất hùng hồn nữa kia! Người mà tuần báo Phong hóa đã giễu cợt bằng cách gọi đích danh để mắc theo vào một biệt hiệu dễ gây ngộ nhận: “Lê Văn Trương, huênh-hoang-tôn-ông”.

Phải! Cái dáng điệu hùng dũng như sắp “thanh gươm yên ngựa” đến nơi, cái giọng điệu “đao to búa lớn” vang dậy trong câu hỏi ngắn và sắc đi liền theo tiếng gọi như sấm nổ:

“Hoàng Say đại huynh, vi hành đâu đấy? Chẳng phải Lê Văn Trương thì còn ai!”

“Lê tôn ông đó ư? Tiểu đệ đang “lêu têu”, và sẵn sàng nghe lệnh”. Câu trả lời của Hoàng – có vẻ phờ phạc chèo đời với người khác – đã được Trương đón nhận như những lời nghiêm chỉnh nhất của một kẻ đồng điệu, một bạn tri âm. Và Trương quay về phía sau nói như quát:

“Anh em, sửa soạn nghênh tiếp Hoàng đại huynh nghe! Nói với chị Ba rằng chuyện gì cũng phải dẹp đi hết. Nếu cần, đuổi bọn tục khách ra đường! Khách quen cũng đuổi. Nhớ nhé! Bảo rằng lệnh của “anh”.

Lúc này Hoàng mới kịp nhận diện hai người bạn tháp tùng họ Lê. Tưởng ai xa lạ, chẳng hóa ra vẫn Hồng với Hiến, tả hữu mà cũng đồng thời là tâm phúc, là “anh em kết nghĩa vườn đào” với Trương. Nhưng Hoàng chưa kịp chào hỏi thì họ đã quay gót chạy vụt đi như một cơn gió.

Mà... mà... gió lên thật, mới thú chứ! Vì chỉ năm phút sau, hai người “anh em” đã hoàn tất sứ mạng, trở về phụng chỉ rất đàng

hoàng.

“Nào, xin mời đại huynh!”

Trương vừa nói vừa kéo mạnh tay Hoàng dắt đi, lại còn ngoái cổ dặn tả hữu:

“Hiển, về báo cho cả bọn nó biết rồi ra ngay. Còn Hồng, đi chu biện gấp. Hôm nay đại yến, phải một “quả cà” mới đủ được, nghe! Thêm một công “ngoại thủy” nữa cho đậm. Nhớ chứ?”

Rồi chẳng cần “hướng đạo quan”, Hoàng và Trương – oai vệ như hai bậc đế vương – từ xóm Vĩnh Hồ đổ xuống ngã tư, rồi rẽ tay trái. Lầu hao của Bạch Liên thư thư.

Đêm ấy họ Lê “hùng” lắm. Ăn nhiều, nói lớn, uống cũng khỏe và... mây khói đi về cũng tan tác Vu Sơn...

“Quả cà” do Hồng đem tới mới lợi hại làm sao! Ít khi Hoàng say đến thế. Tự hỏi: Không biết có phải là “cà độc dược” chẳng?

Con say “lơ mơ” kéo dài qua những cung bậc quen thuộc, đến độ rơi hẳn vào cõi “vô cùng thiên địa” lúc nào chẳng hay...

Kịp đến khi phân biệt nổi nhịp phách “Dừng” lú lú đổ theo cung đàn tuôn thác lũ xuống ghènh, và phảng phất nghe như rơi rụng từng hạt châu hiện thành tiếng:

*Xa... từ xa kinh nguyệt bấy lâu*

*Tâm dương đất trịch u... u... gởi sầu hôm mai.*

Thì mở mắt nhìn ra đã... “đông tây lặng ngắt”. Lê Tôn Ông, nhị vị Hồng, Hiển và cả bọn đã rút lui từ bao giờ.

Hoàng định thần một phút, toan ngồi dậy. Nhưng Bạch Liên đã dòn phách dứt câu, rồi đặt phách xuống, khoát tay cho nghỉ đàn, và thông thả tiến lại, nơi Hoàng cao ngạo...

Khoảng cách giữa hai cái sập gụ trải chiếu hoa chỉ vào khoảng ba thước rưỡi Tây, thế mà Hoàng có cảm giác nó dài như dãy núi nào ở miền Trung nước ta, hay con sông nào ở miền Nam nước Tàu.

Mới lạ chứ!

Hẳn là vì Hoàng nằm đối diện với chiếc gương lớn chạy dọc theo bức tường phía bên này. Trong khi, chênh chếch về phía bên kia, Bạch Liên đang hài tư nhẹ chuyền.

Mắt Hoàng dán vào gương. Như muốn giữ chặt lấy màu da vẻ tóc... Như muốn giữ luôn cả hơi hương tiết ra từ đàng sau nét son, cả những rung động truyền đi từ chiều sâu khốe hạnh của người đẹp... Con người bao năm trước, tháng trước, tuần trước, Hoàng chỉ thấy đẹp có một vài phần, đáng tin cũng chỉ một vài phần hay ít hơn nữa. Thế mà lúc này, giây phút này, Hoàng bỗng thấy đẹp cả mười, và đáng tin cả trăm ngàn ức triệu...

Giây phút quý báu thật. Lẽ nào không bắt nó ngưng lại, đứng hẳn lại! Nếu dòng thời gian chẳng thuận tình, thì tách nó ra khỏi thời gian. Bằng đủ mọi cách. Đủ mọi cách... Đủ mọi cách...

Và lần này, Hoàng mê đi khá lâu.

Trong cơn mê, hồn Thơ tỉnh táo hơn lúc nào hết. Vì khi thức giấc, đêm đã quá khuya, Hoàng phải khêu lại bắc để ghi vội tám câu lục bát vừa lặn vào tâm trí như một mùi hương nhẹ thoáng mà lần át cả “hương nâu”. Ghi vội kéo sáng mai quên hết mất. Lấy gì tạ lòng ai cho xứng đáng bằng?

Nhưng sáng hôm sau, chờ mãi chẳng thấy Bạch Liên xuất hiện.

Các em trong “Lầu hoa” đều không biết rõ “mợ” đi đâu và đến bao giờ mới về. Hoàng đành gửi lại tám câu đó:

*Gót sen vừa nở đã tàn  
Bóng gương chết lặn âm đàn phai theo  
Mùi hương sứ giả bay vèo  
Đẽ đâu tâm ý cùng gieo ngấn dài  
Chông chênh vắn lạc phách sai  
Lỡ nhau Bông trắng làm ai Thơ vàng  
Ôi, nàng... sen dòi lầu trang  
Đường tơ ai nối cho chàng say đây.*

\*

Băng đi đến cả tháng. Một hôm bất ngờ dậy sớm, Hoàng ra đứng ngoài bao lon nhìn xuống lòng đường. Con đường nhỏ hẹp của phố Hàng Đàn, chỗ sắp rẽ ra Hàng Quạt. Chừng chín giờ thì phải. Đường vắng hoe. Chợt thấy một chiếc xe nhà từ miệt Cửa Nam đi tới. Người kéo xe thả chậm bước, chừng như người ngồi xe đang muốn tìm nhà ai. Cứ thế, chiếc xe tiến dần về ngã ba Hàng Quạt.

Rồi... xe quay trở lại. Vừa lúc Hoàng nhận ra được Bạch Liên, bệ vệ như một “bà lớn”.

Tiếng Chu Ngọc vang lên sau lưng Hoàng:

“Chết cha! Cậu còn “kẻ râu” ở dưới ấy hả?”

Hoàng chột dạ, toan quay vào. Nhưng không kịp nữa. Bạch Liên đã nhanh mắt trông lên và nhận diện được cả hai gã rồi.

Tuy nhiên, căn gác này Hoàng và Ngọc bày ra bề bộn quá; chỗ thuê để tập kịch ấy mà! Đồ đạc có thứ nào vào với thứ nào đâu! Mời người đẹp lên thì bất tiện quá. Ấm chén cộc cạch, lại chẳng có gói trà nào ra hồn; chẳng lẽ mời khách lâu hoa uống nước theo kiểu dân lao động?

May sao lúc đó Hoàng đã đóng bộ được một nửa [2] . Nghĩa là chỉ cần xỏ giày, thắt cò-ra-vát nữa là xong. Liền vội vã xuống đường.

Ngọc còn dặn với theo:

“Chớ có mời lên đấy!”

Rõ khéo anh chàng Ngọc vô duyên! Đã để “người ta” lên cái ổ chuột này đâu mà mời với chẳng mời!

Hoàng nghĩ thế mà đúng. Vì xe dừng phía bên kia đường. Hoàng vượt sang hội diện.

Câu chuyện trao đổi rất nhanh. Vì Bạch Liên vẫn ngồi trên xe chứ không xuống...

Thế rồi xe lại “như bay trong cõi hồng trần” đưa nàng “trở gót trướng hoa”... Phổ xá lại vắng ngắt. Hoàng lại vượt qua đường, vào nhà, lên gác. Như không có chuyện gì xảy ra.

Mà... không có chuyện gì thực! Đâu phải Hoàng nói dối ai. Mùa xuân đã sắp ngả màu, thiên hạ đều vô sự. Cả cái sự “diễn kịch” của Ngọc và Hoàng. Ban Kịch Hà Nội vừa tái diễn hai vở Vân Muội (của Hoàng) và Cái tử chề (của Vũ Trọng Can) ở rạp Hàng Bạc.

Thuê căn gác phố Hàng Đàn này là để nghỉ xả hơi, và sửa soạn tập vở mới. Lần này định diễn một vở thoại kịch dài: Lệ chi viên (của Vi Huyền Đắc). Các vai đã phân phối đâu và đấy rồi. Hoàng Cầm sẽ thủ vai vua Lê; Lê Trọng Quỳ vai Nguyễn Trãi, được quá đi chứ! Vai Thị Lộ – cái đỉnh của vở kịch – thì đã thương lượng với cô Hạc Đình, ái nữ nhà thơ ngụ ngôn họ Bùi, thanh sắc gồm đủ, thế là nhất còn gì! Tuần sau mới bắt đầu tập. Vả lại tập thì tập chứ

Hoàng có ăn thua chút nào vào đấy đâu. Diễn viên, không! Đạo diễn, cũng không! Chạy hiệu, cũng không nốt! Thế thì Ngọc lấy quyền gì ngăn trở Hoàng. Người ta muốn đi đâu thì đi chứ. Kể cả đi theo tiếng gọi của... Bạch Liên, nữ chúa Mê Cung. Huống nữa, từ ba hôm nay, Hoàng cứ như người bị ma ám, lúc nào cũng gật gù lảm nhảm, ai kéo ra đường thì ra, đưa cơm rượu đến tay thì đỡ lấy ăn, uống, đưa thuốc đến miệng thì hút liên miên; chẳng cần biết mùi vị ra sao nữa. Và nhất là không cần biết ai trả tiền. Hoàng đang “làm thơ” đó! Bài hát Cuồng viết mới được một nửa. Mới đến những câu:

*Sao chiều xuống chênh song, hê, còn đau thân thế?*

*Còn tử bình sinh, hê, khi gió lên đầy trời?*

Ngọc sốt ruột quá. Ra đường đã mất công dẫn đi, lồi đi. Về đến nhà lại khổ cái lỗ tai vì phải nghe từng nhịp bách bộ quanh sân gác. “Thôi, cho ông mãnh xuống núi, càng đỡ mệt. Cũng chẳng đòi theo hấn làm gì!”. Ngọc nghĩ vậy là biết điều quá. Vì theo Hoàng thế nào được lần này!

\*

Xuống đến Ngã Tư Sở cuối giờ Ty, Bạch Liên chờ đã nóng lòng.

Ấy là nàng bảo thế, Hoàng có tin nổi thì cứ tin.

“Có chuyện gì mà triệu thỉnh gấp vậy? Để đến chiều tôi không được sao?”

“Chiều tôi lại là chuyện khác...”

“Thế còn chuyện này?”

“Cứ thông thả. Hãy lên gác đã nào!

Thì ra Bạch Liên không chịu bốn chữ trong câu thứ hai của bài thơ Hoàng gửi lại hôm tháng Giêng.

“Sao lại “... âm đàn phai theo”? Rất có thể Hoàng định nói những tiếng đàn đáy hòa theo nhịp phách. Nhưng lỡ thiên hạ làm tưởng đó là tiếng đàn của chính Liên? Mà... đàn của Liên thì... phai... thế nào được! Liên tin rằng nếu Hoàng lắng nghe – để hết tâm hồn mà nghe cơ! – Tất phải nhớ mãi. Bóng gương có thể chết lặng, như lời Hoàng viết, nhưng âm đàn thì chẳng bao giờ phai theo được, nhớ chưa?”

“À, ra thế, hôm nay Liên định “nối đường tơ” cho “chàng say” đó hẳn? Đã hỏi kỹ lại lòng mình, và lòng... người ta... chưa?”

“Làm gì có “người ta” nào vào đây! Đã bảo chuyện này khác kia mà!”

Lại cái điệp khúc “chuyện này khác!”. Nào thử xem nó khác ở chỗ nào, ranh giới có phải là Dòng-sông-nước-mắt chẳng?

Trước hết, căn gác này không phải căn gác Lê Văn Trương đưa Hoàng tới hôm đầu năm. Đây không phải “nhà hát”, mà chính ra là “phòng loan” của Bạch Liên thư thư. Chẳng có trống phách đèn đóm gì cả! Nhưng có khói trầm, có hoa tươi cắm trong bình, có trà mạn sen ngưng thắm màu trong những chiếc chén cổ, trà đãi “quý khách” do đích thân “bà chủ” pha mời...

Trên tường, một cây nguyệt cầm óng ả đang chờ tay ai với xuống. Khói trầm và khói trà đã như quyện lấy dây tơ, và hồn của con tằm đã muốn bật ra tiếng gọi tri kỷ.

Ánh mắt Hoàng chưa kịp thu về, Bạch Liên đã đứng dậy, trân trọng đỡ cây đàn xuống. Và rồi:

So dân dây Vũ dây Văn...

Khiến cho Hoàng có cảm giác như đang ngồi trên sân khấu, đóng vai trò Kim Trọng nơi Vườn Thúy, lắng nghe khúc Bạc mệnh của Kiều nương.

Hoàng vốn ít khi chịu nghe đàn của ai, mặc dầu ai đó là tay danh cầm thượng thặng. Nhưng lần này Hoàng đã chịu nghe, và nghe thật sự, chứ không phải lơ là chiếu lệ đâu. Vì Hoàng thấy rõ Bạch Liên chỉ đàn cho một mình Hoàng nghe thôi. Lại tha thiết đến độ phải thân hành đi triệu thỉnh để Hoàng chịu đến và chịu “lắng tai” cho. Khác hẳn trường hợp của Thúy Kiều, phải đợi chàng Kim van nài mới phô bày “tiện kỹ”:

*Đã lời dạy đến, dạy thì phải vâng.*

Cho nên Kim Trọng có thể quên được khúc Bạc mệnh, chứ Hoàng thì không bao giờ quên được tiếng đàn Bạch Liên. Đó là những “âm đàn” chẳng sao “phai” được trong ký ức Hoàng. Nghe chỉ một lần ấy cũng đủ cho bao kiếp trầm luân sau này. Không cần phải

nghe lại một lần nào khác nữa.

Bởi thế, khoảng nửa năm sau đó, ở nhà Chu Thị xóm Khâm Thiên, Nguyễn – lúc ấy đang là bác trai của nhà này – đã bị một phen ngạc nhiên không ít. Nguyễn cứ tưởng có Hoàng phải có Bạch Liên; và đã phái người đi mời cho kỳ được, lại yêu cầu mang cả nguyệt cầm theo. Đành rằng cũng nhân dịp đó, Hoàng viết được những câu:

*Mơ xanh đẳng vị thu già  
Sắt vàng chen, ngón tay ngà gió mưa.  
Chiều nay gọi nhớ chiều xưa...  
Nhưng thật ra cái dáng ngời:  
Lòng hoa nghiêng dáng cầm trắng  
Phím dây bừng thức cung Hằng áo xiêm...*

của Bạch Liên, Hoàng đã in sâu vào tâm khảm ngay từ buổi trưa hôm nào rồi. Cả những tiếng âm đàn gió mưa. Cả mùi hương sứ giả. Chỉ còn việc nâng niu chúng, đau khổ vì chúng, là chúng kết nụ và nở ra thành Thơ liền. Đâu cần đến Nguyễn và Chu Thị phải mỗi manh, thúc đẩy!

Thành ra Nguyễn tưởng chiều Hoàng lại suýt nữa bị Hoàng gây sự. Mà cái hận của Hoàng cũng vô nghĩa lắm cơ! Từ buổi “lắng tai Chung kỳ” tại xóm Ngã tư, Hoàng không muốn tiếng đàn của Bạch Liên bị lọt vào thính giác bất cứ ai nữa cả. Huống hồ lại phải tham dự cái cảnh “nghe đàn hội chợ” thì còn ức đến đâu! Nói ra không được càng ức, càng hận.

Nguyễn cứ phải vuốt mãi. Rồi khi tiệc tan, hoàng hôn xuống, Nguyễn rủ Hoàng lên Đông Hưng Viên, sau đó lang thang mãi đến khuya mới tạt qua Tự Hưng Lâu mua chim quay làm thức nhắm. Về đến Khâm Thiên, vừa nửa đêm. Bài thơ “Ý đàn” của Hoàng cũng hoàn tất, tổng cộng hai mươi bốn câu lục bát. Ngâm vang cả gian gác của Chu Thị. Nguyễn gọi một cô em trao cho cái sứ mạng đem bài thơ xuống nhà Bạch Liên tức khắc. Quả là chí tình với nhau! Lúc ấy Hoàng mới thật nguôi hận [3].

Nguyễn nhìn trong chiếc áo dài trắng, như biểu lộ hết cái tinh thần

của những kẻ đa tình mang lấy nghiệp “bác trai”, Hoàng đã bắt giác phá lên cười. Và ngâm lớn đoạn kết bài Qua áng hương trà, cũng vừa sáng tác, ngay sau khi Bài hát cuồng thành tựu:

*Nâng chén mời anh thưởng vị trà  
Đừng quên tán tác mấy đời hoa  
Cạn từng hớp nhỏ cho SEN đượm  
Vớt lại trần ai một chút ta.*

Sài Gòn 1971

Người xưa giờ đâu?

Phi la đới lệ, Tam lư thị cảm nhi vi Tao. Ngưu quỷ sà thần, Trường thảo lang ngâm nhi thành tích.

Câu văn biền ngẫu trên đây của Bồ Tùng Linh, nhiều người đã dịch Nôm, nhưng Tản Đà dịch hay nhất. Thú vị nhất.

“Đai cây áo lá, họ Tam lư ngồi cảm viết văn Tao. Thần rắn ma trâu, cậu Dài móng ngâm nga thành bệnh Nghiện”.

Hay thật! Thú vị thật! Ít ra là “hay”, là “thú” riêng với hai đứa tôi: Thứ lang họ Đinh, và Hoàng lang họ Vũ.

Lý do: Một đứa mang bệnh kinh niên ở con Tỳ, một đứa cũng từ thuở học trò mang bệnh nơi con Tâm, rồi dần dần cả hai cùng tiến vào hành lang ma quái để cùng rước lấy một chứng bệnh chung: bệnh của “Cậu Dài móng”!

Đồng bệnh tương liên, đã hẳn rồi. Nhưng việc đời bói rồi quá, gặp nhau rất ít, thật sự vui cười lại càng hiếm. Có thể đếm trên đầu ngón – mà chưa chắc đã sang được bàn tay thứ hai – những lần họ Đinh hoàn toàn cởi mở với bạn.

Thế mà hôm ấy – cũng chẳng nhớ rõ hôm nào, ở ngõ hẻm nào của Sài Gòn – họ Đinh đã cười một trận mê tơi, cười khoái trá, cười thích thú... như vừa đạt được cái điều mong mỏi ngộ nghĩnh nhất đời mình.

Hôm ấy, nhân bàn phiếm về các nhân vật của sông Vị non Côi – thời sông này chưa bị lấp và non kia chưa bị án ngữ bởi con đường sắt cùng Ga Núi Gôi – chủ nhân họ Vũ thao thao bất tuyệt: “Thiên

hạ kỳ quá! Họ tưởng đâu làng Vị Xuyên chỉ có ông Tú Xương. Người học rộng hơn chút thì chỉ biết thêm được ông Tam nguyên Trần Hy Tăng là cùng. Danh sĩ Vị Xuyên, trong mắt ngu huynh, còn một người nữa, đáng lẽ thiên hạ phải đặt lên trên cả hai người kia, nếu quả thật không lấy cái chuyện “có tên trong văn học sử” làm vinh – như thiên hạ đời nay! – hoặc lấy cái chuyện “kim bảng đề danh” làm thước tắc khuôn mẫu cho văn tài – như thiên hạ đời trước! – Nói thế, đâu phải ngu huynh ác cảm gì với ông Tú Xương hoặc ông Tam nguyên Trần. Không! Trái lại là khác! Ngu huynh chỉ cốt nhấn mạnh ở điểm: danh sĩ “thần tượng” của ngu huynh chẳng liên quan gì tới văn học sử, mà cũng chẳng hề lưu lại tính danh trên bất cứ một bảng nào – bảng vàng, bảng hồ, hay bảng mai đi nữa!”

Họ Đình nằm lim dim, vội tán thành ngay, giữa hai đợt khói ngát: “Đúng! Tại sao cứ hẹp hòi quanh quẩn mãi trong cái vòng mê cờ ấy nhỉ? Đã đành ông Tam nguyên là bậc có khí tiết, ông Tú Xương là tay trào phúng cừ khôi, nhưng thảo đã anh hùng, ta cũng phải kể đến chứ! Thế... thế... “đệ tam nhân” của Vũ là ai nào?”

“Là cậu Ba, em vợ ông Tam nguyên, vừa nói trên đó!”

“VẬY HẢ?”

“Mà ông anh rề lừng lấy tiếng tăm kia lại phải hạ bút viết vào cuốn thơ của ông em vợ mình hàng chục lần những chữ “Hy Tăng bái phục, bái phục” mới là tuyệt chứ!”

“Thử đọc bài trong tập ấy coi! Xem có “bái phục” thật không. Hay chỉ là ông Tam nguyên muốn đẹp ý lão bà nên đã quá lời tâng bốc “cậu nó” đấy?”

Vũ trầm ngâm, không đáp. Rồi chăm chú khêu lại ngọn đèn. Rồi nằm xuống... theo đúng thế nằm “cao ngọ”. Nhiên hậu mới cao ngâm:

*Mỗi đam yên xúy bị nhân trào,  
Vạn khổ thiên tàn bất kháng phao,  
Tọa áp sàng đầu nga dẫn cảnh,  
Phân lại chương thượng yển quy sào.  
Thủ tiêm đã toái phương thành khối.*

*Tân địch xuy can thủy hợp đao.  
Mao ốc bán thiêm đẳng nhất chản.  
Kê minh phong vũ thoại cùng giao.*

Tiếng ngâm của Vũ chưa dứt, Thử lang đã phá lên cười, chảy cả nước mắt. Rồi đang nằm ở phía bên kia ngọn đèn bỗng ngồi bật dậy, tự thưởng một chén trà Thiết la hán. Rồi... kéo chiếc điều lại gần:

“Thú thật đệ chỉ lỗ mỗ về Hán tự thôi, nhưng bài thơ này có “thần” đến cực điểm, cho nên vì lẽ “thần giao” đệ mới “trực cảm” một cách thâm thía đến vậy chứ”.

Rít một hơi thuốc lào xong, họ Đình lại tiếp:

“Uổng quá! Nếu địch nôm được mà “ngâm Tao đàn” thì hay biết bao!”.

Vũ từ nãy giờ chưa phát ngôn, vội ngồi nhòm dậy:

“Có địch chứ sao không! Nhưng đọc nghe chơi thôi đấy nhé! Chớ có mà “ngâm Tao đàn”. Thơ là Ngọc, đồng ý; nhưng Ngọc này kỳ nhiều thứ lắm, đem ra bày giữa chợ, đâu được!”.

“Ừ thì nghe chơi thôi. Đọc đi!”

“Khoan! Còn điều kiện thứ hai nữa: phải nằm xuống cái đã, rồi hãy ngâm, hãy nghe”.

Và đây, bản dịch nôm của Vũ:

*Mặc chúng cười, say vẫn cứ say.  
Quản gì trăm đẳng với ngàn cay!  
Trao tiền, ngông cổ cò bên sập!  
Vơ thuốc, tung mình én tới mây.  
Sái phải hà hơi khô quắt ruột,  
Tiêm cho thành điều mỗi rừ tay.  
Nửa thêm mưa gió đèn leo lét  
Chuyện văn canh gà bạn khó đây.*

Lại một cơn cười dài, đến rung chuyển cả tinh dầu... Hoa đèn cũng rung theo, như giễu cuộc “thông cảm” trái thường lệ đó, một cuộc thông cảm âm ỉ nhất thế gian.

Rồi Đình nhìn Vũ bắt nọn: “Dịch ‘thơ tri kỷ’ không thể chỉ dịch một bài. Hẳn còn nhiều bài khác mà huynh giấu đệ?”.

“Chịu thầy, chịu thầy! Nhưng chỉ sợ dịch không lột được tinh thần của nguyên tác, thì mang tội thất kinh với tiền nhân. Tâm huyết của người ta mà! Kể cả thơ ngâm vịnh!”

“Thì một bài nữa thôi vậy. Ngâm hoa vịnh nguyệt cũng được đi!”

“À, có bài thơ Vịnh hoa cúc”.

“Hay! Hay lắm! Hoa đèn vừa kết thì hoa cúc đến ngay, đồng khí tương cầu có khác! Nào, ta thử “tái đáo Thiên thai phỏng ngọc...” xem sao! Đâu phải ai cũng xấu số như hai chàng Lưu, Nguyễn!”

“Đành thế rồi. Nhưng bản động chủ xin mời khách hãy “tái cao ngọa” cái đã! Thơ ở đây không có lệ ngồi nghe, ngồi ngâm!

Thời gian lại qua đi, bóng chiều bắt đầu vẽ trứng gà trên vách ván, chủ nhân họ Vũ mới ngâm bài thơ thứ hai.

Thơ rằng:

*Khai hướng thu thiên phẩm dị thường  
Như hà Đào kinh nhất thời hoang?  
Tần giao tùng bách cô lãng tuyết  
Tòng thử sơn hà chỉ kiến sương.  
Nhất khứ đôn giao không Lão phó  
Trùng phùng ưng nghĩ hự Trùng dương.  
Cận lai tiêu tức tri hà tự;  
Đa thiếu tinh thần phó Túy hương.*

Và dịch rằng:

*Phẩm vượt trời thu đáng tiếc thay  
Một phen Đào lệnh để hoa gầy!  
Non sông từ đó mờ hơi rét  
Tùng bách tha hồ được tiếng hay.  
Ngơ ngác Cố viên đời ngóng hão,  
Lân la Trùng cửu chuyện cầu may.  
Nghe như đã tối nào trăng sáng,  
Trút cả hồn thơm cho nước say.*

Bài dịch Nôm thứ hai vừa đọc dứt, thì khói xanh cũng tràn ngập gian phòng, xóa luôn cả mấy chục chiếc “trứng gà” trên vách. Họ Đình thở dài. Chủ khách cũng im lặng. Đột nhiên cả hai cùng nhìn nhau, và nhìn về phía ngoài trời đen kịt bóng tối. Đưa khách ra đầu con ngõ hẻm, Vũ còn đọc thêm hai câu thơ của bậc danh sĩ tiền bối kia, người đáng được sắc phong là “Cậu Dài móng can đảm nhất”. Vâng, chỉ can đảm thôi! Vì nói đến tâm huyết, khí phách, thì cậu đã có thừa! Con ông Nghè Vị Xuyên mà nghèo nhất tỉnh Nam, thế cũng đủ biết! Hai câu thơ như sau:

*Giang sơn nhập dạ trùng vi chính  
Thiên địa phi thu thụ hữu thanh.*

Và dưới đây là Vũ tạm dịch:

*Sâu bọ nắm quyền, lâu mới sáng;  
Cỏ cây khóc hận, cứ gì thu!*

Chỉ mười bốn chữ thôi mà như vẽ ra “cái thuở ban đầu Pháp thuộc”, khi mà ông Tam nguyên Vị Xuyên đã thà chết không đi sứ Tây, cũng khi mà ông Tú Vị Xuyên mới chập chững vác lều đến cổng trường thi Nam Định.

Tuy nhiên, đó chỉ là ý nghĩ thâm kín của Vũ. Chứ còn Đình Thứ lang thì đã lê gót ra khỏi ngõ, hồn mộng bay tới tận nơi nào rồi, thời gian và không gian đều bất chấp.

### **Chú thích:**

[1]Trích bài "Qua ánh hương trà" (trong tập Mây, Hà Nội, 1943).

[2]Trích "Bài hát cuồng" (cũng trong tập Mây).

[3]Trích bài Ý đàn , mãi sau mới in vào tập Hoa đăng (Sài Gòn 1959).

## Ta đã làm chi đời ta

### Nhất Thống tiên sinh

Viết xong bài “Người xưa giờ đâu?”, nằm đọc lại dưới ngọn đèn tàn không đủ sức tỏa chiếu, tôi chợt xúc động triền miên, không tự ngăn nổi, hai giòong dư lệ.

Tôi vừa nghĩ đến người con trai độc nhất của “Cậu Ba Vị Xuyên”, người mang tên Thống – mà tôi đã từng gán cho mỹ hiệu: Nhất Thống tiên sinh – cũng là một người “nghèo nhất thiên hạ”, như Cậu Ba trước kia; và ngay từ thuở còn học trường tiểu học tỉnh Nam tôi đã coi là một “vong niên tri kỷ”.

Chính bậc “vong niên tri kỷ” này đã khuyến khích tôi trên bước đường sáng tác; và ngay khi tập Thơ say của tôi được ấn hành (1940), đã tìm đến tặng tôi một chiếc quạt trên có đề thơ. Nét bút nặng trịch u hoài, quần quai như cả một thân thể không lối thoát; nét bút ấy, tôi không lạ lòng gì cho lắm; nhưng bài thơ đề trên quạt đã khiến tôi vô cùng ngạc nhiên. Thế ra lần này Nhất Thống tiên sinh “phá cựu lệ”? Cũng hạ bút, cũng sáng tác như ai?

Nguyên ủy là tiên sinh vẫn thường tuyên bố: “Tôi là con của một danh sĩ, như thế đủ rồi. Cần chi đến tôi phải làm thơ! Mà thí dụ tôi có gắng làm đi nữa, thì thơ ấy cũng chỉ là những cái bóng mờ, những tiếng vang yếu ớt của thơ cha tôi mà thôi. Muốn gặp tiên, phải vào sâu tận cuối hang chứ! Sao lại quanh quẩn nơi dòng suối gấm, rừng hoa đào làm chi!”.

Ấy thế mà hôm nay tiên sinh lại vẽ ra cho tôi thưởng thức cả một giòong suối rừng hoa... Tôi không ngạc nhiên sao được!

Sáng tác của tiên sinh như sau:

*Hành ca cổ phúc cánh xương cuông  
Không tác ngang tàng nhất túy vương.  
Trần ai chân vật sắc  
Thiên địa nhất không nang*

*Cần khôn phiêu diêu  
Hồ hải thương mang.  
Phong vũ chi Lưu Lang đặc cú  
Đẳng lâm chi Đỗ Mục tha hương.  
Học cổ nhân phong lưu mộng trung chi túy hê hà thương!*  
\*

Ngay tại trận, tôi đã có bài “dịch nguyên điệu” và đúng cả số câu số chữ, như sau:

*Hát ngao vô bụng khoái con cuồng,  
Làm cái “Không-làm”... Một túy vương!  
Đất trời kia: túi rỗng!  
Cát bụi này: kim cương!  
Trước sau mù mịt  
Rừng biển đầm hang...  
Mưa gió chàng Lưu thơ lất phất  
Quê người Đỗ mục rượu lang thang.  
Học cổ nhân có hê chi mà!... dòng Say ta đi hoang.*  
\*

Cộng tất cả năm mươi tám chữ, chia làm chín câu. Bài dịch này, Nhất Thống tiên sinh khen là có “phong cốt” lắm. Nhưng ngâm đi ngâm lại hàng chục lượt, qua đến mấy tuần trà và mấy phen ngồi dậy khêu đèn sửa bậc, tiên sinh bỗng cười lớn, vung tay:

“Đã thế, tội gì anh tôn trọng nguyên điệu! Cứ phóng bút rồi nó muốn ra điệu gì thì ra, mấy câu thì mấy chữ, cần gì nào!”.

Tôi chịu quá. Nhưng “hứng bất khả ép”, đành để dịp khác thôi. Kéo rồi lại đường cùng, phải khóc mà quay về như Nguyễn Tịch, thì mất cả thú!...

Cái “dịp khác” này, phải 8 năm sau mới chịu lững thững lê gót đến. Mà lúc đó, giang sơn đã đổi chủ, đào kép đã thay tuồng; Nhất Thống tiên sinh và tôi đã trở thành “dân tản cư, dân chạy loạn”.

Dầu sao cũng vẫn còn chút phong độ cuối mùa: trà vẫn pha, đèn vẫn thấp, và khói thơm vẫn tỏa rộng, bất chấp ngọn lửa chiến cuộc đang bùng cháy từ Hà Nội lan ra.

Và cuối cùng thì “hứng thơ” lại nổi dậy, tôi hoàn thành bản phóng dịch bài “Hành ca cổ phúc...” như sau:

*Vỗ cái trống bưng  
Ta nằm ta ca.  
Rằng điên cũng đúng  
Rằng ngóng cũng là!  
Ngang tàng giữa cõi người ta  
Một Vua Say... Máy ai mà, ngàn xưa?  
Đất trời: túi rỗng.  
Ngày đêm: bụi nhơ.  
Ngọc vùi đáy động  
Cần chi bến bờ!  
Trùng lai mưa gió thành thơ  
Mười năm gánh rượu say mờ cổ viên...  
Học theo người trước  
Say thánh say hiền,  
Phát phơ lan nhược  
Say “tĩnh” say “yên”.  
Và say vang bóng thuyền duyên  
Say luôn cả cái “hư huyền”... đã sao?*

Nghe tôi đọc xong, Nhất Thống tiên sinh vỗ đùi tán thưởng:  
“Ừ, đã sao? Hỏi rằng đã sao nào? Say luôn cả cái Hư huyền đi... cũng được lắm chứ!”.

Rồi đột nhiên tôi cảm thấy giọng nói giọng cười của tiên sinh có chút gì lạnh lẽo ghê rợn. Lửa trong hỏa lò đã vạc dần. Lửa trên ngọn bấc cũng nhạt nhòa tê tái, như có sương mù vây quanh. May sao, một tiếng chuột rút phá tan bầu không khí nặng nề. Tôi cười giọng, buông một câu nửa an ủi, nửa cợt đùa:

“Ông sắp giàu rồi, lo gì! Có điềm báo trước đấy”.

Tiên sinh không trả lời, nhưng vẻ mặt đang lạnh như mồ hoang bỗng đổi ra trịnh trọng, cầu khẩn:

“Anh còn trẻ, duyên nợ với thơ còn dài. Mong anh đừng quên nhau. Và cũng mong anh nhớ cho cái việc tôi nhờ anh... từ lâu lắm

rồi thì phải!”.

“À... Bài thơ đó hử? Đệ không quên đâu, nhưng khó dịch quá, vận dụng chữ nghĩa không nổi? Nhất là hai câu tam tứ và câu cuối cùng”.

“Thế là tôi chẳng bao giờ được nghe chứ gì? Đáng hận thật!”

“Ồ hay! Chẳng bây giờ thì tháng sau, năm sau. Thế nào ông cũng được thưởng thức cái tài “dịch liêu lĩnh bất chấp” của tôi mà!”.

“Làm gì có tháng sau, chứ đừng nói năm sau nữa! Tôi chỉ còn mấy ngày trước mặt thôi. Nhưng... cũng chả sao! Miễn đừng quên nhau là được. Và nhớ cho rằng bài thơ ấy, tôi đã chỉ đọc riêng anh nghe thôi, và anh sẽ vì tôi mà chuyển sang Quốc âm, được câu nào hay câu đó. Dầu tôi về nằm sâu dưới đất, tôi cũng vẫn lắng tai”.

“Cụ Hoàng Giáp Mai Sơn...”

“... Nguyễn Thượng Hiền”.

“Vâng, cụ Nguyễn Thượng Hiền đối với lệnh tôn thật là chí tình. Chả biết sau khi lệnh tôn đã nằm xuống, và cụ Nguyễn đã lang thang nơi hải ngoại hoạt động cho cách mạng, có lần nào cụ nhớ đến thơ, đến bạn thơ xưa, để ngâm lại bài phúng điệu lâm ly ấy không nhỉ?”.

“Điều đó tôi không biết. Nhưng có điều tôi tin chắc rằng khi cụ Nguyễn vẩy rượu quanh mộ và đọc bài thơ phúng điệu kia, thân phụ tôi nằm dưới đất đã nghe không sót một chữ... Cũng như rồi đây tôi về hầu cạnh người, tôi vẫn còn đợi bản dịch của anh”.

Tôi bàng hoàng. Và xúc động tới run rẩy. Nên không dám ngồi lâu nữa. Tưởng chừng như nói xong lời trần trối này, Nhất Thống tiên sinh sẽ ngã gục bên ngọn đèn tàn, chẳng bao giờ tỉnh dậy.

Bài thơ Hán tự của cụ Hoàng Giáp Mai Sơn, viết từ đời Thành Thái, như sau đây:

*Tiên huyết lâm ly sái chỉ hồng  
Thanh sơn nan trắc hải nan cùng.  
Thịnh Đường cảnh giới khai toàn Việt  
Lão Đỗ môn đình kiến thử ông.  
Thiên cổ hữu nhân đồng loại tửu  
Tiền đồ vô lực thất truy phong.*

*Cánh kham hướng bích trường vi phúng  
Nhiều thất quân sồ ngữ vị công.*

Và sau, tôi dịch Quốc âm, cũng gieo vần ở câu Phá:

*Lệ nhỏ đầy trang máu thấm hồng  
Non xanh dằng dặc biển mênh mông.  
Thơ Đường cỗi Việt đang vừa thịnh  
Lão Đỗ thời nay chỉ có ông.  
Mả lạnh đây còn hương loại tửu  
Dặm trường đâu nữa sức truy phong?  
Khóc ai những muốn quay vào vách  
Bập bẹ đàn em mới vỡ lòng!*

Lẽ dĩ nhiên tôi chỉ dịch để mà dịch, chứ còn Nhất Thống tiên sinh thì sau lần gặp ấy, có bao giờ tôi được tái ngộ nữa đâu.  
Sài Gòn, 1971

Sao lại thế được?

Cách đây hai mươi năm, ngay khi vào làng văn để nhận lấy cái nghiệp dĩ của những người cầm bút, tôi đã nghe đại danh ông tú Phan Khôi, như sấm dậy vang tai. Nhưng phải đến năm Bính Tuất (1946) tôi mới có dịp cùng tiên sinh hạnh ngộ. Buổi nhất kiến thật đã như định trước bởi duyên trời.

Hôm đó, tiết cuối thu... Cái lạnh của miền Bắc đã thấm vào lòng một gã ưa thú hợp bạn ngâm vãn. Chịu không nổi nữa, tôi bèn lấy một chuyến xe lửa mà “giang hồ vật” từ Nam Định lên Hà Nội. Cho được tự cỡi mở tuềnh toàng theo đà cuồng hứng. Cho được sống hẳn vào nhịp sống vừa tao nhã vừa sôi nổi của đất ngàn năm văn vật, của hồ Trúc sông Hồng.

Bước xuống ga Hàng Cỏ, tôi về trụ sở Ban Kịch Đông Phương. Ở đây, tôi được tin các văn hữu Kinh kỳ đang chào đón một số anh em từ miền Trung miền Nam mới ra. Tôi lấy làm tiếc lắm. Vì buổi họp bắt đầu những từ năm giờ chiều. Vậy mà lúc tôi đặt chân vào vỉa hè Hàng Lọng thì ba mươi sáu phố phường đã nhất tề khai

đăng.

Ngồi mạn đàm với họa sĩ Hoàng Tích Chù và nữ kịch sĩ Tuyết Khanh, câu chuyện nghệ thuật chưa đi hết một tuần trà, tôi đã thấy lừng lững hiện lên từ cầu thang gác cái mũi khoằm khoằm rất cá biệt của anh bạn họ Nguyễn. Dáng điệu bí mật, anh trịnh trọng tuyên bố: “Xin lỗi toàn thể Ban Kịch, tôi có chút việc riêng, cần phải mượn tạm Vũ quân đây...”.

Cả bọn phá lên cười: “Bất phương! Bất phương! Cứ mượn dài hạn đi cũng được, ông Tuân ạ!”.

Thế là tôi cùng Nguyễn Tuân vội vã ra đường.

“Này! Ông Phan Khôi muốn gặp anh đó! Mà gặp ngay tức khắc kia! Đi chứ?”.

Rồi không đợi tôi trả lời, anh vẫy luôn một chiếc xe kéo, ra lệnh cho “cọp” lồng thẳng xuống bãi Phúc Xá, nơi “ngự trị” của tác giả bài “Nhớ rừng”.

Quả nhiên ông Phan đang có ý trông đợi! Cái phút nhìn mặt cầm tay đã hào hứng phi thường. Lần thứ nhất tôi cùng Phan Khôi hạnh ngộ.

Chiều hôm sau, thấy tôi ngỏ lời cáo biệt, tiên sinh trầm ngâm nửa khắc, rồi bảo: “Được, hai ta sẽ cũng đi”.

Tôi cười thâm tự nhủ: “Gió đã lên!”. Và, bắt chước kiểu Nguyễn “mượn tạm” tôi ở Ban Kịch Đông Phương, tôi cũng chỉnh lại áo khăn, trịnh trọng xin phép Ban Kịch Thế Lữ cho “mượn tạm” ông Tú Khôi ít bữa.

Một già một trẻ, thẳng đường về bên Vĩ non Côi... Và, trong căn gác xép ở bờ sông, dài như cái ống, tối như cái “hũ Xuân Thu”, tôi đã tiếp chuyện Phan tiên sinh hai ngày tròn với hai đêm trắng; toàn chuyện văn chương cả, mà quái thay, dứt không ra nữa thôi!

Nguyên do: Buổi liên hoan tại Hà Nội, kịch sĩ Hoàng Cầm được ban tổ chức đề cử ra ngâm mấy bài thơ gọi là để thắt chặt mối duyên văn nghệ Nam Bắc. Tình cờ trong số bốn bài ấy lại có một bài của tôi. Bài ca sông Dịch đó vậy! Thai nghén từ 1940, nó đã bị Ban Kịch Thế Lữ thúc đẩy bằng “đủ mọi phương tiện” để ra chào đời năm 1943, cốt mượn dùng làm khai tử cho vở kịch Kinh Kha của Vi Huyền Đắc. Rồi chuyện này, chính nó đã khiến ông Phan

Khôi “thú” tác giả và nóng lòng muốn gặp mặt ngay...

Ấy là ông bảo thế! Chứ riêng phần tác giả, thì phải hiểu rằng người ta “thú” đây là “thú” cái tinh thần hào hiệp của anh chàng giết hụt Tần bạo chúa ở Hàm Dương kia!

Ồ! Hiểu cách nào thì hiểu! Mặc ý tác giả! Điều ấy bất túc luận.

Nhưng can hệ là cái cử chỉ kia đã nói lên những gì về “con người của ông Phan Khôi”?

Thiết tưởng nó đã nói lên đủ lắm!

“Còn chưa đủ ư? Thì đây: suốt hai ngày đêm, trong cái dài dằng dặc và cái tối mò mò của “gác ống”, phố Bờ sông, Phan Khôi đã cao đàm hùng biện, hứng khởi thao thao, giọng sắc bén như chém đinh chặt sắt. Ông căm thù bạo lực, ông phản kháng độc tài, ông lên án mọi hình thức dân chủ giả hiệu. Ông có thừa phong độ cốt cách của một nho sĩ ngang tàng bất khuất, cộng thêm vào cái kiến thức sâu rộng của một tay lịch lãm giang hồ. Lắm lúc ông nói như gào như quát, sang sảng lạnh người.

“Không thể được! Sao lại thế được? Văn nghệ phải là văn nghệ!

Thiếu tự do, thà ném bút đi! Cầm lấy một mũi nhọn khác!”.

Phải chăng hào khí Kinh Kha đã nhập vào con người thâm trầm quốc thức này? – Không! Tôi tin rằng lòng phần nộ của Phan Khôi có thể bốc lên cao hơn và mãnh liệt hơn cái oán khí cầu vồng trắng xuyên mặt trời của kẻ “một đi” trên bến Dịch.

Con người ấy! Buổi hạnh ngộ ấy! Tôi mà quên được ư? Và năm ấy, tôi còn nhớ là năm 1946! Triều Nguyễn chấm dứt vừa đúng mười ba tháng trời.

Sau đó ít lâu... Khói lửa bùng lên từ Hải Phòng, từ Hà Nội... và lan tràn khắp các thị trấn trung châu. Tôi vâng lệnh huyền đường tạm dời về miền duyên hải. Ngày dài đằng đẵng, hết xuân rồi lại thu... Lòng nhớ bè bạn làng văn càng như thiêu như đốt. Bỗng một hôm, tôi nhận được từ Thái Nguyên gửi về không phải một lá thăm buông theo giòng nước biếc, nhưng một lá thư trao theo kiểu chim xanh...

Ngoài phong bì, chỉ có hai dòng: Vũ Hoàng Chương, Nam Định.

Và bên trong vền vẹn một bài luật thi với chữ ký: Phan Khôi.

Thật không sao kể xiết được những cảm xúc của tôi phút bấy giờ!

Cảm xúc đến suýt quên rằng thư này chưa chắc tôi đã là người đầu tiên mở ra đọc. Thư rằng:

*Ngừng tim lặng óc bật giòng tình  
Tai mắt như không phải của mình  
Thấy dưới ánh trăng muôn khúc nhạc  
Nghe trong tiếng ếch một màu xanh  
Suối tiên đắm đuối bao cho chán  
Khỏi mộng vờn mơn mãi chẳng thành  
Thú ấy từ lâu không có nữa.  
Ngủ say thức tỉnh, dậy buồn tên.*

Ôi! Câu phá đề sao ghen ngào u uất đến thế? Cả một giòng máu bị thắt nút đang sôi sục phá phách đòi tự do! Rất sẵn sàng vì tự do mà “lưu huyết”. Câu thừa đề mới lại mĩa mai nào ruột đến đâu! Tai mắt còn “không phải của mình”, hỡi ngọn bút cầm ở tay có thể nào “của mình” được nữa chứ?

Nghe thấy màu, trông thấy nhạc, tai mắt loạn rồi ư? Mà không “loạn” sao được? “Không phải của mình” kia mà! Đến như “Suối tiên đắm đuối, khỏi mộng vờn mơn”, niềm khao khát tự do quả đã tuôn tràn đê trữu khắp trang giấy.

Ồ! Hiển nhiên lắm rồi! Vì đây là hai câu kết:

*Thú ấy từ lâu không có nữa...  
Ngủ say thức tỉnh, dậy buồn tên.*

“Thú ấy” là thú nào? Nếu không phải cái thú tự do mà con người văn nghệ quyết tranh đấu cho kỳ được, nắm giữ lấy như tính mạng, hơn cả tính mạng có khi!

Thế mà “từ lâu...”. Trời hỡi! Niềm cảm xúc dâng cao. Tôi nằm dưới một túp lều tranh tại phủ lý Xuân Trường, ngâm đi ngâm lại bài thơ của Phan tiên sinh, mà cả một tâm sự đột nhiên được cởi tung mở phất. Một tiếng xướng phải có muôn tiếng họa! Lẽ nào trong muôn tiếng họa ấy lại thiếu tiếng họa của một kẻ từng vui nhận lấy văn chương làm nghiệp dĩ hay sao?

Cho nên tôi đã họa nguyên văn bài luật thi của Phan tiên sinh và đã gửi đi tức khắc. Tính ông Phan nóng như lửa, nếu giữa khoảng tiếng xướng tiếng họa mà im lặng đến hai mươi bốn giờ, ấy là tôi đã đắc tội với bậc vong niên tri kỷ lắm rồi đó!

Bài họa văn như sau:

*Trời vô tâm quá, đất vô tình...  
Biết gửi vào đâu cái “chính mình”?  
Tiếng ếch đã trù lên tiếng sóng  
Màu đen lại ngả xuống màu xanh.  
Uổng cho thơ dẫu bày trăm trận  
Ngán nhẽ sâu khôn phá một thành.  
Tưởng tới nguồn Đào thôi lại tiếc!  
Con thuyền đêm ấy nhẹ tênh tênh.*

Thơ trao đi, lòng còn thắt mắc. Cho đến mãi giờ phút này!  
Không biết hồi đó Phan tiên sinh có tiếp nhận được chăng? Mà từ đây biệt vô âm tín...

Đại Ân am không

Buổi gặp đầu tiên với tác giả bài Thăng Long hành đã diễn ra không ở nơi nào khác mà ở ngay nơi “ngàn năm văn vật đất Thăng Long”; giữ vai trò liên lạc cũng chẳng phải người nào khác mà chính là người chủ trương nhà xuất bản Thăng Long. Kỳ diệu thay! Duyên hàn mặc, ai dám bảo không trên đá ba sinh ghi sẵn? Thuở ấy... chừng như mùa thu. Và thế kỷ hai mươi vừa đứng bóng thì phải. Thật ra cái bóng ấy đã nhích đôi chút về phía bên này, nghĩa là vào khoảng 1952, 1953... chi đó! Nhưng nếu đọc tới đây, một số thân hữu của tôi có bất chợt nổi hứng vỗ án mà ngâm lại hai câu thơ:

*Lưng chừng thế kỷ thứ hai mươi [1]  
Khoảng giữa mùa thu đẹp tuyệt vời...*

thì vẫn cứ được đi! Không ai bắt uống rượu phạt! Lâm ngay lộn

tháng, sai trật khoảng mười năm trở lại, đâu có ăn nhằm gì!...  
Vâng. Anh bạn Vũ Minh Thiều, giám đốc Thăng Long xuất bản  
cục khoảng 1952, 1953 đã hướng dẫn thi sĩ Đông Hồ đến tìm tôi, ở  
tận ngõ hẻm kề cận Đài Khuê Văn, giữa một vùng cỏ áy nước ao  
tù, phảng phất mùi ẩm mốc tỏa ra từ rừng bia Tiến sĩ. Nơi mà:

*Sư biểu muôn đời nền tịch mịch  
Cung tường trăm ngọn nửa hoang vu  
Cương lòng chinh mã què chân hạc  
Củi thối quân lương chẻ chữ thờ  
Khoa bảng bia còn hàng chữ khắc  
Khuê văn gác sót bóng sao thừa... [2]*

Cùng đi với thi sĩ Đông Hồ cũng có cả nữ sĩ Mộng Tuyết, đôi chim  
liền cánh từ vùng trời sao Dực sao Chẩn vừa bay ra đất Bắc để góp  
chung nguồn cảm hứng vào tâm sự của:

*Bút tháp viết trời xanh chữ hận  
Nghiên đài tràn mực đậm màu thu.*

Buổi gặp ở “Giám Hồ hồ biên” chỉ ngắn ngủi trong vòng một khắc;  
giữa khoảng hai chén trà, Đông Hồ tiên sinh có đọc mấy câu thơ,  
rồi ngâm lên, âm hưởng bàng bạc như vô cùng xa lạ, mà cũng như  
quen thuộc từ lâu lắm, từ những thuở nào xưa!

Đến nay giọng ngâm sương kính êm đêm kia vẫn còn nghe rơi rớt  
đâu đó mỗi khi tôi ngồi trầm mặc, pha chén trà thứ nhất trong  
ngày, khói bốc lên xanh ngát đón bình minh, kể cả mùa mưa mùa  
nắng...

Nhưng mấy câu thơ ngẫu chiếm ấy ra sao? Bốn câu hay chỉ hai  
câu? Bảy chữ hay năm chữ? Tôi không nhớ gì hết, ngoài cái hình  
ảnh “ngõ trúc” mà ngay lúc đó thơ tiên sinh đã gieo vào cảm quan  
của tôi! Ngõ trúc? Phải rồi, những khóm trúc gầy úa trong con ngõ  
hẻm dẫn vào hiên Loạn Trung Bút của Hoàng Lang. Ngõ trúc! Nhớ  
được bấy nhiêu tưởng cũng đã quá đủ; hà tất phải làm nhọc ký ức  
thêm.

Vì bấy nhiêu đó là “chân cảm”. Còn ngoài ra, đều chỉ giữ phần “gắm dệt hoa thêu”.

Tiên sinh chẳng đã có lần tâm sự với tôi đó sao! “Thơ làm cả tập chỉ cầu lấy đắc ý một bài; trong cả hai bài ấy cũng chỉ cầu lấy ngọc đọng ở một chữ”.

Ôi, đó chính là cái Hồn đích thực của thơ Á Đông! Một chữ ngọc đọng, với hào quang “chân cảm” của nó, đủ soi sáng cả một bài thơ, cả một tập thơ, cả một thi nghiệp!

Cho nên từ sau buổi “Con chim bằng vỗ cánh dời sang Nam Minh” tôi thường đến thăm tiên sinh, tham dự hoặc tổ chức những chiều ngâm vịnh xướng họa, cùng trao đổi biết bao là “ý ngọc tình châu”. Tiên sinh còn nhớ chăng buổi họp thơ đầu năm Mùi, với đề thơ “Hương gây mùi nhớ”? Và tôi quên sao được cái phút tiên sinh mỉm cười trao tận tay tôi bài thơ luật viết theo đề “Trùng cửu thơ trao” nhân buổi họp cuối thu cũng năm Mùi ấy.

Nhưng rồi qua năm Thân khói lửa mù mịt, sang năm Dậu tương đối yên hàn; tôi lại xướng lên đề thơ “Rày ước mai ao” thì tiên sinh lỗi hẹn bất ngờ, phụ lòng ao ước của làng Ngâm vịnh.

Chợt nhớ lại một trong bốn bài thơ “Trùng cửu”, bài vãn TRAO, của tiên sinh có những câu:

*Rông ở sâu và Tiên ở cao,  
Thơ làm lơ lửng giữa ai trao.  
Mùa về tháng Chín ngày mông chín  
Ta ở nơi nào tự thuở nao...*

tôi không khỏi giật mình, ngẩng trông lên vòm sao thưa thớt: giờ đây “Đại Ân am không”, biết tìm tiên sinh ở thuở nào, nơi nào được nhỉ?

Tiên sinh vội chi mà lỗi hẹn? Vừa qua buổi nguyên tiêu được năm ngày, tôi đã vượt hai chặng xe Lam (Trần Quốc Toàn – Phú Nhuận, rồi Phú Nhuận – Chi Lăng) đến tận Quỳnh Lâm Thư thất trao đề thơ và giấy mời họp, ấn định vào tiết Thanh minh, tháng Ba, ngày bốn. Tiên sinh đang có khách; nhưng cũng đọc đi đọc lại đề thơ, rồi cười hỏi: “Tại sao lựa đề tài này? Rày ước mai ao

chuyện gì vậy?”. Tôi lấy giọng thân mật trả lời: “... Thì... mười lăm năm ấy biết bao nhiêu tình!... đó mà”. Tiên sinh vẫn còn thắc mắc: “Ai chả biết thế, nhưng... ờ... ờ! Thôi cũng được đi! Mà... còn xa ngày đó chứ?”. Thế rồi tiên sinh đưa tôi ra tận ngoài hiên, gương mặt rất vui, cầm tay tôi khen ngợi thật tình: “Coi bộ Vũ Hoàng Chương vậy mà nhàn lắm nhỉ!”.

Ai ngờ đâu tới buổi họp tháng Ba ngày bốn thì tiên sinh rũ áo bụi hồng đã được hai mươi tám hôm rồi. Các thi hữu trên tiệc, từ nữ sĩ Đào Vân Khanh, tuổi còn hơn tiên sinh một giáp, cho đến Tôn Nữ Hỷ Khương, tuổi chỉ bằng nửa số tuổi của tiên sinh, ai cũng ngán ngơ thương cảm, vẫn điệu thoi sao cũng vương mắc chập chờn. Nhân danh “kẻ mời tiệc hôm đó”, tôi yêu cầu Hỷ Khương ngâm lên bài thơ mà tôi vừa hoàn tất, để cùng nhớ ĐÔNG HỒ ĐẠI ÂN AM.

Thơ rằng:

*Trăng chiều in đó nét mày ai  
Nhật tiếng gà trưa sắc nắng mai  
Ngày tháng góp nên thơ bảy chữ  
Sông hồ quây tới rượu hai vai  
Gió không thét nữa roi câu Vị  
Mây đã về quanh tiệc bến Sài  
Tình bạn như hoa tùy hứng nở  
Đông Quân có hẹn nở nào sai  
Ôi mười hẹn một đơn sai  
Chỗ ngồi năm trước bóng ai đâu nào  
Hương cùng gây... Thơ cùng trao  
Mà quên Rày ước mai ao cho đành  
Hồn lai, hề, phong lâm thanh  
Ngọc nhân lai, hề, lạc hoa vô thanh  
Vạn đội tửu binh, hề, nan phá sầu thành [3]  
Trên tiệc các bạn cũ  
Ai là không hoài cảm giác phù sinh  
Đại Ân ẩn hà xír  
Cao ngâm trưởng bất bình*

*Nhìn nhau mình lại thương mình  
Trâm xây Vương giả hương đình rồi to  
Phải chăng giữa đợt khói mờ  
Tay ai giáng bút qua bờ âm dương. [4]*

Tất cả đều lắng tai và xúc động tới đỉnh cao nhất của duyên Thơ tình Bạn.

Riêng phần tôi, chỉ mong rằng những âm thanh gieo ngọc của Tôn Nữ Hỷ Khương có đủ ma lực dọn lối mời anh hồn tiên sinh về ngự giữa thi đàn. Và qua những âm thanh gieo ngọc ấy, may ra bài thơ của tôi có được một chữ nào “động ngọc” làm vừa ý tiên sinh chăng! Lệ là không ngọc ư, hồi rừng xanh ải tối?

Tâm tư thời đại

Nữ sĩ Thanh Quan trước đây hơn một thế kỷ đã cất tiếng náo nuột khóc thành Thăng Long, cảm thương cho nó trải từ Lý, Trần vẫn thường oanh liệt sắm vai trò Đế Đô, rồi chẳng tội tình gì cũng bị chấm dứt vai trò ấy một cách tàn nhẫn:

*Tạo Hóa gây chi cuộc hí trường!  
Đến nay thẳm thoát mấy tình sương...*

Thế là từ cuối thế kỷ thứ mười tám, kinh đô nước Việt dời vào Thuận Hóa tức Huế đô mà cũng thường được gọi bằng một cái tên văn vẻ: Phượng Thành. Đổi lại với Long Thành!

Khoảng 1947, nhân dịp tản cư, người viết bài này có duyên được đọc bài thơ Qua Huế cảm tác của nữ sĩ Mộng Thiên, và cứ chiếu theo năm vắn của nữ sĩ họa lại như sau đây, gọi là nối dòng dư lệ của Thanh Quan, một đànng khóc thành Rồng, một đànng khóc thành Phượng:

*Nửa gánh gương đàn tới Đế đô  
Mưa liền sông tạnh tưởng vào Ngô.  
Bìm leo cửa khuyết, ai ngờ rứa  
Rồng lẩn mây thành, chẳng thấy mô.*

*Lăng miếu tỉnh chưa hồn cứu mộng?  
Vàng son đẹp nhĩ bức dư đồ!  
Tiếng chuông Thiên Mụ riêng hoài cảm  
Tốt đã vào cung... loạn thế cờ.*

Câu thứ hai vì vắn “Ngô” khó quá, không họa thẳng được, nên phải cầu cứu đến thơ Đường:

Hàn vũ liên giang dạ nhập Ngô...

Câu ba câu bốn đều ám chỉ việc vua B. Đ. thoái vị đi lưu vong và triều Nguyễn cũng đồng thời chấm dứt.

Câu tám đã nói màu đến thời sự: T.H.L. và C.H.C. vào Huế tước ấn kiểm Hoàng đế. Việc xảy ra cuối năm 1945.

Thời gian không ngừng trôi, cuộc biến đau lại tiếp diễn. Giữa năm 1954, kẻ viết bài này đã theo trăm họ vào Nam.

Thị trấn Sài Gòn, thường gọi nôm na là Bến Nghé, vụt trở dậy sắm vai trò lịch sử của Thăng Long, Thuận Hóa trước kia; đã trở thành kinh đô Nước Việt, có quốc tế thừa nhận rõ ràng.

Hà Nội (tức Thăng Long), Thuận Hóa (tức Phượng Thành), Sài Gòn (tức Bến Nghé)... Chẳng đường lui xuống phương Nam ấy, biết có khơi dậy cảm xúc cho ai chẳng, riêng Vũ Hoàng Chương thì chỉ biết ghi nhận một nét tâm tư thời đại:

*Long Thành đâu nhĩ? Phượng Thành mô?  
Lê, Nguyễn: Hai giòng lệ cổ đô.  
Lệ chảy, chảy xuôi tràn Bến Nghé  
Giọt mình... Nam Hải sóng lô xô.*

### **Chú thích:**

[1]Thơ Vũ Hoàng Chương.

[2]Thơ Đông Hồ (trong tập Bội lan hành, 1969).

[3]Ba câu đặt bằng Hán tự. Và có nghĩa như sau:

*Hồn tôi chừ rừng phong xanh*

*Người ngọc tới chừ hoa rụng không tiếng*

*Muôn đội binh Rượu chừ khó phá thành Sầu.*

*V.H.C.*

*[4] Bài thơ gồm 23 câu nhưng có sự gián đoạn về thời gian sáng tác: sáu câu đầu đã viết từ trước khi Đông Hồ thi hữu lên đường; còn từ câu bảy trở xuống, đều đã sáng tác ngay trong buổi họp.*

Nguồn: Cơ sở xuất bản Trương Vĩnh Ký, in tại Sài Gòn ấn quán, 35 Nguyễn Đình Chiểu, Sài Gòn, Việt Nam. In 5.000 cuốn, xong ngày 20-3-1974 – Nạp bản tháng 3-1974. Giấy phép PTUDV số 278-74 – KSALP – TP – ngày 21-1-1974. Phát hành: 25-3-1974 – Số đăng ký tại Nhà xuất bản: I-A. Bản điện tử do talawas thực hiện.

**HẾT**